3.1d THÁNH NHÂN KÝ SỰ (Apadāna) - C. Trưởng Lão Ký Sự - Phần Thứ Nhất (Phẩm XXX-XL)

Kinh Tiểu Bộ - Tập 5 (VNC PHVN, 2021)

THÁNH NHÂN KÝ sự 233

XXX. PHẨM CIIAKAPŪJAKA (CITAKAPŪJAKAVAGGO}

291. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA (Citakapūjakattherāpadānam) 2671. Lúc bấy giờ, tôi đã là vi Bà-la-môn tên Ajita. Có ý định dâng tặng vật hiến cúng, tôi đã thu thập nhiều loại bông hoa. 2672. Sau khi nhìn thấy giàn hỏa thiêu của đấng Quyến Thuộc Thế Gian Sikhī đang bốc cháy, tôi đã đem số bông hoa ấy lại và đã rải rắc ở giàn hỏa thiêu. 2673. [Ke từ khi] toi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp. tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2674. Trước đây hai mươi bảy kiếp, bảy vi thống lãnh loài người [cùng] tên Supajjalita ây đã là các đang Chuyên Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2675. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Citakapūjaka95 là phần thứ nhất

292. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PUPPHADHÃRAKA (Pupphadhārakattherāpadānam) 2676. Tôi đã là vị mang y phục băng vỏ cây, có y choàng là tâm da dê, có năm thăng trí đã được phát sanh, là người chạm đên mặt trăng. 2677. Sau khi nhìn thấy đấng Quang Đăng Của Thế Gian Vipassī đã ngự đến chỗ tôi, tôi đã nắm giữ những bông hoa san hô [hình chiếc lọng] che cho bậc Đạo Sư. 2678. [Ke từ khi] tôi đã nắm giữ bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc năm giữ. 2679. Trước đây tám mươi bảy kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Samantadhārana, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2680. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

1 Citakapūjaka nghĩa là cúng dường {pūịakà) lễ hỏa táng (citakà)y

234 KINH TIỂU Bộ

Đại đức Trưởng lão Pupphadhâraka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Pupphadhãraka" là phần thứ nhì.

293. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CHATTADẢYAKA (Chattadāyakattherāpadānam) 2681. Lúc bấy giờ, người con trai của tôi đã xuất gia, có trang phục là y ca- sa. Và vị ấy đã đạt được bản thể của vị Phật, đã Niết-bàn, được thế gian tôn vinh. 2682. Trong lúc tìm hiểu về [tăm tích] người con trai của mình, tôi đã đi lần theo ở phía sau. Tôi đã đi đến giàn hỏa thiêu của con người vĩđại đã được Niết-bàn. 2683. ở tại nơi ấy, tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ giàn hỏa thiêu. Khi ấy, tôi đã cầm lấy chiếc lọng trắng và đã dâng lên. 2684. [Ke từ khi] toi đã dâng lên chiếc lọng trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc lọng. 2685. Trước đây

hai mươi lăm kiếp, bảy vị thông lãnh dân chúng [cùng] tên Mahâraha ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2686. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chửng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Chattadãyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Chattadâyaka" là phần thứ ba.

294. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA (Saddasañ̃akattherāpadānam) 2687. Khi mặt trời còn chưa mọc lên, đã có tiếng gầm ru dữ dội [báo hiệu] sự xuất hiện của đức Phật tối thượng, bậc Đại Ẩn Sĩ ở trên thế gian. 2688. Tại nơi ấy, tôi đã nghe được tiếng động nhưng tôi không nhìn thấy đấng Chiến Thắng ấy. Và khi sự chết đã gần kề, tôi đã nhớ lại sự suy tưởng về đức Phật. 2689. Ke từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật. 2690. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tội] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saddasañ̃aka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Saddasañ̃aka" là phần thứ tư. 2 Pupphadhãraka nghĩa là "vi nắm giữ (dhâraka) bông hoa (pupphà)y 3 Chattadãyaka nghĩa ỉa "vi dâng cúng (dãyako) chiếc lọng che (chattă)y 4 Saddasañ̃aka nghĩa là t4vị suy tưởng (sañ̃aka) về âm thanh (saddo)'

THÁNH NHÂN KÝ sự 235

295. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO GOSĪSANIKKHEPAKA (Gosīsanikkhepakattherūpadānam) 2691. Sau khi rời khỏi cánh cổng của tu viện, tôi đã trải lót xương sọ của loài bò [ở con đường lầy lội]. Tôi thọ hưởng nghiệp của mình; điều này là quả báo của nghiệp quá khứ. 2692. [Tôi có] các loài ngựa dòng Sindhu thuần chủng có tốc độ của gió, có các phương tiện di chuyển nhanh chóng, tôi thọ hưởng tất cả [các] thứ này; điều này là quả báo của [việc trải lótl xương sọ của loài bò. 2693. Ôi, hành động đã khéo được thực hiện bởi tôi ở thửa ruộng tốt là hành động tuyệt vời. Việc khác không có giá trị bằng một phần [mười sáu] so với hành động đã được thực hiện ở nơi hội chúng. r 2694. [Kê# từ khi] tôi 9đã r lót xương sọ của loài bò trước đây r trải 9 v chín mươi bôn kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc trải lót. 2695. [Trước đây] bảy mươi lam kiếp, toi đã là vị tên Suppatitthita, là người độc nhất có quyền uy vĩ dại, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2696. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Gosĩsanikkhepaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Gosisanikkhepaka" là phần thứ nắm.

296. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PĀDAPŪJAKA (Pãdapũịakattherãpadânam) 2697. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài Kim Si điểu ở ngọn núi Hy-mã-lạp. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, tợ như mặt trời có tia sáng màu vàng. 2698. Khi đức Phật Vipassī, đấng Lãnh Đạo Thế Gian ấy đi đến gần tôi, khi ấy tôi đã rải rắc tràm hương và luôn cả cỏ thơm ở bàn chân [Ngài]. 2699. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bàn chân ấy trước đây chín mươi mốt kiep, toi không con biêt đen kho canh; điêu nay là qua bao cua việc cung dương ở bàn chân. 2700. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pādapūjaka6 đã nói

lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Pādapūjaka" là phần thứ sáu.

297. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO DESAKITTAKA (Desakittakattherāpadānam) 2701-02. Lúc bấy giờ, tôi đã là vị Bà-la-môn tên UpasâḶhaka. Sau khi nhìn 5 Gosĩsanikkhepaka nghĩa là đặt xuống (nikkhepakà) những cái sọ(SĨSŨÌ) của loài bò (go)." 6 Pādapūjaka nghĩa ỉa uvị cúng dường ịpiḶịaka) ở bàn chân (pãdàyy

thấy bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đi sâu vào khu rừng rậm, tôi đã đảnh lễ VỊ Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng của thế gian ở hai bàn chân. Biết được tôi có tâm đã được tịnh tín, đức Phật đã biến mất. 2703. Sau khi lìa khỏi khu rừng rậm, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng. Sau khi tán dương khu vực ấy, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. 2704. [Ke từ khi] tôi đã tán dương khu vực ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương. 2705. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tơi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Desakittaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Desakittaka^ là phần thứ bảy.

298. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SARANAGAMANIYA (Saranagamaniyatherāpadūnam) 2706. Tôi đã là người thợ săn ở ngọn núi Hy-mã-lạp. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu. 2707. Sau khi đi đến gặp bậc Toàn Giác, tôi đã làm công việc phục vụ. Và tôi đã đi đến nương nhờ đối với bậc Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 2708. [Ke từ khi] toi đã đi đến nương nhờ trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đi đến nương nhờ. 2709. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saranagamaniya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Saraọagamaniya" là phần thứ tám.

299. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AMBAPINDIYA (Ambapindiyattherāpadānam) 2710. [Tôi đã là] người khổng lồ được nổi tiếng với tên là Romasa. Tôi đã dâng cúng một chùm trái xoài đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī. 2711. Ke từ khi tôi đã dâng cúng xoài trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng trái xoài. 2712. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ambapindiya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í4Ký sự về Trưởng lão Ambapindiya^ ỉa phần thứ chín. 7 Desakittaka nghĩa là uvị tán dương (kittakà) khu vực (desăyy 8 Saranagamaniya nghĩa là t4vị liên quan việc đi đến (gamana) nương nhờ (sarana), tức là đã quy y." 9 Ambapindiya nghĩa là 4tvị liên quan đến chùm (pinda) xoài (ambà)y

300. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ANUSAMSÃVAKA (Anusamsāvakattherāpadānam) 2713. Tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng Vipassī đang đi khất thực. Tôi đã dâng lên một vá thức ăn đến đang Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 2714. Với tam tinh tín, với ý vui mừng, khi ấy tôi đã đảnh lễ và tôi đã ngợi ca đức Phật nhằm đạt đến mục đích tối thượng. 2715. [Ke từ khi] toi đã ngợi ca [đức Phật] trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi

không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ngợi ca [đức Phật]. 2716. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lòd dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Anusamsāvaka10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Anusamsāvaka95 là phần thứ mười.

Phần tóm lược Giàn hỏa thiêu, bông hoa san hô, chiếc lọng [trắng], tiếng động, việc trải lót xương sọ của loài bò, [vị đảnh lễ] bàn chân, [vị tán dương] khu vực, sự nương nhờ, trái xoài, và luôn cả vị ngợi ca [đức Phật]; [tổng cộng] có bốn mươi bảy câu kệ đã được tính đếm bơi các bậc trí. Phẩm Citakapūjaka là phẩm thứ ba mươi.

Giờ ỉa phan tóm lược của các phàm Bông hoa kanikāra, vị cúng dường voi, vật tựa [lưng], chỗ ngồi và nước, hạt tuvara nướng, vi tán dương và luôn cả việc thảy lên [không trung], gối kê dầu, vi dâng cúng lá cây và vị cúng dường lễ hỏa táng; toàn bộ các câu kệ ở đây là bốn trăm năm mươi mốt câu. Tất cả gồm có hai ngàn năm trăm và bảy mươi hai câu thêm vào đó nữa. [Tổng cộng] có ba trăm ký sự đã được tính đếm bởi các vị nhìn thấy sự lợi ích. Nhóm “MQt trăm” thứ ba được đầy đủ.

10 Anusamsãvaka nghĩa là ngợi ca (anusarnsāvaka) đức Phật.„

XXXI. PHẨM PADUMAKESARIYA (PADUMAKESARIYAVAGGƠ)

301. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAKESARIYA (Padumakesariyattherãpadãnam) 2717. Trong thời quá khứ, tôi đã là con voi ở hội chúng các vị Đại Ẩn Sĩ. Do niềm tịnh tín, tôi đã rải rắc nhụy của hoa sen đến các bậc Đại Ẩn Sĩ. 2718. Các đấng Chiến Thắng Độc Giác tối thượng là những vị có các ái đã được giũ bỏ như thế ấy. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở các vi ấy, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. 2719. Ke từ khi tôi đã rải rắc nhụy hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2720. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Padumakesariya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Padumakesariya^ là phần thứ nhất.

302. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SABBAGANDHIYA (SabbagandhiyattherãpadãnatIi) 2721. Tôi đã dâng cúng tràng hoa có hương thơm đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī. Tôi đã dâng cúng tâm vải thượng hạng băng tơ lụa đên bậc có bản thê chính trực. 2722. [Ke từ khi] tôi đã dâng cúng vật thơm trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng vật thơm. 2723. Trước đây mười lăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Sucela, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2724. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sabbagandhiya1 2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ố6Ký sự về Trưởng lão Sabbagandhiya” là phần thứ nhì. 1 Padumakesarỉya nghĩa là 4tvị liên quan đến việc rải rắc nhụy (kesară) sen hồng (padumà)y 2 Sabbagandhiya nghĩa là "vi liên quan đến tất cả (sabbā) các loại hương thơm (gandhā)^

303. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PARAMANNADÃYAKA (Paramannadāyakattherāpadānam) 2725. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, tợ như cây kanikāra đang cháy sáng, tợ như mặt trời đang mọc lên. 2726. Tôi đã chắp tay lên và đã rước Ngài về nhà của mình. Sau khi đã rước đấng Toàn Giác [về nhà], tôi đã dâng cúng vật thực thượng hạng. 2727. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thực thượng hạng trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của vật thực thượng hạng. 2728. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Paramannadâyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 44Ký sự về Trưởng lão Paramannadãyaka" là phần thứ ba.

304. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMASAÑÑAKA (Dhammasaññakattherāpadānam) 2729. Đã có lễ hội ở cội Đại Bồ-đề của đức Thế Tôn Vipassī đúng vào lúc đấng Toàn Giác, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đang ngự ở cội cây. 2730. Vào thời điãĩi ấy, được tháp tùng bởi hội chúng Tỳ-khưu, đức Thế Tôn [đã] công bố về bốn sự thật, trong lúc thốt lên với lời nói hùng tráng. 2731. Trong khi thuyết giảng một cách giản lược và trong khi thuyết giảng một cách chi tiết, đấng Toàn Giác, bậc Đã Phơi Bày Điều Bị Che Lấp đã giúp cho đám đông dân chúng thành tựu Niết-bàn. 2732. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư và đã ra đi, mặt hướng phía Bác. 2733. Ke từ khi tôi đã lắng nghe giáo pháp trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về giáo pháp. 2734. Trước đây ba mươi ba kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Sutavã, là đang Chuyên Luân Vương có oai lực lớn lao. 2735. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

3 Paramannadâyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) vật thực (anna) thượng hạng (paramā)^

Đại đức Trưởng lão Dhammasañfiaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Dhammasaflñaka^ là phần thứ tư.

305. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PHALADĀYAKA (Phaladāyakattherāpadānam) 2736. Lúc bây giờ, đã có khu ân cư ở bờ sông Bhāgīrathī. Có sự mong câu, tôi đã đi đến khu ẩn cư ấy, tay cầm trái cây. 2737. ở tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấỵ [đức Phật] Vipassī tợ như mặt trời có tia sáng màu vàng. Tôi đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư tất cả trái cây mà tôi có. 2738. Ke từ Idii tôi đã dâng cung trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 2739. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Phaladâyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Phaladãyaka^ là phần thứ năm.

306. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAMPASÃDAKA (Sampasādakattherāpadānam) 2740. Bạch đức Phật Anh Hùng, con kính lễ Ngài! Ngài đã được giải thoát về mọi phương diện. Vì con đã bị lâm vào cảnh bất hạnh, xin Ngài hãy là nơi nương nhờ của con đây. 2741. Đức Siddhattha, bậc Không Người Đối Địch ở Thế Gian đã chú nguyện cho tôi đây rằng: "Hội chúng là vô thượng, không thể đo lường, sánh băng biển lớn. 2742. Ngươi hãy làm cho tâm được tinh tín ở hội chúng, thửa ruộng không bị nhơ bẩn, nguồn ban phát kết quả vô cùng tận. Ngươi đã gieo hạt giống tốt, ngươi hãy trồng tỉa ở tại nơi ấy." 2743. Sau khi nói xong điều này, sau khi đã chỉ dạy cho tôi như thế, đấng Toàn Tri, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã bay lên khoảng Idiông ở bầu trời. 2744. Khi bậc Toàn Tri, đấng Nhân Ngưu, vừa mới ra đi không bao lâu, tôi đã gần kề sự chết, và tôi đã được sanh lên cõi trời Đẩu-suất. 2745. Khi ấy, sau khi đã làm cho tâm được tịnh tín ở hội chúng, thửa ruộng không bị nhơ bẩn5 nguồn ban phát kết quả vô cùng tận, tôi đã sướng vui ở cối trời một kiếp. 2746. Ke từ khi toi đã đạt được niềm tinh tín trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của niềm tinh tín.

4 Dhammasaññaka nghĩa là "vi suy tưởng (saññaka) về giáo pháp (dhammā)^ 5 Phaladãyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dãyako) trái cây (phală)y

2747. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sampasâdaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Sampasãdaka" là phần thứ sáu.

307. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ÃRẢMADẢYAKA (Ãrãmadãyakattherãpadãnam) 2748. Tự viện của đức Thế Tôn Siddhattha đã được tôi tạo dựng trong khi các con chim được yên lặng ở những cội cây có bóng râm dày đặc. 2749. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vi thọ nhận các vật hiến cúng. Tôi đã bàn giao tu viện đến bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu. 2750. Được mừng rỡ? với tâm mừng rỡ tôi đã dâng cúng trái cây và bông hoa. Sau đó, có niềm tịnh tín đã được sanh lên, tôi đã chuyển giao khu rừng ấy. 2751. Bất cứ vật gì toi đã dâng cúng đến đức Phật với tâm ý trong sạch [đều có] quả báo sanh khởi đến tôi trong khi tôi tái sanh vào cõi hữu. 2752. Ke từ khi tôi đã dâng cúng tu viện trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của tu viện. 2753. Trước đây ba mươi bảy kiếp, bảy vi [cùng] tên Mudusĩtala đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2754. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ārāmadāyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 4íKý sự về Trưởng lão Ārāmadāyaka99 là phần thứ bảy.

308. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ANULEPADÃYAKA (Anulepadãyakattherũpadãnam) 2755. Tôi đã nhìn thấy vị Thinh văn của bậc Hiền Trí Atthadassĩ. Trong khi vi ấy đang xây dựng công trình mới ở trong khuôn viên [tu viện], tôi đã đi đến gàn [nơi ấy]. 2756. Và khi công trình mới đã được hoàn thành, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng ở phước điền

vô thượng, tôi đã dâng cúng lớp vữa tô. 2757. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của lớp vữa tô. 2758. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

6 Sampasãdaka nghĩa là uvị tự tạo niềm tin (pasãdakă) cho chính mình (sam)y 7 Ẅrãmadâyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dãyako) tu viện (ãrãmă)y

Đại đức Trưởng lão Anulepadâyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Anuỉepadãyaka" là phần thứ tám.

309. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA (Buddhasaññakattherāpadānam) 2759-60. Trong giấc mơ, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, tợ như mặt trời đang mọc lên, tợ như mặt trời có tia sáng màu vàng, đang đi vào bên trong khu rừng. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín vào điều ấy, tôi đã sanh lên nhàn cảnh. 2761. Ke từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật. 2762. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Buddhasaflñaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Buddhasañña ka" là phần thứ chín.

310. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PABBHÃRADẢYAKA (Pabbhãradăyakattherâpadãnam) 2763. Sườn núi đã được tôi làm sạch sẽ dành cho đức Thế Tôn Piyađassĩ. Và tôi đã bố trí lu nước cho việc sử dụng của vị [Phật] như thế ấy. 2764-65. Đức Phật, bậc Đại Hiền Trí Piyadassĩ đã chú nguyện về việc ấy cho tôi rằng: "Tòa lâu đài ấy có một ngàn khu vực, có một trăm quả cầu tròn, được trang hoàng với những lá cờ, được làm với màu lục, và châu báu không phải là ít sẽ được sanh lên [cho nguôi]." Sau khi dâng cúng vật thí là sườn núi, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. 2766. Irước đây ba mươi hai kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Susuddha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2767. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pabbhāradāyaka10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Pabbhâradăyaka55 là phần thứ mười.

8 Anulepadãyaka nghĩa là dâng cúng (dãyaka) vữa tô (anulepà)y 9 Buddhasañña ka nghĩa là suy tưởng (sañña ka) về đức Phật (buddhā)' 10 Pabbhâradâyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) sườn núi (pabbhãrà)y

Phần tóm lược Tua nhụy, vật thơm và vật thực, vị có sự suy tưởng về giáo pháp, và [cúng dường] bằng trái cây, niềm tịnh tín, và vi dâng cúng tu viện, lớp vữa tô, vị suy tưởng về đức Phật, và vị dâng cúng sườn núi; [tổng cộng] có năm mươi mốt câu kệ đa được thuật lại. Phẩm Padumakesariya là phẩm thứ ba mươi mốt

xxxn. PHẨM ẢRAKKHADẢYAKA (ĀRAKKHADĀYĀKAVAGGO)

311. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ÃRAKKHADÃYAKA (Ārakkhadāyakattherāpadānam) 2768. Hàng rào đã được tôi cho xây dựng đến bậc Hiền Trí Dhammadassĩ. Và sự bảo vệ đã được tôi dâng cúng đến bậc Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 2769. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một ngàn tám trăm kiếp, do tính chất đặc biệt của nghiệp ấy, tôi đã đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc. 2770. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ārakkhadāyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Ãrakkhadâyaka^ là phần thứ nhất

312. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BHOJANADĀYAKA (Bhojanadāyakattherāpadānam) 2771. Đấng Chiến Thắng luôn luôn chiếu sáng tợ như cây sâla non trẻ đã được mọc lên tốt đẹp, tợ như cây sobhañjana đã vươn cao, tợ như tia sét ở trên bầu trời* 2772. Với tâm ý trong sạch, toi đã dâng cúng vật thực đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vessabhū, vị Trời Của Chư Thiên ấy. 2773. Đức Phật, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại đã nói lời tùy hỷ về vật [cúng dường] ấy đến tôi rằng: "Trong khi [ngươi] tái sanh vào cõi hữu, mong răng quả báo sanh khởi đên ngươi?5 2774. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của vật thực. 2775. Trước đây hai mươi lăm kiếp, tôi đã là vị tên Amittabha độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2776. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt) .. tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bhojanadāyaka1 2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Bhojanadāyaka" là phần thứ nhì. 1 Ãrakkhadãyaka nghĩa ỉa dâng cúng (dãyakcỉ) sự bảo vệ (ārakkho)? 2 Bhojanadāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) vật thực (bhojanà)y

313. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GATASAÑÑAKA (Gatasañña kattherāpadānam) 2777. Tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng Siddhartha đang di chuyển ở khoảng không của cõi trời. Và không có dấu chân [được lưu lại] ở bầu trời, ở trên không trung, ở lớp khí quyên. 2778. Sau khi nhìn thấy sự di chuyển của bậc Hiền Trí và nhìn thấy y của đấng Chánh Đẳng Giác bi lay động bởi làn gió, niềm hạnh phúc đã lập tức sanh khởi đến tôi. 2779. Ke từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật. 2780. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Gatasañña ka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Gatasañña ka" là phần thứ ba.

314. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAPADUMIYA ỤSattapadumiyattherãpadãnam) 2781. Tôi là vị Bà-la-môn tên Nesâda sống ở bờ sông. Tôi đã quét dọn khu ẩn cư bằng những bông hoa [sen] có trăm cánh. 2782. Sau khi nhìn thấy bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha có màu da vàng chói, đang di chuyển qua khu rừng, niềm vui đã sanh khởi đến tôi. 2783. Sau khi đi ra tiếp đón bậc Toàn Giác, đấng Trưởng Thượng Của

Thế Gian, bậc Nhân Ngưu, tôi đã rước [Ngài] về khu ẩn cư và đã rải rắc [đến Ngài] với những đóa hoa sen hạng nhất. 2784. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 2785. Trước đây bảy mươi ba kiếp, bốn vị [cùng tên] Pādapāvara đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2786. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sattapadumiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Sattapadumiya” là phần thứ tư.

3 Gatasañña̱ka nghĩa là "vi suy tưởng (sañña̱kci) về đức Phật đã đi qua (gata)y 4 Sattapadumỉya nghĩa là uvị liên quan đến bảy (satta) đóa sen hồng (padumà)y

315. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHẢSANADÃYAKA (Pupphāsanadāyakattherāpadānam) 2787. Đấng Toàn Giác Siddhattha, bậc Không Bị Đánh Bại, có màu da vàng chói tợ như mặt trời có trăm tia sáng, đang đi ở không xa. 2788. Tôi đã đi ra tiếp đón và đã đưa Ngài đi vào khu ẩn cư. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng chỗ ngồi bằng bông hoa. 2789. Khi ấy, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay len. Sau khi làm cho tâm được tinh tín ở đức Phật, tôi đã ước nguyện về nghiệp ấy rằng: 2790. "C6 phước thiện nào đã được tôi thực hiện ở đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại, do nhờ tất cả [các] thiện nghiệp ấy, mong rằng tôi được vô nhiễm ở trong giáo pháp.' 2791. Ke từ khi tôi đã dâng gùng chỗ ngồi bằng bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen khổ cảnh; điêu này là quả báo của chỗ ngồi bằng bông hoa. 2792. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pupphāsanadāyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* ẾỐKý sự về Trưởng lão Pupphāsanadāyaka" là phần thứ năm.

316. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ẢSANATTHAVIKA (Āsanatthavikattherāpadānam) 2793. Ngôi bảo tháp của đấng Quyến Thuộc Thế Gian Sikhī ten là Uttama. Lúc bay giờ, tôi đã mò mẫm lang thang ở trong khu rừng hoang vắng. 2794. Sau khi lìa khỏi khu rừng bao la, tôi đã nhìn thấy n^ôi bảo tọa sư tử. Tôi đã khoác y một bên vai, đã chắp tay lên và đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 2795. Sau khi đã ngợi ca đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian hết một khoảng thời gian trong ngày, [tôi đã] trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ toi đã thót len lơi noi nay: 2796. “Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhan, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Đại Hùng, bạch bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, bạch đấng Nhân Ngưu, Ngài là đấng Toàn Tri." 2797. Bằng cách lấy Ngài làm đối tượng, tôi đã ngợi ca đức Phật Sikhī và đã đảnh lễ ngôi bảo tọa, sau đó tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc. 2798. [Ke từ khi] tôi đã ngợi ca đấng cao quý trong số các vị đang thuyết giảng trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ca ngợi.

5 Pupphâsanadãyaka nghĩa là dâng cúng (dā))akā) chỗ ngồi (āsanā) bằng bông hoa (pupphà)y

2799. Trước đây hai mươi bảy kiếp, bảy vi [cùng] tên Atulya ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2800. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Âsanatthavika6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Ảsanatthavika" là phần thứ sáu.

317. KỶ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA (Saddasañ̃akattherāpadānam) 2801. Trong khi thuyết giảng về vị thế bất tử, đấng Đại Hùng có vóc dáng tốt đẹp, được tháp tùng bởi các bậc Thinh văn, cư ngụ ở căn nhà tối thượng. 2802. Bằng lời nói ngọt ngào ấy, Ngài [đã] thu hút đám đông dân chúng. Lời giảng đã vang vang và bao quát ở chư thiên và nhân loại. 2803. Sau khi lắng nghe âm thanh vạng vang của bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhartha, tôi đã làm cho tâm được tinh tín ở âm thanh và tôi đã đảnh lễ đang Lãnh Đạo Thế Gian. 2804. Ke từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đúc Phật. 2805. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saddasañ̃aka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Saddasañ̃aka" là phần thứ bảy.

318. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TIRAMSIYA (Tiramsiyattherāpadānam) 2806. [Tôi đã nhìn thấy đức Phật] Siddhattha đang chiếu sáng tất cả các phương ở trong vùng đồi núi, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý, tợ như ìdiối lưa ở ngọn núi. 2807. Sau khi nhìn thấy ánh sáng của đức Phật, ánh sáng của mặt trời, và tương tợ như thế ấy là ánh sáng của mặt trăng, niềm hạnh phúc đã sanh khởi đến tôi. “ 2808. Sau khi nhìn thấy ba loại ánh sáng, tôi đã khoác tấm da dê một bên vai và đã ngợi ca đức Phật, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, bậc Tối Thượng của các vi Thinh van. ọe \ 9 *1ĩ Ấ \ r r r Ả • 4 Â • 1 9 e 2809. Bởi vì ở thê gian có ba nguồn ánh sáng xua đuôi bóng tôi ở trên đời là mặt trăng, mặt trời, và đức Phật, đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

6 Ẫsanatthavika nghĩa là ngợi ca (thavika) ngôi bảo tọa (ãsana)y 7 Saddasañ̃aka nghĩa là suy tưởng (sañ̃aka) về âm thanh (saddo)'

2810. Tôi đã trình bày ví dụ so sánh và đã tán dương bậc Đại Hiền Trí. Sau khi tán dương vẻ đẹp của đức Phật, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. 2811. Ke từ khi tôi đã tán dương đức Phật trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương. 2812. Trước đây sáu mươi mốt kiếp, tôi đã là VỊ độc nhất tên Ñānadhara, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2813. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tiraipsiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Tiramsiya^ ỉa phần thứ tám.

319. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KANDALIPUPPHIYA (Kandalipupphiyattherāpadānam) 2814. Lúc bấy giờ, toi đã là người nông dân ở bờ sông Sindhu. Tôi bị vướng bận trong

việc quán xuyến công việc của người khác và [sống] lệ thuộc vào vật thực của người khác. 2815. Trong lúc đi dọc theo sông Sindhu, tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng Siddhattha đang ngồi thiền định, tợ như đóa hoa sen đã nở rộ. 2816. Khi ấy, tôi đã ngắt bảy bông hoa kandali ở cuống hoa. Tôi đã dâng lên ở đỉnh đầu của đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời. 2817. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, được đinh tĩnh trong [đề mục] thích hợp, tợ như loài voi mātañga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi khó mà tiếp cận. 2818. Sau khi đi đến gần vi [có tính] cẩn trọng, có [các] giác quan đã được tu tập ấy, tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ bậc Đạo Sư. 2819. [Ke từ khi] tôi đã cung đường bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2820. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)..tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Kandalipupphiya" là phần thứ chín.

320. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KUMUDAMÃLIYA (Kumudamāliyattherāpadānam) 282L [Tôi đã nhìn thấy] đấng Đại Hùng Vipassī, vị Anh Hùng ưu tú cao quý, bậc Đại Ẩn Sĩ có sự chinh phục, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý. 2822. Khi bậc Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đang bước đi ở đường lộ, tôi đã câm lây tràng hoa kumuda và đã rải răc đên đức Phật tôi thượng.

8 Tirarnsiya nghĩa là 4tvị liên quan đến ba (tĩ) nguồn ánh sáng (ramsỉ)y

2823. [Ke từ khi] tôi đã cúng dườnệ bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2824. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kumudamâliya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Kumudamãliya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị dâng cúng sự bảo vệ, vi dâng cúng vật thực, vi có sự suy tưởng về đức Phật đã đi qua, vị liên quan đến đóa hoa sen, vị có chỗ ngồi bằng bông hoa, vi ca ngợi, vi có sự suy tưởng về âm thanh, ba loại hào quang, vị có hoa kandali, vị có hoa kumuda, [tổng cộng] có năm mươi bảy câu kệ. Phẩm Ãrakkhadãyaka là phẩm thứ ba mươi hai.

9 Kumudamâliya nghĩa là uvị liên quan đến tràng hoa (mãlã) kumuda."

xxxm. PHẨM UMMẢPUPPHIYA (UMMẴPUPPHIY4 GGƠ)

321. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UMMÃPUPPHIYA (Ummāpupphiyattherāpadānam) 2825. Tôi đã nhìn thấy đấng Tối Thượng Nhân, bậc Không Bi Đánh Bại Siddhattha đã được định tĩnh, đã được đạt đến và đã nhập vào thiền định. 2826. Tôi đã cầm lấy bông hoa ummã và đã dâng lên đức Phật. Tất cả các bông hoa có đầu quay về một hướng, có cuống hoa ở phía trên, có miệng hoa ở phìa dưới. 2827. Trong khi ngự ở trên không trung, chúng có nhiều màu sắc tợ như chiếc thảm bông hoa. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi trời Đẩu-suất. 2828. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa

trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2829. Trước đây năm mươi lăm kiếp, tôi đã vị lãnh chúa độc nhất tên Samantacchadana, là đang Chuyên Luân Vương có oai lực lớn lao. 2830. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ummãpupphiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Ummâpupphiya^ là phần thứ nhất

322. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PULINAPŪJAKA (Pulinapũịakattherãpadãnam) 2831. [Tôi đã nhìn thấy] đấng Nhân Ngưu đang chiếu sáng, trông tợ như cây kakudhā đang chói sáng, giống như con bò mộng thuần chủng, tợ như vì sao osadhĩ đang tỏa rạng. 2832. Tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ đấng Đạo Sư. Được hoan hỷ với việc làm của bản thân, tôi đã ngợi ca đấng Đạo Sư. 2833. Sau khi nhặt lấy cát vô cùng trong sạch và túm lại bằng vạt váy, tôi đã rải rắc ở con đường đã đi qua của bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī.

1 Ummãpupphiya nghĩa là 4tvị liên quan đến bông hoa (pupphà) ummā.,,

2834. Sau đó, với tâm ý trong sạch tôi đã rải xuống một nửa số cát ở chỗ nghỉ ngơi ban ngày của bậc Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 2835. [Ke từ khi] toi đã rải xuống số cát trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cát. 2836. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pulinapūjaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Pulinapūjaka" là phần thứ nhì.

323. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO HĀSAJANAKA (Hāsajanakattherāpadānam) 2837. Sau khi nhìn thấy tấm y may từ vải bị (juang bỏ của bậc Đạo Sư được treo ở ngọn cây, tôi đã chắp tay lên và đã nâng tam y lên cao hơn nữa. 2838. Sau khi nhìn lại từ đàng xa, nụ cười đã sanh khởi đến tôi. Sau khi chắp tay lên, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín hơn nữa. 2839. Ke từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật. 2840. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Hāsajanaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 46Ký sự về Trưởng lão Hāsajanaka" là phần thứ ba.

324. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO YAÑÑASĀMIKA (Yaññasāmikattherāpadānam) 2841. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, toi đã là người thông thạo về chú thuật. Tôi đã duy trì truyền thống gia tộc, sự tế lễ đã được tôi khuyến khích. 2842. Khi ấy, tám mươi bốn ngàn con thú bị giết chết bởi tôi. Chúng đã bị đưa lại ở cột trụ bằng lõi cây và được sẵn sàng cho mục đích tế lễ. 2843. [Đức Phật] trông tợ thỏi vàng đặt ở cửa miệng lò nung, như là than gỗ khadira cháy rực, tợ như mặt trời đang mọc lên, tợ như mặt trăng vào ngày rằm. 2844. Đấng Toàn Giác Siddhattha, vi Đã Hoàn llianh Tất Cả Phận Sự, bậc Đem Lại Phúc Lợi Được Tôn Kính Bởi Tam Giới đã đi đến gần và đã n6i] nói này: 2845. "Này người trai trẻ, việc không hãm hại sanh mạng của mọi loài; sự xa lánh việc trộm cắp, việc gian dâm và việc uống chất say khiến Ta được hoan hỷ.

2 Pulinapūjaka nghĩa là cúng dường (pūjaka) cát (pulina)y 3 Hãsạianaka nghĩa là "vi làm sanh khởi (Janaka) nụ cười (hãsă)y

2846. Và sự thích thú trong sở hành bình lặng, sự hiểu rộng, lòng biết ơn, các pháp này nên được ca ngợi ở thế giới này và thế giới khác. 2847. Sau khi làm phát triển những pháp này, được vui thích về sự lợi ích đối với tất cả chúng sanh, sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở đức Phật, hãy tu tập đạo lộ tối thượng." 2848. Sau khi đã nói lời này, sau khi đã chỉ dạy tôi như thế, đấng Toàn Tri, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã bay lên không trung và ra đi. 2849. Tôi đã làm cho tâm được trong sạch trước, và sau đó đã làm cho tâm được tịnh tín. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi trời Đẩu-suất. 2850. [Ke từ khi] toi đã làm cho tâm được tịnh tín trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đưc Phật. 2851. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Yafiñasāmika4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trường lão Yaññasāmika" là phần thứ tư.

325. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NIMITTASAÑÑAKA (Nimittasaññakattherāpadānam) 2852. Tôi sống ở khu ẩn cư tại bờ sông Candabhãgã. Tôi đã nhìn thấy con nai màu vàng chói đang bước đi ở trong khu rừng. 2853. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở con nai, tôi đã tưởng nhớ đến đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã tưởng nhớ đến các vị Phạt khác. “ 2854. Chư Phật nào thuộc thời quá khứ xa xăm, hiện tại và vi lai, ba [thời] chư Phật ấy chói sáng như thế ấy tợ như con nai chúa. 2855. Ke từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đưc Phật. 2856. Trước đây hai mươi bảy kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Arafiñasatta, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2857. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nimittasañña ka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 46Ký sự về Trường lão Nimittasañña ka" là phần thứ năm.

4 Yaññasāmika nghĩa là làm chủ (sâmikă) lễ cúng tế (yaññā)'9 5 Nimittasañña ka nghĩa là suy tưởng (sañña ka) về hiện tướng (nimitta).9'

326. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ANNASAMSÃVAKA (Annasamsāvakattherāpadanam) 2858. Bậc Toàn Giác [Siddhartha], có màu da vàng chói tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng, đang đi ở khu phố chợ. 2859. Tôi đã rước bậc Toàn Giác Siddhartha, vị đã hoàn thành tất cả phận sự, bậc không còn dục vọng, vị không bị đánh bại, và tôi đã chăm lo bữa ăn đến bạc Đại Hiền Trí ấy. 2860. Khi ấy, bậc Hiền Trí, đấng Bi Man ở Thế Gian đã chiếu sáng đến toi. Sau khi làm cho tâm được tinh tín ở đức Phật, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. 2861. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc

dâng cúng vật thực. 2862. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Annasamsāvaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Aimasaipsavaka" là phần thứ sáu.

327. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NIGGUNDIPUPPHIYA (Niggundipupphiyattherāpadānam) 2863. Khi vi thiên nhân mệnh chung từ tập thể chư thiên do sự chấm dứt của tuổi thọ, chư thiên đang tùy hỷ thường thốt lên ba lời nói rằng: 2864. "Này bạn, từ nơi đây bạn hãy đi đến nhàn cảnh có sự cộng trú với loài người. Có bản thể nhân loại, bạn hãy đạt được niềm tin tối thượng vào Chánh pháp. 2865. Mong rằng niềm tin ấy của bạn được tạo lập, được sanh khởi cội rễ, được vững vàng trong Chánh pháp đã khéo được công bố và không bi dao động chõ đến hit CUOC đời?9 2866. ĔÍBạn hãy làm việc thiện bằng thân, nhiều việc thiện bằng khẩu. Bạn hãy làm việc thiện bằng ý, [là việc] không có khổ đau, không có mầm tái sanh. 2867. Sau đó, hãy làm nhiều việc phước còn có mầm tái sanh ấy bằng sự bố thí. Bạn cũng nên hướng dẫn những người bạn khác vào Chánh pháp, vào Phạm hạnh." 2868. Do lòng thương tưởng này, chư thiên khi đã biết vị thiên nhân đang mệnh chung, thường nói lời tùy hỷ rằng: "Hãy trở lại thành phố chư thiên lần nữa.,, 2869. Khi ấy, lúc hội chúng chư thiên đã hội tụ lại, đã có sự dao động ở tôi rằng: "Bi mệnh chung từ nơi này, ta sẽ đi đến sanh chủng nào?" 2870. Sau khi biết được sự dao động của tôi, vi Sa-môn có các giác quan đã được tu tập ấy, với ý muốn tiếp độ tôi, đã đi đến gập tôi.

6 Annasarnsāvaka nghĩa là "vi ngợi ca (samsāvaka) về việc dâng cúng vật thực (anna)y

2871. Vị Thinh văn của [đức Phật] Padumuttara tên là Sumanā. Khi ấy, vị ấy đã chỉ dạy ý nghĩa và giáo pháp, và đã làm cho tôi chấn động. (Dứt tụng phẩm thứ mười hai).

2872. Sau khi lắng nghe lời nói của vị ấy, tôi đã làm cho tâm được tinh tín ở đức Phật. Sau khi đảnh lễ bậc Trí tuệ ấy, tôi đã qua đời ở tại nơi ấy. 2873. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã được sanh ra ở chính tại nơi ấy. Trong khi sống ở trong bụng mẹ, tôi đã được người mẹ cưu mang lần nữa. 2874. Sau khi mệnh chung từ thân ấy, tôi đã được sanh về thế giới chư thiên. Khi ấy, tôi không nhận thấy tâm ưu phiền trong khoảng thời gian ấy. 2875. Sau khi mệnh chung từ cõi trời Bạo-lqi, tôi đã hạ sanh vào bụng mẹ. Sau khi ra khỏi bụng mẹ, tôi đã biết được [nghiệp] đen lẫn trắng. 2876. Chỉ mới bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã đi vào tu viện của đức Thế Tôn Gotama, người con trai của dòng Sakyā như thế ấy. 2877. Khi Phật ngôn đã được lan rộng, khi giáo pháp đã được nhiều người hiểu biết, tôi đã nhìn thấy ở tại nơi ấy những vị thực hành giáo pháp, những vi Tỳ-khiru của bậc Đạo Sư. 2878. Có thành phố tên là Sāvatthi, đức vua xứ Kosala ngự ở tại nơi ấy. Đức vua đã đi đến cội Bo-đề tối thượng bằng chiếc xe được kéo bằng voi. 2879. Sau khi nhìn thấy con voi của đức vua, tôi đã tưởng nhớ lại nghiệp quá khứ. Tôi đã chắp tay lên và đã đi đến cuộc hội họp. 2880. Chỉ mới bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Vị Thinh văn tên Ānanda đã hầu cận đức Phật. 2881. [Là người] có hành vi hoàn hảo, lại có nghị lực, có niệm và nghe nhiều,

trong khi làm tâm của đức vua được tịnh tín, vị có sự chói sáng rực rỡ đã truyền đạt lại [giáo pháp]. 2882. Sau khi lắng nghe giáo pháp của vị ấy, tôi đã tưởng nhớ lại nghiệp quá khứ. Trong khi là người đứng ở ngay tại chô ây, tôi đã thành tựu phàm vị A-la-hán. 2883. Sau khi khoác y một bên vai, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Sau khi đảnh lễ đấng Toàn Giác, tôi đã thốt lên lời kệ này: 2884. Tôi đã nâng lên bông hoa nig^undī rồi đã đặt xuống ở bảo tọa sư tử của đức Phật Padumuttara, đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Đạo Sư. 2885. "Bạch đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, nhờ vào nghiệp ấy con đã từ bỏ sự hơn thua và đã đạt được vị the bất động?5 2886. Trong hai mươi lăm ngàn kiếp, các bậc thống lãnh loài người [ở mỗi kiếp] đã là từng nhóm tám vị Sát-đế-lỵ có tuổi thọ dài, rất dài.7

7 Abbuda là số l thêm vào 56 số không, nỉrabbuda là số l thêm vào 63 số không. (ND)

THÁNH NHÂN KÝ sự 255

2887. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Niggundipupphiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 64Ký sự về Trường lão Niggundipupphiya w là phần thứ bảy.

328. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANĀVELIYA (Sumanāveliyattherāpadānam) 2888. Sau khi cùng nhau đi đến, tất cả dân chúng tiến hành việc cúng dường trọng thể đến đức Thế Tôn Vessabhū, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy. 2889. Khi ấy, tôi đã thực hiện một khối vôi bột cùng với vòng hoa đội đầu bằng bông hoa nhài, và tôi đã dâng lên ở phía trước bảo tọa sư tử. 2890. Tất cả dân chúng sau khi cùng nhau đi đến nhìn thấy bông hoa tối thượng [nói rằng]: "Người nào đã cúng dường bông hoa này đến đức Phật tối thượng như thế ấy?" 2891. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi Hóa Lạc thiên. Tôi thọ hưởng nghiệp của mình, đã khéo được thực hiện bởi bản thân trong thời quá khứ. 2892. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi đều là đối tượng yêu quý của tất cả; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa. 2893. Tôi không biết đến sự phỉ báng [nào] đã được thực hiện bởi tôi bằng thân, bằng lời nói, hay bằng ý đối với các vị đạo sĩ khổ hạnh, những vị đã chế ngự bản thân. 2894. Do việc ấy đã được thực hành tốt đẹp và do các nguyện lực của tâm, tôi là đối tượng được cúng dường của tất cả; điều này là quả báo của việc không phỉ báng. 2895. [Ke tư khi] toi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2896. Trước đây mười một kiếp, vị Sát-đế-lỵ tên Sahassâra đã là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2897. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sumanâveliya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Sumanãveliya^ là phần thứ tám.

8 Niggundipupphiya nghĩa là 4tvị liên quan đến bông hoa (puppha) niggundi.^, 9 Sumanãveliya nghĩa là uvị liên quan đến vòng hoa đội đầu (ãvelĩ) bằng hoa nhài (sumanàyy

329. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHACHATTIYA (Pupphachattiyattherāpadānam) 2898. [Trong lúc] đức Thế Tôn Siddhartha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy đang công bố về sự thật, đang giúp cho các sanh linh thành tựu Niết-bàn. 2899. [Khi ấy] tôi đã mang lại bông hoa sen mọc ở trong nước, làm thích ý. Sau khi thực hiện chiếc lọng che bằng bông hoa, tôi đã dâng lên đức Phật. 2900. Bậc Hiểu Biết Thế Gian Siddhartha, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đấng Đạo sir, đứng ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên lời kệ này: 2901. "Người nào sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở Ta đã nắm giữ chiếc lọng che bằng bông hoa, do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, người ấy không đi đến chốn khổ đau?9 2902. Nói xong lời này, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha đã giải tán hội chúng rồi đã bay lên khoảng không ở bầu ười. 2903. Khi vị Trời của nhân loại đứng dậy9 chiếc lọng che màu trắng cũng đã vươn lên. Chiếc lọng che tối thượng di chuyển ở phía trước đức Phật toi thượng. 2904. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên chiếc lọng che trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc lọng bằng bông hoa. 2905. Vào kiếp thứ bảy mươi bốn, tám vị [cùng] tên Jalasikha đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2906. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pupphachattiya10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Pupphachattiya" là phần thứ chín.

330. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAPARIVÃRACHATTADÃYAKA ịSaparívãrachattadâyakattherũpadãnam) 2907. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, làm mưa cơn mưa giáo pháp, tợ như nước mưa tuôn ở bầu trời. 2908. Tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác ấy đang thuyết giảng về vị thế bất tử. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đi vê nhà của mình. 2909. Tôi đã cầm lấy chiếc lọng che đã được tô điểm và đã đi đến gặp bậc Tối Thượng Nhân. Tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã ném [chiếc lọng] lên không trung. 2910. Tợ như chiếc xe kéo đã được khéo điều khiển, tợ như vị đứng đầu các bậc Thinh văn đã được huân luyện, [chiêc lọng che] đã tiên đên gân đang Toàn Giác và đã đứng yên ở trên đỉnh đau.

10 Pupphachattỉya nghĩa lầ 44vị liên quan đến chiếc lọng che (chattă) bằng bông hoa."

2911. Bậc Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này: 2912. "Chiếc lọng che đã được tô điểm làm thích ý này đã được dâng cúng bởi người nào, do sự tịnh tín ấy ở trong tâm người ấy không đi đến khổ cảnh. 2913. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc ở giữa chư thiên bảy lần, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi hai lần. 2914. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama xuất thân gia tộc Okkáka sẽ xuat hiện ơ thế gian. 2915. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người ấy] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu

hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoạc.55 2916. Hiểu được lời nói hùng tráng đã được thốt len là ngôn từ của đức Phật, với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã khởi lên niềm vui dào dạt. 2917. Sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã ngự đến sanh chủng thiên nhân. Có tòa lâu đài tối thượng làm thích ý đã được sanh lên cho tôi. 2918. Trong khi [tôi] rời khỏi cung điện, có chiếc lọng che màu trắng đã được cầm giữ [che cho tôi]. Khi ấy, tôi đã đạt được sự tưởng nhớ lại; điều này là quả báo của nghiệp quá khứ. 2919. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, tôi đã đi đến bản thể nhân loại. Trước đây bảy trăm kiếp, tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi sáu lần. 2920. Sau khi chết đi lìa bỏ thân ấy, tôi đã đi đến thành phố chư thiên. Sau khi tuần tự luân hồi, tôi đã quay trở lại cuộc sống nhân loại. 2921. Trong khi tôi hạ sanh vào bụng mẹ, có những người đã nắm giữ chiếc lọng màu trăng [che cho tôi]. Được bảy tuôi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 2922. Vị Bà-la-môn tên Sunanda là thông thạo về chú thuật. Vi ấy đã cầm lấy chiếc lọng che bằng pha lê và đã dâng cúng đến vị tối thượng Thinh văn. 2923. Bậc Đại Anh hùng, nhà thuyết giảng vĩ đại Sāriputta đã nói lời tùy hỷ. Sau khi lắng nghe lời tùy hỷ của vị ấy, tôi đã tưởng nhớ lại nghiệp quá khứ. 2924. Tôi đã chắp tay lên và đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Sau khi nhớ lại nghiệp quá khứ, tôi đã thành tựu phẩm vi A-la-hán. 2925. Sau khi tư chỗ ngồi đứng dậy, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác và đã thốt lên lời nói này: 2926. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đức Phật, bậc Vô Thượng ở Thế Gian, đấng Hiểu Biết Thế Gian Paḍumuttara là vị thọ nhận các vật hiến cúng. 2927. Tôi đã dâng cúng chiếc lọng che đã được tô điểm có nhiều màu sắc đến Ngài. Đấng Tự Chủ, Nhân Vật Cao Cả đã nhận lấy bằng hai tay.

258 KINH TIỂU BỐ

2928. Ôi, đức Phật! ôi, giáo pháp! ôi, sự thành tựu của bậc Đạo Sư của chúng ta! Do sự dâng cúng một chiếc lọng che, tôi đã không đi đến chốn khổ đau. 2929. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 2930. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saparivārachattadāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Saparivārachattadāyaka95 là phần thứ mười.

Phần tóm lược Bông hoa ummã, [vị cúng dường] cát, nụ cười, vật tế lễ, vật báo hiệu, vị ngợi ca [về sự cúng dường vật thực], vị có bông hoa niggundī, bông hoa nhài, vị có chiếc lọng che bằng bông hoa, vị có chiếc lọng che và các vật phụ thuộc, [tông cộng] có hơn một trăm lẻ bảy câu kệ. Phẩm Ummâpupphiya là phẩm thứ ba mươi ba.

THÁNH NHÂN KÝ sự 259

XXXIV PHẨM GANDHADHŪPIYA (GANDHADHŪPHAVAGGO)

331. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHADHŪPIYA (Gandhadhūpiyattherāpadānam) 2931. Tôi đã dâng cúng nhang thơm đến đức Thế Tôn Siddhattha. Nhang thơm ấy được bao phủ bằng [mùi hương của] các bông hoa nhài và được phù hợp VỚI đức Phật. 2932. Đấng Toàn Giác, bậc Lãnh Đạo Thế Gian tợ như cây cột trụ bằng vàng, tợ như bông hoa

súng được chói sáng, tợ như ngọn lửa tế thần được cháy rực. 2933. Tợ như con hổ hùng tráng cao quý, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý, Nệài đã ngồi xuống ở phía trước hội chúng gồm các vị Tỳ-khiru cao quý trong sô các bậc Sa-môn. 2934. Sau khi nhìn thấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín và đã chắp tay lên. Sau khi đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Su, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc. 2935. Ke từ khi tôi đã cúng dường hương thơm cho đến chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường hương thơm. 2936. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Gandhadhũpiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĔÍKý sự về Trưởng lão Gandhadhũpiỵa" là phần thứ nhất.

332. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKAPŪJAKA (Udakapūjakattherāpadānam) 2937. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, chói sáng như là ngọn lửa từ bơ lỏng, cháy rực như là ngọn lửa tế thần, đang di chuyển bằng đường không trung.1 2938. Tôi đã dùng bàn tay múc nước và đã hắt lên không trung. Đấng Đại Hùng, đức Phật, đấng Bi Man, bậc Ẩn Sĩ đã tiếp nhận. 2939. Đứng ở trên không trung, bậc Đạo Sư tên Padumuttara sau khi biết được ý định của tôi đã nói lên lời kệ này:* Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Udakapūjaka, số 106, trang 130.

2940. “Do sự dâng cúng nước này và do sự sanh khởi niềm phỉ lạc, ngươi không bị sanh vào khô cảnh trong một trăm ngàn kiếp." 2941. Bạch đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, nhờ vào việc làm ấy, sau khi từ bỏ sự hơn thua, con đã đạt được vi the bất động. 2942. Và [trước đây] sáu nệàn năm trăm kiêp9 ba đang Chuyên Luân Vương tên Sahassarāja đã là các vị thông lãnh dân chúng [chinh phục] bôn phương. 2943. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Udakapūjaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Udakapūjaka" là phần thứ nhì.

333. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PUNNÃGAPUPPHIYA (Punnāgapupphiyattherāpadānam) 2944. Sau khi đã đi sâu vào khu rừng rậm, tôi sinh sống, là người thợ săn. Sau khi nhìn thấy cây punnâga đã được trổ hoa, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng.3 2945. Tôi đã thu nhặt bông hoa xinh đẹp tỏa hương thơm ngào ngạt ấy. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp ở trên cát, tôi đã dâng [bông hoa] lên đức Phật. 2946. [Kê từ khi] tôi đã Cling dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 2947. [Trước đây] chín mươi mốt kiếp, tôi đã là vị Tamonuda độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2948. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Punnâgapupphiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy 6íKý sự về Trưởng lão Punnâgapupphiya" là phần thứ ba.

334. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKADUSSADÃYAKA (Ekadussadŭyakattherãpadãnam) 2949. Tôi đã là nệười gánh cỏ ở thành phố Hamsavatī. Tôi sinh sống bằng việc gánh cỏ. Nhờ thê, tôi nuôi dưỡng các đứa trẻ. 2950. Đấng Chiến Thắng ten Padumuttara là bậc thong suốt về tất cả các pháp. Sau khi xua đi điều tăm tối ấy, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã hiện khởi.

2 Udakapūjaka nghĩa là uvị cúng dường (pụịakà) nước (ụdakà)y 3 Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Punnãgapupphiya, số 159, trang 165. 4 Punnãgapupphỉya nghĩa là uvị liên quan đến bông hoa (puppha) punnãga.?,

THÁNH NHÂN KÝ sự 261

2951. Sau khi ngồi xuống ở căn nhà của mình, vào lúc ấy tôi đã suy nghĩ như vầy: "Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian, và vật xứng đáng để dâng cúng thì ta không có. 2952. Đay là tấm vải choàng duy nhất của ta. Ta không có người thí chủ nào. Việc tiếp xúc với địa ngục là khổ sở. Ta sẽ ươm trồng vật cúng đường." 2953. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Tôi đã cầm lấy tấm vải độc nhất và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. 2954. Sau khi dâng cúng tấm vải độc nhất, tôi đã nói lớn tiếng rằng: "Bạch đấng Anh Hùng, bậc Đại Hiền Trí, nếu Ngài là vị Phật, xin Ngài hãy giúp con vượt qua." 2955. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, trong khi tán dương vật dâng cúng của tôi, đã nói lời tùy hỷ với tôi rằng: 2956. "Do tấm vải độc nhất này và do các nguyện lực của tác ý, [người này] không đi đến đọa xứ trong một trăm ngàn kiếp. 2957. [Người này] sẽ là vị Chúa của chư thiên, cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần và sẽ là đấng Chuyển Luân Vương ba mươi ba lần. 2958. Lãnh thô vương quôc là bao la, không thê đo lường băng phương diện tính đếm. Trong khi luân hồi, ngươi sẽ hiện hữu ở thế giới chư thiên hoặc loài người. 2959. Có sắc đẹp, hội đủ đức hạnh, có thân hình không bị kém sút, ngươi sẽ đạt được vải vóc không bị suy suyển, không thể ước lượng, theo như ước mu8n." 2960. Sau khi nói điều này, bậc Toàn Giác tên Padumuttara, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời. 2961. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của một tam vải. 2962. Vải vóc hiện ra cho tôi theo mỗi lần giở lên của bước chân. Tôi đứng trên tấm vải ở bên dưới, có tấm che ở phía trên cho tôi. 2963. Và trong ngày hôm nay, nếu muốn tôi có thể che phủ bằng các loại vải vóc đối với bầu vũ trụ, luôn cả rừng rậm cùng với núi non. 2964. Nhờ vào chỉ một tấm vải ấy, trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi có được màu da vàng chói, rồi tôi luân hồi ở cõi này cõi khác. 2965. Quả thành tựu của một tấm vải đã không đi đến sự hư hoại ở bất cứ nơi đâu. Đây là lần sanh sau cùng của tôi, [quả thành tựu ấy] được chín muồi cho tôi ở ngay cả nơi đây. 2966. Ke từ Idii tôi đã dâng cúng tấm vải trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một tấm vải. 2967. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

262 KINH TIÊU BÔ

2968. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekadussadãyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ekadussadãyaka" là phần thứ tư.

335. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PHUSITAKAMPIYA ị^husitakampiyattherãpadãnam) 2969. Lúc bấy giờ, đấng Toàn Giác tên Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, được tùy tùng bởi các bậc Lậu tận, đã cư ngụ tại tu viện của hội chúng. 2970. Rồi đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī cùng với tám trăm ngàn bậc Lậu tận đã đi ra từ cánh cổng tu viện. 2971. Là vị quân y phục băng da dê và cũng là vị mặc y phục băng vỏ cây, tôi đã cầm lấy nước bông hoa kusumbha rồi đã đi đến gần bậc Toàn Giác. 2972. Sau khi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín, tràn đầy niềm phấn khởi, tay chắp lên, tôi đã cầm lấy nước bông hoa kusumbha và đã rưới lên đức Phạt. 2973. Do việc làm ấy, bậc Toàn Giác tên Padumuttara đã tán dương việc làm của tôi, rồi đã ra đi theo như ý định. 2974. Ke từ khi tôi đã cúng duỳng năm ngàn giọt [nước], tôi đã [trở thành vị Thiên vương] cai quản thiên quốc đúng hai ngàn năm trăm kiếp. 2975. Tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương đúng hai ngàn năm trăm kiếp. Với nghiệp còn dư sót, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 2976. Vào lúc tôi là vị Thiên vương, vào lúc tôi là vi thống lãnh nhân loại, tôi có tên là Phusita, chính tên gọi ấy la thuộc về tôi. 2977. Trong khi là vị thiên nhân cũng như khi là loài người, mưa đổ xuống như nhỏ giọt ở xung quanh tôi một sải tay. 2978. Các lần tái sanh của tôi đã được tiêu diệt, các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận; điều này là quả báo của giọt nước. 2979. Mùi thơm tỏa ra từ thân thê của tôi giông như mùi của trâm hương. Mùi thơm của tôi từ cơ thể tỏa ra [khoảng cách] một nửa kosa.6 2980. Là người có được nghiệp phước thiện đang tỏa ra hương thơm của cõi trời, mọi người sau khi ngửi được mùi hương biết được là Phusita đã đi đến đây. 2981. Các cành cây, các lá cây, các nhánh cây và luôn cả toàn bộ các loại cỏ, thuận theo ý định của tôi, có hương thơm được sanh lên trong giây lát.

5 Ekadussadâyaka nghĩa là 4tvị dâng cúng (dāyako) một (ekā) tấm vải (dussà)y 6 Kosa là khoảng cách bàng 500 lần chiều dài của cây cung.

2982. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường trầm hương trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của giọt nước. 2983. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Phusitakampiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Phusitakampiya59 là phần thứ nắm.

336. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PABHAÑKARA (Pabhañkarattherāpadānam) 2984. Ngôi bảo tháp của đức Thế Tôn Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy đã ngự ở trong khu rừng đông đúc thú dữ. 2985. Không người nào đã dám đi đến để đảnh lễ ngôi bảo tháp. Bị bao phủ bởi cỏ, cây cối và dây leo, ngôi bảo tháp đã bị sụp đổ. 2986. Khi ấy, tôi đã là người thợ rừng theo nghề của cha và ông nội. Tôi đã nhìn thấy ngôi bảo tháp đổ nát, bị chằng chịt bởi cỏ và dây leo ở trong khu rừng. 2987. Sau khi

nhìn thấy ngôi bảo tháp của đức Phật, tôi đã thiết lập tâm cung kính rằng: uĐây là ngôi bảo tháp của đức Phật tối thượng, nó đã bi sụp đổ và còn tồn tại ở trong khu rừng. 2988. Thật không đúng đắn, không hợp lẽ đối với người biết được điều phải quây! Ta hãy dọn sạch ngôi bảo tháp của đức Phật roi hãy chăm lo công việc khác.” 2989. Sau khi dọn sạch cỏ, cây cối và dây leo ở ngôi bảo tháp, tôi đã đảnh lễ tám lượt roi đã cúi mình ra đi. 2990. Do việc làm ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đen cõi trời Đạo-lợi. 2991. Tại nơi ây, có cung điện băng vàng vô cùng rực rỡ đã được kiên tạo khéo léo dành cho tôi, có chiều cao là sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần. 2992. Tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lượt. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương hai mươi lăm lần. 2993. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi đạt được của cải lớn lao, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc dọn sạch [ngôi bảo tháp]. 2994. Khi tôi đang di chuyển bằng kiệu khiêng, bằng lưng voi ở trong khu rừng, bất cứ hướng nào tôi đi đến, khu rừng đều có sự trợ giúp đến tôi. 2995. Được gắn liền với nghiệp J>hước thiện, gốc cây hoặc thậm chí gai nhọn mà tôi không nhìn thây băng mat, tự chính chúng được dời đi. 2996. Và bệnh cùi, nhọt, chàm, động kinh, ghẻ, lở, ngứa không xảy đến cho tôi; điều này là quả báo của việc dọn sạch [ngôi bảo tháp].

A e e e

2997. Còn có điêu phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là tôi không biết đến khối u mọc lên ở cơ thể của tôi. 2998. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là tôi luân hồi ở hai cõi, ở bản thể thiên nhân và loài người. 2999. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là tôi có màu da vàng chói, có sự phát ra ánh sáng ở khắp mọi nơi. 3000. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là sự khó chịu biến mất và sự khoan khoái hiện hữu. 3001. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là tâm tôi được trong sạch, có sự chăm chú, khéo được định tĩnh. 3002. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là sau khi ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 3003. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc làm sạch sẽ. 3004. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pabhañkara đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Pabhahkara” là phần thứ sáu.

337. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TINAKUTIDĀYAKA (Tinakutidāyakattherāpadānam) 3005. Tôi đã là người làm công cho người khác ở thành phố Bandhumatī. Tôi bị vướng bận trong việc quán xuyến công việc của người khác và [song] lệ thuộc vào vật thực của người khác. 3006. Sau khi đi đên nơi văng vẻ roi ngôi xuống, vào lúc ây tôi đã suy nghĩ như vầy: “Dức Phật đã hiện khởi ở thế gian và hành động hướng thượng của ta là không có. 3007. Thời điểm để dọn sạch cảnh giới tái sanh, cơ hội đã được sắp xếp cho ta. Việc tiếp xúc với địa ngục là khổ sở cho những chúng sanh thật sự không có phước

báu." 3008. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã đi đến gặp người chủ công việc. Sau khi yêu cầu về công việc trong một ngày, tôi đã đi vào khu rừng. 3009. Khi ấy, tôi đã mang lại cỏ, cây gỗ và dây leo. Sau khi dựng lên ba cây gậy, tôi đã thực hiện cái lều bằng cỏ. 3010. Sau khi cúng hiến cái lều nhỏ ấy vì sự lợi ích của hội chúng, tôi đã trở về nội trong ngày hôm ấy và đã đi đến gặp người chủ công việc. 3011. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. Do nhờ [quả báo của việc dâng cúng] cái lều nhỏ bằng cỏ, tại nơi ấy có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi đã được hóa hiện ra.

3012. [Cung điện áy] có một ngàn khu vực, có một trăm quả câu tròn được trang hoàng với những lá cờ, được làm với màu lục, có một trăm ngàn tháp nhọn đã hiện diện ở cung điện của tôi. 3013. Nơi chốn nào toi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có tòa lâu đài hiện diện kế bên đúng theo ý đinh của tôi. 3014. Sự sợ hãi, hoặc trạng thái u mê? hoặc lông rởn ốc là không được biết đến, tôi không biết đến sự run sợ của tôi; điều này là quả báo của cái lều nhỏ bằng cỏ. 3015. Các con sư tử, cọp, báo, gấu, chó sói, linh cẩu, tất cả đều tránh xa tôi; điều này là quả báo của cái lều nhỏ bang cỏ. 3016. Các loài bò sát và các hạng ma quỷ, các con rắn, các ác thần và các quỷ sứ, các hạng này cũng tránh xa tôi; điều này là quả báo của cái lều nhỏ bằng cỏ. 3017. Tôi khônệ nhớ tôi có sự nhìn thấy giấc mộn§ xấu xa [lần nào], niệm của tôi hiện hữu; điêu này là quả báo của cái lều nhỏ bang cỏ. 3018. Chỉ nhờ vào cái lều nhỏ bằng cỏ, tôi thọ hưởng sự thành đạt, tôi đã đắc chứng giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama. 3019. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái lều nhỏ bằng cỏ. 3020. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tinakutidāyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Tinakutidāyaka^ là phần thứ bảy.

338. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UTTAREYYADẢYAKA (Uttareyyadāyakattherāpadānam) 3021. Lúc bấy giờ, ở thành phố Harnsavatī tôi đã là vi Bà-la-môn, là vi giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà. 3022. Tôi là người có dòng dõi, khéo được học tập, được các người học trò của mình trọng vọng. Khi ấy, tôi đã đi ra khỏi thành phố nhằm mục đích rửa tội bằng nước. 3023. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara là bác thônẹ suốt về tất cả các pháp. Được tháp tùng bởi một ngàn bậc Vô lậu, đấng Chiên Thắng đã đi vào thành phố. 3024. Tôi đã nhìn thay vị có dáng vóc vô cùng tao nhã như là đã được tạo nên bởi sự không còn dục vọng, được tháp tùng bởi các vi A-la-hán. Sau khi nhìn thấy, tôi đã làm cho tâm được tinh tín. 3025. Tôi đã chắp tay lên ở đầu và đã cúi chào bậc Có Sự Hành Trì Tốt Đẹp. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng tấm áo choàng.

7 Tinakutidāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) cái lều nhỏ (kutí) bằng cỏ (tină)y

3026. Sau khi nâng lên bằng cả hai tay, tôi đã thảy tấm vải choàng lên. Hội chúng của đức Phật đứng đến nơi đâu thì tấm vải choàng đã che đến nơi ấy. 3027. IGìi ấy, trong lúc làm tấm che cho hội chúnẹ Tỳ-khưu đông đảo, v.v... đang đi khất thực, [tấm vải choàng] đã đứng yên, khiên cho tôi được vui mừng. 3028. Trong khi tôi đang từ nhà bước ra, đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả, bậc Đạo Sư đứng ở tại đường lộ, đã nói lời tùy hỷ với tôi rằng: 3029. "Người nào với tâm tịnh tín, với ý vui mừng đã dâng cúng tấm vải choàng đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 3030. [Người áy] sẽ sướng vui ở thê giới chư thiên ba mươi ngàn kiêp, và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc năm mươi lần. 3031. Người có được nghiệp phước thiện, trong khi đang sống ở thế giới chư thiên, sẽ có được sự che phủ bằng tấm vải ở xung quanh một trăm do-tuần. 3032. Và [người áy] sẽ trở thành đàng Chuyên Luân Vương ba mươi sáu lần. Lãnh thô vương quốc là bao la, không thê đo lường bằng phương diện tính đếm. 3033. Người có được nghiệp phước thiện, trong khi luân hồi ở cõi hữu, sẽ tức thời đạt được mọi điều ước nguyện ở trong tâm. 3034. Người nam này sẽ đạt được các tấm vải làm bằng tơ lụa, bằng sợi len, bang chỉ lanh và bằng bông vải có giá trị cao. 3035. Người nam này sẽ đạt được mọi ước nguyện ở trong tâm và sẽ thọ hưởng quả thành tựu của [việc dâng cúng] một tam vải vào mọi thời điểm. 3036. Vê sau, được thúc đây bởi nhân tô trong sạch, người ây sẽ xuât gia và sẽ đắc chứng giáo pháp của đức Thế Tôn Gotamā.” 3037. Ôi9 việc làm của tôi đã được thực hiện tốt đẹp đến đấng Toàn Tri, bậc Đại Ân Sĩ. Sau khi dâng cúng một tấm vải choàng, tôi đã đạt được vị thế bất tử. 3038. Trong lúc tôi sông ở mái che, ở góc cây, hoặc ở ngôi nhà trông văng, có tấm che bang vải được duy trì ở xung quanh tôi một sải tay. 3039. Tôi sử dụng y và vật dụng không phải do gợi ý xin xỏ, tôi có sự thành đạt về cơm ăn nước uống; điều này là quả báo của tấm áo choàng. 3040. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiêp? tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng tấm vải. 3041. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Uttareyyadâyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Uttareyyadâyaka55 là phần thứ tám.

8 Uttareyyadâyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) tấm áo choàng (ụttareyya)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 267

339. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMASAVANIYA (Dhammasavaniyattherāpadānam) 3042. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp, trong khi công bố về bốn sự thật, đã giúp cho nhiều người vượt qua. 3043. Lúc bấy giờ, tôi là vị đạo sĩ tóc bện có sự khổ hạnh cao tột. Khi ấy tôi di chuyển ở hư không, [vừa đi] vừa phất phơ các y phục bằng vỏ cây. 3044. Tôi không thể di chuyển ở phía trên của đức Phật tối thượng. Lúc ấy, tợ như con chim bị va vào tảng đá, tôi đã không đạt được sự di chuyển. 3045. Sự hư hoại về oai nghi này chưa từng xảy ra cho tôi trước đây. Giống như người nổi trên mặt nước, tôi [thường] di chuyển ở không trung như vậy. 3046. "Chắc là có người có bản chất cao thượng đang ngồi ở phía bên dưới. Hừ! Ta sẽ tìm hiểu việc này. ít ra ta cũng có thể biết được nguyên nhân.,, 3047. Trong khi từ không trung

đáp xuống, tôi đã nghe tiếng nói của bậc Đạo Sư đang thuyết giảng về tính chất vô thường, khi ấy tôi đã học tập điều ấy. 3048. Sau khi đã học tập sự suy tưởng về vô thường, tôi đã đi về khu ẩn cư của tôi. Sau khi sống đến hét tuổi thọ, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy. 3049. Khi đang ở vào thời điểm cuối cùng, tôi đã nhớ lại sự lắng nghe giáo pháp ấy. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 3050. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp. Và tôi đã cai quản thiên quốc năm mươi mốt lần. 3051. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi mốt lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 3052. Sau khi ngồi xuống ở căn nhà của người cha, vi Sa-môn có giác quan đã được tu tập, trong khi giải thích về câu kệ ngôn, đã đề cập đến tính chất vô thường. 3053. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi có nhớ lại sự suy tưởng [về vô thường] ấy, [nhưng] tôi [đã] không thấu triệt điểm cốt yếu là Niết-bàn, vị thế bất tư? 3054. "Quả vậy, các pháp hữu vi là vô thường, có pháp sanh và diệt, sau khi sanh lên chúng hoại diệt, sự tịnh lặng của chúng là an lạc."9 3055. Sau khi lắng nghe câu kệ ngôn, tôi đã nhớ lại việc làm quá khứ. Sau khi ngòi ở ngay chỗ ngồi ấy, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 3056. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Sau khi nhận biết đức hạnh [của tôi], đức Phật, bậc Hữu Nhãn đã cho tu lên bậc trên. 3057. Trong khi chỉ là đứa bé trai, tôi đã hoàn tất việc cần làm. Hôm nay, còn có việc gì tôi cần phải làm ở giáo pháp của người con trai dòng Sakyā?*

9 Câu kệ này được thấy ở nhiều nơi trong tạng Kinh.

3058. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; [điều này] là quả báo của việc lang nghe Chánh pháp. 3059. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Dhammasavaniya10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* í4Ký sự về Trưởng lão Dhammasavaniya95 là phần thứ chín.

340. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UKKHITTAPADUMIYA (ưkkhittapadumiyattherãpadãnam) 3060. Tôi đã là người làm tràng hoa ở thành phố Hamsavatī. Tôi đã lội xuống hồ sen và đã hái những đóa hoa sen. 3061. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp cùng với một trăm ngàn bậc có tâm an tịnh như thế ấy. 3062. Khi ây, trong khi lưu tâm đên sự tiên hóa của tôi, Ngài cùng với các bậc Lậu tận trong sạch có sáu thắng trí, đã đi đến chỗ của tôi. 3063. Sau khi nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, bậc Tự Chủ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, khi ấy tôi đã ngắt đóa hoa sen ở cuống và đã thảy lên không trung. 3064. "Bạch đấng Anh Hùng, nếu Ngài là đức Phật, bác Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, xin cho các đóa sen tự đi đến và duy trì ở trên đỉnh đầu NgAi." 3065. Đấng Đại Hùng, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã chú nguyện. Do nhờ oai lực của đức Phật, chúng đã duy trì ở trên đỉnh đâu. 3066. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý? sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đên cõi trời Đạo-lợi. 3067. Có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi đây. Nó được ệọi tên là “Satapattarp" có chiều cao sáu mươi do-tuần? chiều rộng ba mươi do-tuần. 3068. Tôi đã

là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc một ngàn lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần. 3069. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Tôi thọ hưởng nghiệp của mình, [là nghiệp] đã khéo được thực hiện bởi bản thân trong thời quá khứ. 3070. Chỉ nhờ vào một đóa sen hồng ấy, sau khi thọ hưởng sự thành đạt, tôi đã đắc chứng giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama. 3071. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 10 Dhammasavaniya nghĩa là "vi liên quan đến việc lắng nghe (savana) pháp (dhammo)

3072. [Ke từ khi] tôi đã Cling dường bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một đóa sen hồng. 3073. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ukkhittapadumiya11 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Ukkhittapadumiya” là phần thứ mười.

Phần tóm lược Nhang thơm, [vi Cling dường] nước, bông hoa punnāga, vị có tâm vải độc nhất, giọt nước [thơm], vị Pabhankara, vị dâng cúng cái lều [cỏ], vị có tấm áo choàng, vị có sự lắng nghe, vi có một đóa sen hồng; các câu kệ được gộp chung lại ở phàm này là một trăm câu kệ và bôn mươi bôn câu nữa. Phẩm Gandhadhũpiya là phẩm thứ ba mươi bốn.

11 Ukkhỉttapadumiya nghĩa là "vj liên quan đến đóa sen hồng (padumă) đã được thảy lên (ụkkhittă) không tru

XXXV PHẨM EKAPADUMIYA (EKAPADUMIYAVAGGƠ)

341. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPADUMIYA (Ekapadumiyattherāpadānam) 3074. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp, trong khi giảng giải ở cõi này cõi khác, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua. 3075. Khi ấy, tôi là con thiên nga chúa cao quý trong số các loài chim [lưỡng sanh]. Tôi lặn xuống hồ nước thiên nhiên và vui giỡn trò đùa của loài thiên nga. 3076. Vào khi ấy, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đấng Chiến Thắng đã đi đến ở bên trên của hồ nước thiên nhiên. 3077. Sau khi nhìn thấy vi Trời Của Chư Thiên, bậc Tự Chủ, đấng Lãnh Đạo Thê Gian, tôi đã ngát đóa sen hông trăm cánh đáng yêu ở cuông hoa. 3078. Được tịnh tín vào đấng Lãnh Đạo Thế Gian, sau khi dùng mỏ gắp lấy và thảy lên bầu trời, tôi đã cúng dường đến đức Phật tối thượng. 3079. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đứng ở không trung đã nói lời tùy hỷ đến tôi rằng: 3080. "Do một đóa sen hồng này và do các nguyện lực của tác ý, ngươi không đi đến đọa xứ trong một trăm ngàn kiếp.” 3081. Nói xong điều ấy, bậc Toàn Giác tên Padumuttara, sau khi tán dương việc làm của tôi, đã ra đi theo như ý đinh. 3082. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 3083.

Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekapadumiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Ekapadumiya55 là phần thứ nhất

Ekapadumỉya nghĩa là liên quan đến một (ekā) đóa sen hồng (padumă)y

342. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TL-UPPALAMÃLIYA (Ti-uppalamāliyattherāpadānam) 3084. Lúc bấy giờ, tôi đã là con khỉ ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang ngồi ở trong vùng đồi núi. 3085. [Đức Phật] đang làm cho tất cả các phương rực sáng tợ như cây sâla chúa đã được trổ hoa. Sau khi nhìn thấy bậc hội đủ các tướng mạo chính và phụ, tôi đã trở nên hoan hỷ. 3086. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, có tâm ý mừng rỡ vì phỉ lạc, tôi đã nâng ba đóa sen xanh lên ở trên đầu. 3087. Sau khi dâng lên các bông hoa đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī, sau khi đạt đến sự tôn kính, tôi đã ra di, mặt hướng phía Bắc. 3088. Trong khi đang cúi mình ra đi, với tâm ý trong sạch, tôi đã rơi xuống ở giữa tảng đá và đã đi đến sự chấm dứt mạng sống. 3089. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 3090. Tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần và đã là đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần. 3091. [Ke từ khi] tôi đã cúng đuờng bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 3092. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ti-uppalamâliya2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 46Ký sự về Trưởng lão Ti-uppalamâliya55 là phần thứ nhì.

343. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHAJADĀYAKA (phạịadãyakattherãpadânam) 3093. Đấng Đạo Sư tên Tissa đã là bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu. Sau khi nhìn thấy sự đoạn tận mầm mống tái sanh [sự viên tịch Niết-bàn] của Ngài, tôi đã treo lên lá cờ. 3094. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đen cõi trời Đạo-lợi. 3095. Tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần và đã là đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần. 3096. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Tôi thọ hưởng nghiệp của mình, [là nghiệp] đã khéo được thực hiện bởi bản thân trong thời quá khứ.

2 Ti-uppalamâliya nghĩa là uvị liên quan đến vòng hoa (rnãlã) gồm ba (tí) đóa sen xanh ịuppala)y

3097. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng Cling lá cờ. 3098. Và giờ dây, trong lúc mong muốn tôi có thể che đậy [mặt đất] có rừng rậm luôn cả núi non bằng loại vải sợi lanh; vào khi ấy quả báo của tôi đã được thể hiện. 3099. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Dhajadāyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trường lão Dhajadāyaka,9 là phần thứ ba.

344. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TIKIÑKINIPŪJAKA (Tikiñkinipū/akattherāpadānam) 3100. ở kh6ng xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Bhūtagana. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thây tâm y may từ vải bị quăng bỏ vướng ở ngọn cây. 3101. Khi ấy, tôi đã thu nhặt ba bông hoa kiñkini và đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ, tôi đã cūng dường tấm y may từ vải bị quăng bỏ. 3102. Ke từ khi tôi đã thực hiên việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của ba đóa hoa. 3103. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tikiñkinipūjaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Tikiñkinipūj aka" là phần thứ tư.

345. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NALÃGÃRIKA (Nalāgārikattherāpadānam) 3104. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Hārita. Khi ấy, đấng Tự Chủ tên Nārada đã cư ngụ ở góc cây. 3105. Tôi đã thực hiện gian nhà bằng cây sậy và đã lợp bằng cỏ. Sau khi dọn sạch sẽ con đường kinh hành, tôi đã dâng Cling đến đấng Tự Chủ. 3106. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên trong mười bốn kiếp, và đã cai quản thiên quốc bảy mươi bốn lần. 3107. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi bảy lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 3108. Cung điện của tôi có chiêu cao tợ như chiêc câu vông đã xuat hiện, có ngàn cây cột trụ, không thể so sánh, là cung điện có sự rực rỡ. 3109. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi thọ hưởng hai sự thành tựu, tôi đã xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

3 Dhajadāyaka nghĩa là "vj dâng cúng {dāyako) lá cờ (dhqja)y 4 Tikiñkinipūfaka nghĩa là "vj cúng dường (pūjakā) ba (tí) bông hoa kiñkiniy

r ỈA 1 1 7 Ấ Ầ % e \ 3110. Có tính khàng quyết vê sự nô lực, được an tịnh, không còn mâm mốnệ tái sanh, sau khi căt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sông không còn lậu hoặc. 3111. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão NaỊâgãrika5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ẾÍKý sự về Trưởng lão Nalāgārikaw là phần thứ năm.

346. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CAMPAKAPUPPHIYA (Campakapupphiyattherãpadãnam) 3112. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Cãpala. Đức Phật tên Sudassana đã cư trú ở trong vùng đồi núi. 3113. Sau khi hái bông hoa ở núi Hy-mã-lạp5 tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc, đang di chuyển ở không trung. 3114. Khi ấy, tôi đã đặt tám bông hoa campaka ở trên đầu rồi đã dâng lên đức Phật, đấng Tự Chủ, bạc Đại Ân Sĩ. 3115. [Kể từ khi] toi đã cúnệ dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 3116. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Campakapupphiya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* ố6Ký sự về Trưởng lão Campakapupphỉya" là phần thứ sáu.

347. KỶ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAPŪJAKA (Padumapūfakattherāpadānam) 3117. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Romasa. Khi ấy, cũng có vị Phật tên Sambhava đã cư ngụ ở ngoài trời. 3118. Tôi đã lìa khỏi chỗ cư ngụ và đã mang đến [dâng] đóa sen hồng. Sau khi đã cầm giữ [đóa sen] một ngày, tôi đã quay trở về chỗ trú ngụ. 3119. [Ke từ khi] tôi đã cung dườĩiệ bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 3120. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

5 NaỊãgãrika nghĩa là uvị liên quan đến gian nhà (ãgãra) bằng cây sậy (naịă)y 6 Campakapupphiya nghĩa là t4vị liên quan đến bông hoa (puppha) campaka.,^

Đại đức Trưởng lão Padumapūjaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í4Ký sự về Trưởng lão Padumapūjaka^ là phần thứ bảy. (Dứt tụng phẩm thứ mười ba).

348. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TINAMUTTHIDĀYAKA (Tinamutthidāyakattherāpadānam) 3121. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Lambaka. Bậc Toàn Giác tên Upatissa đã đi kinh hành ở bên ngoài trời. 3122. Lúc bấy giờ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Tôi đã nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại ấy. 3123. Với tâm ý trong sạch, khi ấy tôi đã dâng cúng nắm cỏ để làm chỗ ngồi đến đức Phật, bậc Đại Ẩn Sĩ ấy. 3124. Sau khi dâng cúng đến vị Trời Của Chư Thiên, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín nhiều hơn nữa. Tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác rồi đã ra đi, mặt r hướng phía Băc. 3125. Vừa mới ra đi không bao lâu, [con sư tử] vua của loài thú đã tấn công tôi. Trong lúc bi con sư tử vật ngã, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy. 3126. [Do] việc làm đã được tôi thực hiện đến đức Phật tối thượng, bậc Không Còn Lậu Hoặc, là vừa mới xảy ra đây, tợ như tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã đi đến thế giới của chư thiên. 3127. ở tại nơi ấy, tòa lâu đài xinh đẹp có một ngàn khu vực, có một trăm quả câu tròn, được trang hoàng với những lá cờ, có màu lục, đã được hóa hiện ra do nghiệp phước thiện. 3128. Ánh sáng của tòa lâu đài tỏa ra tợ như ánh mặt trời đã mọc lên cao. Được quây quần với các nàng tiên nữ trẻ, tôi đã sướng vui theo ước muốn của dục vọng. 3129. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã đi đến bản thể loài người và đã đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc. 3130. [Ke từ khi] tôi đã dâng cúng chỗ ngồi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của nam cỏ. 3131. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tinamutthidāyaka 7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Tinamutthidāyaka59 là phần thứ tám.

7 Tinamutthidāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) nắm (mutthī) cỏ (tina)y

349. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TINDUKAPHALADĀYAKA (Tindukaphaladāyakattherāpadānam) 3132. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm,

đấng đã vượt qua dòng nước lũ5 không còn lậu hoặc, đang ngôi ở trong vùng đôi núi tợ như cây kanikāra đang cháy sáng. 3133. Sau khi nhìn thấy cây tinduka có trái, tôi đã ngắt cả chùm. Với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng đến [đức Phật] Vessabhū. 3134. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 3135. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tindukaphaladâyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Tindukaphaladãyaka" là phần thứ chín.

350. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKAÑJALIYA (Ekafyaliyattherāpadānam) 3136. .K Giác tên Revata đã ĩ Lúc bấy giờ, bậc Toàn w cư9 ngụ ở bờ sông. Tôi đã nhìn thây đức Phật, bậc Vô Nhiêm, tợ như mặt trời có tia sáng màu vàng. 3137. [Đức Phật] trông tợ thỏi vàng đặt ở cửa miệng lò nung, như là than gỗ khadira cháy rực, tợ như vì sao osadhĩ đang chiếu sáng, tôi đã thể hiện sự chắp tay lại. 3138. [Ke từ khi] tôi đã thể hiện sự chắp tay ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc chắp tay. 3139. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekafijaliya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ekañjaliya^ là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị có đóa sen hồng, vị có tràng hoa sen xanh, lá cờ? vị có bông hoa kiñkini, [gian nhà bằng] cây sậy, bông hoa campaka, đóa sen hồng, nắm [cỏ], cây tinduka, và vị chắp tay lại là tương tợ; [tong cộng] có sáu mươi sáu câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí. Phẩm Ekapadumiya là phẩm thứ ba mươi lăm.

8 Tỉndukaphaladãyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) trái cây (phala) tinduka.,, 9 Ekañjaliya nghĩa là uvị liên quan đến một lần (ekā) chắp tay (anjalĩ)y

276 KINH TIỂU BỘ

XXXVI. PHẨM SADDASAÑÑAKA qSADDASAÑÑAKAVAGGO)

351. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA (Saddasaññakattherāpadānam) 3140. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác được vây quanh bởi hội chúng chư thiên. 3141. Trong lúc Ngài đang công bố về bốn sự thật [và] đang tiếp độ đám đông dân chúng, tôi đã lắng nghe lời nói ngọt ngào tương tợ tiếng hót của loài chim Karavīkā. 3142. Sau khi làm cho tâm được tinh tín vào âm vang giọng nói Phạm thiên của bậc Hiền Trí Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian, tôi đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc. 3143. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của niêm tịnh tín. 3144. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saddasañña ka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ố4Ký sự về Trưởng lão Saddasañña ka" là phần thứ nhất

352. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO YAVAKALÃPIYA (ĩàvakaỉãpiyattherãpadãnam) 3145. Lúc bấy giờ, tôi đã là người trồng lúa mạch ở thành phố Arunavatī. Sau khi nhìn thây bậc

Toàn Giác ở đường lộ, tôi đã trải xuông bó rơm lúa mạch. 3146. Biết được ý đinh của tôi, bậc Có Lòng Thương Tưởng, đấng Bi Mần, bậc Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian Sikhī đã ngồi xuống ở tấm trải bằng rơm lúa mạch. 3147. Sau khi nhìn thấy bậc Vô Nhiễm, vị có Thiền Chứng Vĩ Đại, đấng Hướng Đạo đã ngồi xuống, sau khi làm cho sanh khởi niềm hưng phấn, tại nơi ấy tôi đã mệnh chung. 3148. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp,* Saddasaññaka nghĩa là uvị suy tưởng (saññaka) về âm thanh (saddă)y

tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc trải thảm rơm lúa mạch. 3149. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đa được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Yavakalāpiya2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Yavakalāpiya55 là phần thứ nhì.

353. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KIMSUKAPŪJAKA (Kimsukapūjakattherāpadānam) 3150. Sau khi nhìn thấy cây kirpsuka đã được trổ hoa, tôi đã chắp tay lên. Sau khi suy tưởng về đức Phật Siddhattha, tôi đã cúng dường ở không trung. 3151. [Ke từ khi] tôi đã cúng đường bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biêt đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 3152. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kimsukapūjaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ốếKý sự về Trưởng lão Kỉmsukapũjaka" là phần thứ ba.

354. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SAKOTAKAKORANDADĀYAKA (Sakotakakorandadāyakattherāpadānam) 3153. Và sau khi nhìn thấy dấu chân đã bước qua của đấng Quyến Thuộc Thế Gian Sikhī, tôi đã khoác tấm da dê một bên vai và đã đảnh lễ dấu chân tối thượng. 3154. Sau khi nhìn thấy cây koranda, một loài thảo mộc mọc ở trên trái đất đã được trổ hoa, tôi đã ngắt một chùm và đã cúng dường ở dấu chân có hình bánh xe. 3155. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường dấu chân. 3156. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sakotakakorandadāyaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Sakotakakorandadāyaka" là phần thứ tư.

355. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO DANDADĀYAKA (Dandadāyakattherāpadānam) 3157. Lúc bấy giờ, tôi đã đi sâu vào khu rừng hoang rậm và đã đốn cây tre. Sau khi câm lây thanh đòn ngang, tôi đã dâng cúng đến hội chúng.

2 Yavakalãpiya nghĩa là liên quan đến bó rơm (kalãpă) lúa mạch (yavà)y 3 Kimsukapūjaka nghĩa là cúng dường (pūjaka) bông hoa kimsuka.,, 4 Sakotakakorandadāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) chùm (sakotakà) bông hoa koranda.^,

3158. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã đảnh lễ các bậc có sự hành trì tốt đẹp. Tôi cũng đã dâng cúng thanh đòn ngang, rồi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc. 3159. Kể từ Wii

tôi đã dâng cung cây gậy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây gậy. 3160. Bốn [tuệ] phân tích,...(lít)...tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Tưởng lão Dandadāyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Dandadāyaka" là phần thứ năm.

356. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AMBAYÃGUDẢYAKA (Ambayãgudãyakattherãpadãnam) 3161. Bậc Giác Ngộ tên Sataramsī, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại, sau khi xuất khỏi định đã đi đến tôi về việc khất thực. 3162. Sau khi nhìn thấy vi Phật Độc Giác có tâm thanh tịnh, tôi đã dâng cúng món cháo xoài đến Ngài với tâm ý trong sạch. 3163. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của món cháo xoài. 3164. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ambayāgudāyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Ambayāgudāyaka55 là phần thứ sáu.

357. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SUPUTAKAPŪJAKA (Suputakapūjakattherāpadānam) 3165. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī, trong khi lìa khỏi việc nghỉ ngơi ban ngày, trong khi đi đó đây về việc khất thực, Ngài đã đi đến gần chỗ của tôi. 3166. Do điêu ây, được sung sướng, có tâm ý vui mừng, tôi đã dâng cúng chiếc hộp đựng muối xinh đẹp đến đức Phật tối thượng như thế ấy, [và] tồi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. 3167. [Ke từ khi] tôi đã dâng cúng chiếc hộp xinh đẹp trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc hộp. 3168. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Suputakapūjaka 7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Suputakapūjaka" là phần thứ bảy.

5 Dandadāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) cây gậy (danda)y 6 Ambayãgudãyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) cháo (yãgù) xoài (amba)' 7 Suputakapūjaka nghĩa là cúng dường (pūjaka) chiếc hộp (putakà) xinh đẹp

358. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MAÑCADĀYAKA (Mañcadāyakattherāpadānam) 3169. Do được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng Cling một chiếc giường đến đức Thế Tôn Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy. 3170. Tôi đã đạt được phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, phương tiện di chuyển của cõi trời. Do nhờ sự dâng cúng cái giường nhỏ ấy, tôi đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc. 3171. Ke từ khi tôi đã dâng cúng chiếc giường trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc giường. 3172. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mañcadāyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “K? sự về Trưởng lão Maflcadāyaka^ là phần thứ tám.

359. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SARANAGAMANIYA (Saranagamaniyattherāpadānam) 3173. Lúc bấy giờ, tôi là đạo sĩ lõa thể. Vị Tỳ-khmi và tôi đã bước lên chiếc thuyền.

Trong khi chiếc thuyền đang bị đắm, vị Tỳ-khưu đã ban cho tôi sự nương nhờ. 3174. [Ke từ khi] vi ấy ban cho sự nương nhờ đến tôi trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đi đến nương nhờ. 3175. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saranagamaniya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Saraọagamaniya55 là phần thứ chín.

360. KỶ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PINDAPĀTIKA (Pindapātikattherāpadānam) 3176. Lúc bấy giờ, bậc Toàn Giác tên Tissa đã cư ngụ ở trong khu rừng lớn. Sau khi Ngài đã từ chính cõi trời Đẩu-suất về lại nơi đây, tôi đã dâng cúng vật thực. 3177. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác có danh vọng lớn lao tên Tissa, sau khi đã làm cho tâm của mình được tinh tín, tôi đã đi đến cõi trời Đẩu-suất. 3178. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của món vật thực.

8 Mañcadāyaka nghĩa là dâng cúng (dãyaka) chiếc giường (mañcā)y 9 Saranagamaniya nghĩa là uvị liên quan việc đi đến (gamanà) nương nhờ (saraụa), tức là đã quy y."

3179. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pindapātika10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Pindapātika^ là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vi có sự suy tưởng về âm thanh, vị trồng lúa mạch, các bông hoa kimsuka, và bông hoa koranda, thanh đòn ngang, món cháo xoài, vị có chiêc hộp xinh đẹp, vị dâng cúng chiếc giường, sự nương nhờ, và món vật thực; [tổng cộng] có bốn mươi câu kệ. Phẩm Saddasañña là phẩm thứ ba mươi sáu.

10 Pindapātika nghĩa là uvị liên quan đến đồ ăn khất thực {pindapātā)y

xxxvn. PHẨM MANDÃRAVAPUPPHIYA (MANDÃRAVAPUPPHIYAVAGGƠ)

361. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MANDẢRAVAPUPPHIYA (Mandāravapupphiyattherāpadānam) 3180. Sau khi từ cõi trời Đạo-lợi đi đến nơi dây, người thanh niên tên Mañgala đã cầm lấy bông hoa mandãrava dành cho bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī. 3181. Tôi đã đặt ở trên đỉnh đầu của [đức Phật] đang ngồi nhập đinh. Sau khi đã duy trì bảy ngày, tôi đã trở về lại thế giới chư thiên. 3182. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 3183. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mandâravapupphiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 4íKý sự về Trưởng lão Mandãravapupphiya^ là phần thứ nhất

362. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KAKKÃRUPUPPHIYA (Kakkārupupphiyattherāpadānam) 3184. Sau khi từ cõi trời Dạ-ma đi đến vi Gotama vinh quang và quý trọng ở cõi người,

tôi đã cầm lấy bông hoa kakkâru và đã dâng lên đức Phật. 3185. [Ke từ khi] toi đã cúng dường đức Phật trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 3186. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kakkârupupphiya1 2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Kakkãrupupphiya w là phần thứ nhì.

1 Mandãravapupphiya nghĩa là uvị liên quan đến bông hoa (puppha) mandrava." 2 Kakkãrupupphiya nghĩa là uvị liên quan đến bông hoa (puppha) kakkaru."

363. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BHISAMULẢLADÃYAKA (Bhisamulāladāyakattherāpadānam) 3187. Đấng Toàn Giác tên Phussa là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Có ước muốn độc cu, bậc Trí Tuệ đã đi đến gần chỗ của tôi. 3188. Sau khi đã làm cho tâm đươc tịnh tín vào đấng Đại Bi, bậc Chiến Thắng ấy, tôi đã cầm lấy rễ và củ sen rồi đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. 3189. Ke từ khi tôi đã dâng cúng củ sen trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen. 3190. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão BhisamuỊãladãyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* ĚÍKý sự về Trường lão BhisamuỊâladãyaka" là phần thứ ba.

364. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KESARAPUPPHIYA (Kesarapupphiyattherāpadānam) 3191. Lúc bấy giờ, tôi đã là vị thầy về pháp thuật ở núi Hy-mã-lạp. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vi Có Danh Vọng Lớn Lao đang đi kinh hành. 3192. Khi ấy, tôi đã đặt ba bông hoa kesarĩ ở trên đầu, rồi đã đi đến gần và đã cúng dường đến bậc Toàn Giác Vessabhũ. 3193. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 3194. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kesarapupphiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. aKý sự về Trưởng lão Kesarapupphiya” là phần thứ tư.

365. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AÑKOLAPUPPHIYA (Añkolapupphiyattherāpadūnam) 3195. Lúc bấy giờ, bậc Giác Ngộ tên Paduma đã sống ở ngọn núi Cittakũta. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại ấy. 3196. Sau khi nhìn thấy cây añkola đã được trổ hoa, khi ấy tôi đã thu nhặt [bông hoa]. Tôi đã đi đến gặp bậc Giác Ngộ và đã cúng dường đấng Chiến Thắng Paduma. 3197. [Kể từ khi] toi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt.

3 BhỉsamuỊâladâyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) rễ (bhisà) và củ sen (ỵnuỊãlă)y 4 Kesarapupphỉya nghĩa là "vj liên quan đen bông hoa (puppha) kesarí."

3198. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Añkolapupphiya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Ahkolapupphiya” là phần thứ nắm.

366. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KADAMBAPUPPHIYA (Kadambapupphiyattherāpadānam) 3199. Đấng Toàn Giác có màu da vàng chói, tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng, đang đi ở khu phố chợ. 3200. Sau khi ngồi xuống ở nơi cao quý của tòa lâu đài, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Tôi đã cầm lấy bông hoa kadamda và đã cúng dường đến đức Phật Vipassī. 3201. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 3202. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kadambapupphiya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* 66Ký sự về Trưởng lão Kadambapupphỉya" là phần thứ sáu.

367. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UDDÃLAPUPPHIYA (Uddãỉapupphiyattherâpadãnam) 3203. Lúc bấy giờ, đấng Giác Ngộ tên Anoma đã sống ở bờ sông Gañgā. Sau khi cầm lấy bông hoa uddâlaka, tôi đã cúng dường đến bậc Không Bị Đánh Bại. 3204. [Ke từ khi] toi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 3205. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Uddâlapupphiya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão uddâlapupphiya" là phần thứ bảy.

368. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKACAMPAKAPUPPHIYA (Ekacampakapupphiyattherāpadānam) 3206. Và bậc Giác Ngộ upasanta sống ở trcmg vùng đồi núi. Tôi đã cầm lấy một bông hoa campaka và đã đi đến gần bậc Tối Thượng Nhân.

5 Añkolapupphiya nghĩa là t4vị liên quan đến bông hoa (puppha) añkola.,, 6 Kadambapupphiya nghĩa là 4Svị liên quan đến bông hoa (puppha) kadamba." 7 Uddâlapupphiya nghĩa là liên quan đến bông hoa ịpupphă) uddla."

3207. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy bằng hai tay và đã cúng dường đến đấng Hiền Trí Độc Giác Toi Thượng, bậc Không Bị Đánh Bại. 3208. [Ke từ khi] toi đã Cling dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 3209. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekacampakapupphiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy ĚÍKý sự vê Trưởng lão Ekacampakapupphiya" ỉa phân thứ tám.

369. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TIMIRAPUPPHIYA (Timừapupphiyattherãpadãnam) 3210. Tôi đi xuôi theo dòng nước ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, tợ như cây sâla chúa đã được trổ hoa. 3211. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy bông hoa timira và đã rải rắc ở đỉnh đầu đấng Hiền Trí Độc Giác Tối Thượng. 3212. [Ke từ khi] tôi đã cúng dườnệ bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3213. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Timirapupphiya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Timirapupphiya" là phần thứ chín.

370. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAPUPPHIYA (Salalapupphiyattherãpadãnam) 3214. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài Kim Si điểu ở bờ sông Candabhāgā. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thay vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu đang đi kinh hành. 3215. Tôi đã thu hái bông hoa salala và đã dâng cúng đến đức Phật. Đấng Đại Hùng đã ngửi bông hoa salala có hương thơm của cõi trời. 3216. Sau khi thọ nhận, đấng Toàn Giác, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī, đấng Đại Hùng đã ngửi [bông hoa], trong khi tôi đang nhìn xem. 3217. Với tam tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ bậc Tối Thượng Nhân. Tôi đã chắp tây lên và đã leo lên ngọn núi lần nữa. 3218. [Ke từ khi] tôi đã cung đường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật

8 Ekacampakapupphiya nghĩa là 4<vị liên quan đến một (ekà) bông hoa (pupphà) campaka." 9 Timirapupphiya nghĩa là 44vị liên quan đến bông hoa ịpuppha) timira."

THÁNH NHÂN KÝ sự 285

3219. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Salalapupphiya10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Salalapupphiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Bông hoa mandãrava, bông hoa kakkãru, củ sen, bông hoa kesara, bông hoa añkola, vị có bông hoa kadamba, bông hoa uddâla, một bông hoa campaka, bông hoa timira, và cả bông hoa salala nữa; [tổng cộng] có bốn mươi câu kệ. Phẩm Mandãravapupphiya là phẩm thứ ba mươi bảy.

10 Salalapupphiya nghĩa là 4tvị liên quan đến bông hoa (puppha) salala."

286 KINH TIÊU BỐ

xxxvm. PHẨM BODHIVANDAKA (BODHIVANDAKAVAGGO)

371. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BODHIVANDAKA (Bodhivandakattherãpadãnam) 3220. Sau khi nhìn thấy cây pātalī, một loài thảo mộc mọc ở trên trái đất, được xanh tươi, tôi đã đắp y một bên vai, chắp tay lên và đã đảnh lễ cây pātalī. 3221. Tôi đã chắp tay lên và thể hiện tâm ý cung kính đến bậc trong sạch bên trong, trong sạch bên ngoài, đã khéo được giải thoát, không còn lậu hoặc. 3222. Tôi đã đảnh lễ cây pātalī tợ như [đảnh lễ] đấng Toàn Giác Vipassī, bậc được thế gian tôn sùng, là đại dương về lòng bi mẫn và trí tuệ, đang ở trước mặt. 3223. [Ke từ khi] toi đã đảnh lễ cội Bồ-đề trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ. 3224. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bodhivandaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Bodhivandaka" là phần thứ nhất

372. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PÃTALIPUPPHIYA (Pātalipupphiyattherāpadānam) 3225. Đức Thế Tôn tên Vipassī là đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả. Được tháp tùng bởi những người học trò của mình, đấng Chiến Thắng đã đi vào thành Bandhumā. 3226. Tôi đã đặt ba bông hoa pātalī vào lòng của tôi. Chính vì có ý đinh gội dầu, tôi đã đi đến bến tàu ở dòng sông. 3227. Sau khi đi ra khỏi thành Bandhumatī, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo The Gian được chói sáng như là bông hoa súng, được cháy rực như là ngọn lửa tế thần. 3228. Tợ như con hổ hùng tráng quý cao, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý, đấng cao quý trong số các vị Sa-môn dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đang bước đi. 3229. Được tịnh tín ở đấng Thiện Thệ, bậc có sự orā sạch các cấu uế ô nhiễm ấy, tôi đã cầm lấy ba bông hoa và đã cúng dường đến đức Phật tối thượng.*

Bodhivandaka nghĩa là đảnh lễ ịyandakà) cội cây Bồ-đề ịbodhí)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 287

3230. [Ke từ khi] tôi đã cúng đuờng bông hoa trước đây chín mươi mốt kiêp, tôi không còn biết đên khổ cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 3231. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pãtalipupphiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Pātalipupphiyaw là phần thứ nhì.

373. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TI-UPPALAMẢLIYA (Ti-uppalamāliyattherāpadānam) 3232. Lúc bấy giờ, tôi đã là con khỉ ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang ngồi ở trong vùng đồi núi.2 3233. [Đức Phật] đang làm cho tất cả các phương rực sáng tợ như cây sâla chúa đã được trô hoa. Sau khi nhìn thây bậc hội đủ các tướng mạo chính và phụ, tôi đã trở nên hoan hỷ. 3234. Với tâm phân chân, với ý vui mừng, có tâm ý mừng rỡ vì phỉ lạc, tôi đã nâng ba đóa sen xanh lên ở trên đâu. 3235. Sau khi cúng dường các bông hoa đến bậc Đại Ẩn Sĩ Phussa, sau khi thể hiện sự tôn kính, tôi đã ra di, mặt hướng phía Bắc. 3236. Trong khi đang cúi mình ra đi với tâm ý trong sạch, tôi đã rơi xuống ở giữa tảng đá và đã đi đến sự chấm dứt mạng sống. 3237. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ cuộc sống trước đây. tôi đã đi đen cõi trời Đạo-lợi. 3238. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm làn. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần. 3239. [Ke từ khi] toi đã Cling dường bong hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biêt đến khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 3240. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ti-uppalamâliya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Ti-uppalamãliyaw là phần thứ ba.

374. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PATTIPUPPHIYA (Pattipupphiyattherāpadānam) 3241. Vào lúc đấng Toàn Giác, bậc Đại Ẩn Sĩ Padumuttara đã Niết-bàn, tất cả dân chúng đã tụ hội lại và họ đã di chuyển nhục thân [của Ngài].

2 Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Ti-uppalamâliya, số 342, trang 271. 3 Ti-uppalamãliya nghĩa là uvị liên quan đến vòng hoa (rnãlã) gồm ba (tỉ) đóa sen xanh (ụppalăyy

3242. Trong khi nhục thân đang được di chuyển, trong khi các chiếc ướng đang được vang lên, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường bông hoa patti. 3243. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; [điều này] là quả báo ở việc đã cúng dương nhục thin [đức Phật]. 3244. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3245. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3246. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pattipupphiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Pattipupphiya95 là phần thứ tư.

375. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAPANNIYA (Sattapanniyattherāpadānam) 3247. Bậc Toàn Giác tên Sumanā, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã hiện khởi. Với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường bông hoa thất diệp. 3248. [Ke từ khi] tôi đã cúnệ dường bông hoa thất diệp trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đen khổ cảnh; điều này là quả báo của bông hoa that diệp. 3249. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3250. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3251. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sattapanniya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Sattapanniya^ là phần thứ năm.

376. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHAMUTTHIYA (Gandhamutthiyattherāpadānam) 3252. Khi giàn hỏa thiêu đang được thực hiện và khi vật thơm các loại 4 Pattipupphiya nghĩa là liên quan đến bông hoa (puppha) patti.?, 5 Sattapanniya nghĩa là 4tvị liên quan đến bông hoa thất diệp (sattapannă)y

được đặt vào, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường một nắm tay vật thơm. 3253. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường giàn hỏa thiêu trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường lễ hoa táng. 3254. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3255. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3256. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Gandhamutthiya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Gandhamutthiya^ là phần thứ sáu.

377. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA (Citakapūjakattherāpadānam) 3257. Khi đức Thế Tôn tên Padumuttara đã viên tịch Niết-bàn và đã được đưa lên giàn hỏa thiêu, tôi đã cúng dường bông hoa sâla. 3258. Ke từ khi toi đã cúng dường bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường lễ hỏa táng. 3259. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3260. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3261. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Citakapūjaka" là phần thứ bảy.

378. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANATĀLAVANTIYA (Sumanatālavantiyattherāpadānam) 3262. Tôi sở hữu chiếc quạt lá cọ vô cùng giá trị được bao phủ với các bông hoa nhài, và tôi đã dâng cúng đến đức Thế Tôn Siddhartha.

6 Gandhamutthiya nghĩa ỉà liên quan đến nắm tay (rnufthi) vật thơm (gandhā)' 7 Citakapũịaka nghĩa là cúng dường (pụịakà) giàn hỏa thiêu (citakă)y

3263. [Ke từ khi] tôi đã dâng cúng chiếc quạt lá cọ trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc quạt lá cọ. 3264. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3265. Các phiền não của tôi đã đirợc thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3266. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sumanatālavantiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Sumanatālavantiya95 là phần thứ tám.

379. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANADÃMIYA (Sumanadāmiyattherāpadānam) 3267. Sau khi thực hiện tràng hoa nhài, tôi đã năm giữ [ưàng hoa], đứng ở phía trước đức Thế Tôn Siddhattha, bậc Đã Gội Rửa [tội lỗi], vị Đạo Sĩ Khổ Hạnh. 3268. [Kể từ khi] tôi đã nắm giữ tràng hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc nam giữ tràng hoa nhài. 3269. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3270. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3271. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sumanadâmiya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Sumanadâmiya^ là phần thứ chín.

380. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KÃSUMÃRIPHALADẢYAKA (Kāsumāriphaladāyakattherāpadānam) 3272. Toi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô

Nhiễm;bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đang ngồi ở trong vùng đồi núi tợ như cây kanikāra đang cháy sáng.

8 Sumanatālavantiya nghĩa là "vi liên quan đến chiếc quạt (yantà) lá cọ (tālo) được bao phủ với các bông hoa nhài (sumanā)^ 9 Sumanadāmiya nghĩa là uvị liên quan đến tràng hoa (damā) bông nhài (sumanā)^

THÁNH NHÂN KÝ sự 291

3273. Với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Tôi đã câm lây trái cây kâsumãri và đã dâng cúng đên đức Phật tôi thượng. 3274. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 3275. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3276. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3277. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kāsumāriphaladāyaka10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Kâsumãriphaladãyaka55 là phần thứ mười.

Phần tóm lược Cội cây Bồ-đề, bông hoa pātalī, vị có [ba] đóa sen xanh, bông hoa patti, các bông hoa thất diệp, nắm tay vật thơm, giàn hỏa thiêu, [chiếc quạt] lá cọ, vi có tràng hoa nhài, và luôn cả vị có trái cây kãsumãri; [tổng cộng] có năm mươi chín câu kệ. Phẩm Bodhivandaka ỉa phẩm thứ ba mươi tám.

10 Kãsumãrỉphaladãyaka nghĩa là 6'vj dâng cúng (dãyako) trái cây (phala) kãsumãri.,>

292 KINH TIÊU Bộ

XXXIX. PHẨM AVANTAPHALA (AVANTAPHALAVAGGG)

381. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AVANTAPHALADĀYAKA (Avantaphaladāyakattherāpadānam) 3278. Đức Thế Tôn tên Sataramsī là đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại. Có ước muốn độc cu, bậc Toàn Giác đã ra đi về việc khất thực. 3279. Tay có trái cây, tôi đã nhìn thấy đấng Nhân Ngiru và đã đi đến gần Ngài. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây avanta. 3280. [Ke từ khi] toi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 3281. Quả vậy5 tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3282. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi song không còn lậu hoặc. 3283. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Avantaphaladāyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* 6íKý sự về Trưởng lão Avantaphaladāyaka" là phần thứ nhất.

382. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO LABUJADĀYAKA (Labujadāyakattherāpadānam) 3284. Tôi đã là người phụ việc chùa ở thành phố Bandhumatī. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang di chuyển ở trên không trung. 3285. Tôi đã cầm lấy trái cây, bánh mì và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. Bậc Có Danh Vọng Lớn Lao đã thọ nhận, trong khi đang đứng ở hư không. 3286. Sau khi tôi đã dân^ cúng trái cây đến đức Phật với tâm ý trong sạch, tôi có được sự sanh khởi niềm vui, [điều ấy là] nguồn đem lại sự an lạc trong thời hiện tại. 3287. Khi ây, tôi đã đạt đên niêm phỉ lạc bao la và sự an lạc tôi thượng. Còn có châu báu sanh lên [cho tôi] khi tôi được sanh ra nơi này nơi khác.

1 Avantaphaladāyaka nghĩa là "vj dâng cúng (dāyako) trái cây (phaỉà) avanta.,>

THÁNH NHÂN KÝ sự 293

3288. Ke từ Idii tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng Cling trái cây. 3289. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3290. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3291. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Labujadāyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Labujadāyaka" là phần thứ nhì.

383. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UDUMBARAPHALADÃYAKA (Udumbaraphaladāyakattherāpadānam) 3292. Đấng Tối Thượng Nhân đã cư ngụ ở bờ sông Vinatã. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng Có Sự Chăm Chú vô cùng đinh tĩnh. 3293. Được tinh tín ở Ngài, bậc có sự rửa sạch các cấu uế ô nhiễm, tôi đã cầm lấy trái sung và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. 3294. Ke từ Idii tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 3295. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3296. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3297. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Udumbaraphaladâyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Udumbaraphaladâyaka" là phần thứ ba.

384. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PILAKKHAPHALADẢYAKA (Piỉakkhaphaladãyakattherãpadânam) 3298. Sau khi nhìn thấy đức Phật Atthadassĩ, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao, ở cuôi khu rừng, tôi đã dâng cúng trái cây pilakkha với tâm tịnh tín, với ý vui mừng. 3299. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây [trước đây] một ngàn tám trăm 2 Labujadāyaka nghĩa là 44vị dâng cúng (dāyako) trái cây (phaỉà) labụja.,, 3 Udumbaraphaladãyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) trái cây (phalà) udumbara/5

kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 3300. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3301. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3302. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pilakkhaphaladâyaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Pilakkhaphaladãyaka^ là phần thứ tư.

385. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PHẢRUSAPHALADÃYAKA (Phārusaphaladāyakattherāpadānam) 3303. Trong khi bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đang đi trên đường, tôi đã dâng cúng trái cây pharusā. 3304. [Ke từ khi] tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 3305. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3306. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3307. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Phārusaphaladāyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Phārusaphaladāyaka" là phần thứ năm.

386. KỶ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO VALLIPHALADÃYAKA (Valliphaladãyakattherãpadãnam) 3308. Lúc bấy giờ, tất cả dân chúng đã tụ hội lại và đã đi đến khu rừng. Khi ấy, trong lúc tìm kiếm trái cây, họ đã đạt được trái cây. 3309. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây valli.

4 Pỉlakkhaphaladãyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) trái cây (phaỉa) pilakkha.,, 5 Phãrusaphaladãyaka nghĩa là "vj dâng cúng (dāyako) trái cây (phalà) pharusā.,9

THÁNH NHÂN KÝ sự 295

3310. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 3311. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3312. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3313. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Valliphaladãyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Valliphaladãyaka55 là phần thứ sáu.

387. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KADALIPHALADẢYAKA (Kadaliphaladāyakattherāpadānam) 3314. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian tợ như cây kanikāra được cháy sáng, tợ như mặt trăng vào ngày ram, tợ như cây đèn

đang chiếu sáng. 3315. Tôi đã cầm lấy trái chuối và đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ và ra đi. 3316. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 3317. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3318. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3319. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đác chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kadaliphaladâyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Kadalỉphaladãyaka" là phần thử bảy.

388. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PANASAPHALADẢYAKA (Panasaphaladũyakattherãpadãnam) 3320. Lúc bấy giờ, đấng Giác Ngộ tên Ajjuna đã cư ngụ ở núi Hy-mã-lạp. Ngài là bậc Hiền Trí được thành tựu tánh hạnh và thiện xảo về định.

6 Valliphaladãyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dãyako) trái cây ịphalà) valli.,, 7 Kadaliphaladãyaka nghĩa ỉà dâng cúng (dãyako) tói ịphala) chu8i."

3321. Tôi đã cầm lấy trái mitjīvajīvaka có kích thước bằng hũ nước. Tôi đã đặt vào cái chậu bằng lá và đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư. 3322. Ke từ Idii tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 3323. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3324. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3325. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Panasaphaladãyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trường lão Panasaphaladãyaka" là phần thứ tám.

389. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SONAKOTIVĪSA (Sonakotivīsattherāpadānam) 3326. Vào thời kỳ giáo pháp của [đức Phật] Vipassī, một hang động đã được tôi xây dựng dành cho hội chúng bốn phương ở tại kinh thành Bandhumā. 3327. Sau khi trải lót nền đất của hang động bằng các tấm vải, tôi đã cống hiến. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, khi ấy tôi đã thực hiện lời ước nguyện rằng: 3328. "Mong rằng tôi có thể làm hài lòng bậc Toàn Giác, có thể đạt được sự xuất gia, và có thể đạt đến sự an tịnh tối thượng, Niết-bàn vô thuợng." 3329. Do nhờ chính nhân tố trong sạch ấy, tôi đã luân hồi chín mươi kiếp. Dầu trở thành vị thiên nhân hay là loài người, tôi đã chói sáng, là người có phước báu đã được tạo lập [trước đây]. 3330. Sau đó, nhờ vào phần dư sót của nghiệp, tại đây trong kiếp sống cuối cùng, tôi đã được sanh làm người con trai độc nhất của nhà bá hộ cao cả ở tại Campā. 3331. Ngay khi tôi vừa được sanh ra, nghe tin người cha

đã khởi ước muốn này: "Ta ban cho công tử hai chục koti (hai trăm triệu) tiền, không thiếu đồng nào?5 3332. Các sợi lông của tôi, dài bốn ngón tay, được mọc lên ở cả hai lòng bàn chân. Chúng là mảnh mai, có sự xúc chạm mềm mại, xinh xắn như là bông vải. 3333. Chín mươi kiếp đã trôi qua, kiếp này là thêm một kiếp nữa, tôi không biết đến việc các bàn chân được đặt xuống ở mặt đất không có trải lót.

8 Panasaphaladâyaka nghĩa là "vj dâng cúng (dāyako) trái ịphaỉa) mít (panasà)y

3334. Tôi đã làm hài lòng bậc Toàn Giác, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Và phẩm vi A-la-hán đã được tôi đạt đến. Tôi có được trạng thái mát mẻ5 chứng được Niết-bàn. 3335. Đấng Toàn Tri đã xác đinh tôi là người đứng đầu trong số các vị đã ra sức tinh tấn, và có lậu hoặc đã được đoạn tận, là bậc A-la-hán, có sáu thắng trí, có đại thần lực. 3336. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng hang động. 3337. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3338. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3339. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. 3340. Tại hồ nước lớn Anotatta, ở trước hội chúng Tỳ-khưu, bậc Trưởng lão Sonakotivisa khi được hỏi câu hỏi đã trả lời. Đại đức Trưởng lão Sonakotivisa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĐÍKý sự về Trưởng lão Sonakotivisa55 là phần thứ chín.

390. KÝ Sự VÈ PHẬT TOÀN GIÁC TÊN PUBBAKAMMAPILOTIKA (Pubbakammapilotikāpadānam) 3341. ở trong khu rừng có nhiều loại hương thơm ở gần hồ nước Anotatta, ở trên mặt phẳng của tảng núi đá đáng yêu được lấp lánh bởi nhiều loại châu ngọc. 3342. Được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu đông đảo, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, ngồi ở tại nơi ấy, đã giảng giải về các việc làm quá khứ của bản thân: 3343. "Này các Tỳ-khưu, hãy lắng nghe Ta. Nghiệp nào đã được tạo ra bởi Ta, nếu là nghiệp có sự liên quan thì cũng sẽ chín muôi cho dầu ở vào bản thể của vị Phật. 3344. Trong những đời sống khác trước đây, Ta đã là kẻ vô lại tên MunãỊĩ. Ta đã vu cáo đức Phật Độc Giác Sarabhũ, [Ngài là] vị không làm điều sái quấy. 3345. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Ta đã luân hồi lâu dài ở địa ngục trong nhiều ngàn kiếp và đã nhận chịu cảm thọ khổ đau. 3346. Do phần dư sót của nghiệp ấy, tại đây trong kiếp sống cuối cùng, Ta đã nhận lãnh sự vu cáo vì nguyên nhân của [nữ du sĩ ngoại đạo] Sunđarikã. 3347. Đức Phật Sabbābhibhũ có vi Thinh văn tên là Nandā. Do sự vu cáo vị [Thinh văn] ấy, Ta đã luân hồi lâu dài ở địa ngục. 3348. Ta đã luân hồi lâu dài ở địa ngục trong mười ngàn năm. Đạt được bản thể nhân loại, Ta đã nhận lãnh nhiều sự vu cáo.

3349. Do phần dư sót của nghiệp ấy, nàng Ciñeamānavikā đã vu cáo Ta với sự không có thật ở trước đám đông dân chúng. 3350. Ta đã là vị Bà-la-môn thông thái, được tôn vinh

kính trọng. Ta dã chỉ dạy về chú thuật cho năm trăm người trai trẻ ở tại khu rừng lớn. 3351. Vi ẩn sĩ Bhĩma có năm thắng trí, có đại thần lực, đã đi đến nơi ấy. Và sau khi nhìn thấy vị ấy đi đến, Ta đã vu cáo vị không làm điều sái quấy. 3352. Ke đó? Ta đã nói với các người học trò rằng: 'Vị ẩn sĩ này có sự thọ hưởng dục lạc.9 Ngay trong khi Ta đang nói, các người trai trẻ đã vui thích theo. 3353. Sau đó, tất cả các người trai trẻ, trong khi khất thực theo từng nhà, đã nói với đám đông dân chúng rằng: 'Vị ẩn sĩ này có sự thọ hưởng dục lạc.' 3354. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, tất cả năm trăm vi Tỳ-khưu này đã gánh chịu sự vu cáo, vì nguyên nhân của [nữ du sĩ ngoại đạo] Sundarikã. 3355. Trong thời quá khứ, vì nguyên nhân tài sản, Ta đã giết chết người anh [em] trai khác mẹ [cùng cha]. Ta đã xô vào hẻm núi hiểm trở và đã nghiền nát bằng tảng đá. 3356. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Devadatta đã ném tảng đá và đã làm dập ngón cái ở bàn chân của Ta do mảnh vỡ của tảng đá. 3357. Trước đây, Ta đã là đứa bé trai đang đùa giỡn ở con đường lớn. Sau khi nhìn thấy đức Phật Độc Giác, Ta đã ném đá vụn ở con đường [vào vị Phật ấy]. 3358. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, tại đây trong kiếp sống cuối cùng, Devadatta đã bố trí các sát thủ nhằm mục đích giết hại Ta. 3359. Trước đây, Ta đã là kẻ cỡi voi. [Nhìn thấy] bậc Hiền Trí Độc Giác tối thượng đang đi đó đây để khất thực, Ta đã dùng con voi công kích vị ấy. 3360. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, ở trong kinh thành Giribbaja, con voi Nālāgirī quẩn trí hung hãn đã tiến gần đến Ta. 3361. Ta đã là đức vua, người trị vì. Ta đã giết chết người đàn ông bằng cây thương. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Ta đã bị nung nấu ở địa ngục một cách dữ dội. 3362. Do phần dư sót của nghiệp ấy, giờ đây toàn bộ lớp da ở bàn chân của Ta đã gây khó chịu, bởi vì nghiệp không bị tiêu hoại. 3363. Ta đã là đứa trẻ đánh cá ở trong ngôi làng của các ngư phủ. Sau khi nhìn thấy các con cá bị giết chết, Ta đã sanh tâm vui mừng. 3364. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, đã có sự đau nhức ở đầu của Ta. Và khi Vidūdabha nổi loạn, tất cả dòng tộc Sakyā (Thích~ca) đã bị giết chết. 3365. Vào thời giáo pháp của [đức Phật] Phussa, Ta đã quở mắng các vị Thinh văn rằng: 'Các ngươi hãy nhai, hãy ăn lúa mạch và chớ có ăn cơm gạo sālī/ 3366. Do quả thành tựu của nghiệp ây, Ta đã [phải] ăn lúa mạch ba tháng. Khi ấy, được vị Bà-la-môn thỉnh mời, Ta đã cư ngụ ở Verañjā.

THÁNH NHÂN KÝ sự 299

3367. Khi cuộc đâu vật đang được diên tiên, Ta đã đánh gục người con trai dòng Mallā. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, đã có sự đau nhức ở lung của Ta. 3368. Ta đã là người thầy thuốc. Ta đã cho người con trai nhà triệu phú thuốc xổ. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Ta có bệnh tiêu chảy. 3369. Lúc bấy giờ, Ta đã là Jotipāla. Ta đã nói với đấng Thiện Thệ Kassapa rằng: 'Giác ngộ là sự đạt được vô cùng khó khăn, do đâu sự Giác ngộ lại có cho kẻ cạo dầu? 3370. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Ta đã thực hành nhiều việc làm khó khăn trong sáu năm ở Uruvelã, sau đó Ta đã đạt được quả vị Giác ngộ. 3371. Ta đã không đạt được quả vị Giác ngộ tối thượng bằng con đường [Trung đạo] này. Bi ngăn cản bởi nghiệp quá khứ, Ta đã tam cau đạo lộ sai trái [khổ hạnh]. 3372. la có sự chấm dứt về phước và tội, Ta đã tránh xa mọi điều bực bội, Ta không sầu muộn, không đau buồn, Ta sẽ Niết-bàn, không còn lậu hoặc.^^ 3373. Đấng Chiến Thắng, vị đã đạt được toàn bộ năng lực của các thắn^ trí, ở trước hội chúng Tỳ-khưu, tại hồ nước lớn Anotatta, đã giảng giải như the. Đức Thế Tôn đã nói về bài giảng giáo pháp tên

Pubbakammapilotika9 đề cập đến hành động trong quá khứ của bản thân như thế ấy. ẾÍKý sự về Phật Toàn Giác tên Pubbakammapilotika ” là phần thứ mười.

Phần tóm lược Trái cây avanta, luôn cả trải bánh mì, trái sung, và trái pilakkha, trái cây pharusā, trái cây valli, và vị có trái chuối, trái mít, vi Kotivīsa, và ký sự tên "Pubbakammapiloti” của bậc Đại Ẩn Sĩ; [tổng cộng] có chín mươi mót câu kệ đã được tính đem bởi các bạc trí. Phẩm Avantaphala là phẩm thứ ba mươĩ chín. (Dứt tụng phẩm thứ mươi bốn).

9 Pubbakammapilotỉka tạm dịch là sự việc có liên quan (pilotỉkă) nghiệp (kammà) quá khứ (pubbā).

XL. PHẨM PILENDIVACCHA (PILINDIVACCHAVAGGO)

391. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PILINDIVACCHA (Pilindivacchattherāpadānam) 3374. Tôi đã là người gác cổng ở thành phố Hamsavatī. Của cải đã được tích lũy trong nhà của tôi là không bị suy suyền, không thể đo lường. 3375. Sau khi đi đến nơi vắng vẻ rồi ngồi xuống, tôi đã được vui vẻ tâm trí. Sau khi ngồi xuống ở nơi cao quý của tòa lâu đài, khi ấy tôi đã suy nghĩ như vầy: 3376. “Ta đã đạt được nhiều của cải, nội phòng của ta là trù phú. Ngay cả đức Vua Ānanda, vị chúa tể trái đất, cũng đã thỉnh mời [ta]. 3377. Và đức Phật này đã hiện khởi. Bậc Hiền Trí là hiện tượng hiếm hoi. Và của cải của ta được biết đến, ta sẽ dâng Cling vật thí đên bậc Đạo Sư. 3378. Vật thí cao quý đã được Vương tử Paduma dâng cung đến đấng Chiến Thắng là các con long tượng cùng với các ghê bành và sự ủng hộ không phải là ít OI. 3379. Ta cũng sẽ dâng cúng vật thí chưa được những người khác dâng cúng trước đây đen hội chúng, tập thể cao quý tối thượng. Ta sẽ là người làm đầu tiên/5 3380. Sau khi suy nghĩ về quả báo hạnh phúc ở sự cống hiến của việc ấy theo nhiều cách, tôi đã nhìn thấy sự dâng cúng vật dụng là đáp ứng được ý định của tôi. 3381. "Ta sẽ dâng Cling các loại vật dụng chưa được những người khác dâng cúng trước đây đến hội chúng, tập thê cao quý tối thượng. Ta sẽ là người làm đầu tiền.“ 3382. Ngay lập tức tôi đã đi đến các người làm nghề tre và đã bảo làm lọng che. Tôi đã tập trung một trăm ngàn chiếc lọng che thành một đống. 3383. Tôi đã tập trung một trăm ngàn tấm vải thành một đống. Tôi đã tập trung một trăm ngàn bình bát thành một đống. 3384. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các chiêc búa nhỏ, các con dao nhỏ, và luôn cả các kim khâu, các đo cắt móng, rồi đã cho treo chúng ở bên dưới chiếc lọng che. 3385. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các cây quạt gió, các cây quạt lá cọ, các quạt lông chim công, các quạt đuôi bò rừng, các đồ lọc nước và các vật đựng dầu.

3386. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các hộp đựng kim, các dây đeo ở vai, luôn cả các dây buộc thân, và các chân kê [bình bát] đã được làm khéo léo. 3387. Tôi đã chứa đầy các chậu đựng vật dụng và luôn cả các tô nhỏ bằng đồng với thuốc men, rồi đã đặt chúng ở bên dưới chiếc lọng che. 3388. Tôi đã chứa đầy các chậu với mọi thứ như là rễ cây, cỏ usĩra, mật mía, trái tiêu dài, các hạt tiêu, trái harĩtakĩ, củ gừng. 3389. Tôi đã bảo làm diing theo quy cách các đôi dép, các đôi giày, các vật lau khô nước, các cây gậy

chông được làm khéo léo. 3390. [Tôi đã bảo làm] các ống thuốc bôi, các que bôi thuốc, các bình lọc nước, các chìa khóa, các túi đựng chìa khóa được thêu với năm loại màu sắc. 3391. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các vải băng bó, các ống dẫn khói, và luôn cả các chân đèn, các vật đo lường và các hòm nhỏ. 3392. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các kẹp gắp, các cây kéo, rồi các vật hốt rác và luôn cả các túi đựng thuốc men. 3393. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các ghế dài, các ghế đẩu, các ghế bành bằng bốn vật liệu,1 và đã xếp đặt ở bên dưới chiếc lọng che. 3394. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các tấm nệm lông cừu, các tấm nệm bông gòn? luôn cả các tấm nệm ở ghế đẩu, và các chiếc gói đã được làm khéo léo. 3395. [Tôi đã bảo làm] các vật kỳ cọ, các loại sáp ong, dầu ăn, lò sưởi ấm tay, hộp đựng, các tấm ván, kim khâu, cùng với tấm trải giường. 3396. [Tôi đã bảo làm] các chỗ nằm ngồi, các thảm chùi chân, các ^ậy chống ở giường ghế, các vật chà răng và tăm xỉa răng, các dàu thơm bôi ở đầu. 3397. [Tôi đã bảo làm] các vật tạo ra lửa, các ghế rơm, các nắp bình bát và các tô nhỏ, các vá múc nước, bột tắm và chậu nhuộm. 3398. [Tôi đã bảo làm] cái chổi, bể nước, tương tợ như thế là vải choàng tắm mưa, tấm lót ngồi, vải đắp ghẻ và y nội. 3399. [Tôi đã bảo làm] thượng y và y hai lớp, dụng cụ xông mũi, đồ làm sạch miệng, nhiều giấm chua và muối, mật ong và thức uống từ sữa chua. 3400. [Tôi đã bảo làm] nhang thơm, sáp ong, vải vụn, khăn lau mặt, chỉ sợi, bất cứ vật gì được gọi là vật có thể dâng cúng, và bất cứ vật gì thích hợp đối với bậc Đạo Sư. 3401. Sau khi tập hợp mọi thứ này lại, tôi đã đi đến gặp đức Vua Ānanda. Sau khi đã gặp bậc sanh thành của vị Đại Ẩn Sĩ, tôi đã đê đau đảnh lễ và đã nói lời nói này: 3402. "[Chúng ta] đã được sanh ra và lớn lên cùng nhau, tâm ý của cả hai là tương đồng, có sự chia sẻ sướng khổ, và cả hai có cùng chí hướng.*III,

1 Bốn loại vật liệu là vàng, ngọc ma-ni, ngọc pha lê và hồng ngọc (Áp. II, câu kệ 4760, 5368, 6397; Áp. III, câu kệ 174).

3403. Tâu vi cảm hóa kẻ thù địch, [thần] có nỗi khổ trong tâm có liên quan đến Bệ hạ. Tâu vi Sát-đế-lỵ, nếu Bệ hạ có khả năng xin Bệ hạ hãy dẹp tan nỗi khổ ay." 3404. "Nỗi khổ của ngươi là nỗi khổ của trẫm, tâm ý của cả hai là tương đồng. Nếu là việc có liên quan đến trẫm thì ngươi hãy nhận biết rằng: 'Việc đã được hoàn tất/ 3405. "Tâu Đại vương, xin Bệ hạ hiểu cho thần, nỗi khổ của thần là khó mà dẹp tan. Trong khi có thể, xin Bệ hạ hãy tuyên bố rằng có một vật quý giá mà Bẹ hạ khó từ bỏ dirge." 3406. "Cho dù là vương quốc, cho đến sanh mạng của trẫm, nếu có sự lợi ích cho ngươi với những vật này thì trẫm sẽ ban cho, không ngần ngại." 3407. "Tâu Bệ hạ, quả nhiên Bệ hạ đã tuyên bố. [Tuy nhiên] điều ấy đã được nhiều người tuyên bố một cách xằng bậy. Hôm nay thần sẽ biết rằng Bệ hạ có được cương quyết trong mọi vấn đề [hay không?] 3408. “Nguôi đã ép buộc trẫm quá đáng trong khi trẫm đang ban phát cho ngươi. Ngươi được lợi ích gì với việc đã ép buộc trẫm? Ngươi hãy nói cho trẫm điều đã được ngươi mong 3409. “Tâu Đại vương, thần ao ước đức Phật tối thượng, đấng Vô Thượng. Thần sẽ chăm lo bữa ăn đến bậc Toàn Giác, xin chớ để cho cuộc sống của thần trở thành tội loi.^ 3410. "Trẫm sẽ ban cho ngươi điều ân huệ khác, chớ cầu xin [trẫm về] đức Như Lai. Đức Phật tợ như viên ngọc ma-ni như ý, không thê ban tặng cho bát cứ ai.” 3411. “Tâu Bệ hạ,

phải chăng điều đã được ngài tuyên bố là [sẽ ban tặng] ngay cả sanh mạng của chính mình? Đúng ra nên ban tặng đức Như Lai hơn là bô thí sanh mạng.” 3412. "Bậc Đại Hùng nên được đặt riêng, đấng Chiến Thắng không thể ban tặng cho bất cứ ai, đức Phật sẽ không được trẫm đồng ý. Ngươi hãy chọn lấy tài sản vô hạn lượng di." 3413. "Chúng ta hãy tìm đến sự phân xử, chúng ta sẽ hỏi các vi quan tòa. Chúng ta hãy tranh cãi về vấn đề ấy theo cách thức mà họ sẽ giải bày." 3414. Tôi đã năm lây tay của đức vua roi đã đi đên tòa án. Trước các vị quan phán xử, tôi đã nói lời nói này: 3415. “Xin các quan phán xử hãy lắng nghe tôi. Đức vua đã ban cho tôi điều ân huệ, không loại trừ bất cứ vật gi, ngài cũng đã ban luôn cả sanh mạng nữa. 3416. Khi ngài đã ban điều ân huệ cho tôi, tôi đã cầu xin đức Phật tối thượng. [Như vậy] đức Phật là đã được ban cho tôi một cách tốt đẹp, hay là tôi còn có điều nghi ng&?” 3417. "Chúng tôi sẽ lắng nghe lời nói của ngươi và của đức vua là vị hộ trì

e r • cv. v y . xứ sở. Sau khi lăng nghe lời nói của cả hai, chúng tôi sẽ chặt đứt điêu nghi hoặc ở tại nơi day/9 3418. "Tâu Bệ hạ, có phải ngài đã ban cho tất cả mọi thứ thuộc quyền sở hữu đến người này, và cũng đã ban luôn cả sanh mạng nữa, không loại trừ bất cứ vật gi?” 3419. “Chính vì bị lâm vào tình cảnh khó khăn, [người này] đã cầu xin điều ân huệ vô thượng. Sau khi biết được người này vô cùng đau khổ, trẫm đã ban cho mọi thứ thuộc quyền sở hữu." 3420. "Tâu Bệ hạ, phần thua là thuộc về ngài, đức Như Lai nên được ban cho người này. Sự nghi hoặc của hai vị đã được chặt đứt, xin hai vị hãy duy trì đúng theo sự việc.,, 3421. Đứng ngay tại nơi ây, đức vua đã nói điêu này với vị quan phán xử: uNày các hiền thần, nếu các ngươi cũng có thể ban cho trẫm [điêu ân huệ] thì trẫm [sẽ] nhận lại đức Phật.,, 3422. “Sau khi đã làm tròn đủ ý định của ngươi, sau khi đã chăm lo bữa ăn cho đức Như Lai, ngươi nên giao lại bậc Toàn Giác cho vị có danh vọng lớn lao Ānanda." 3423. Sau khi đảnh lễ các vị quan phán xử và cả vị Sát-đế-lỵ Ānanda nữa, tôi đã trở nên hớn hở vui mừng và đã đi đến gặp đấng Toàn Giác. 3424. Sau khi đã đi đến gặp đấng Toàn Giác, bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc, tôi đã đê đầu đảnh lễ và đã nói lời nói này: 3425. "Bạch đấng Hữu Nhãn, xin Ngài hãy nhận lời cùng với một trăm ngàn vị có năng lực. Ngài đang đem lại nỗi vui mừng cho tâm của con, xin Ngài hãy ngự đen căn nhà của con." 3426. Biết được ý định của tôi, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Hữu Nhãn đã nhận lời. 3427. Sau khi biết được sự nhận lời [của đức Phật], tôi đã đảnh lễ bậc Đạo Sư. Trở nên mừng rỡ, có tâm phấn chấn, tôi đã đi về nhà. 3428. Sau khi triệu tập lại bạn bè và các viên quan lại, tôi đã nói lời nói này: "Tôi đã đạt được sự thành tựu vô cùng khó khăn, giống như [đã đạt được] viên ngọc ma-ni như ý. 3429. Ngài là đấng Vô Lượnệ Vô Song, là bậc Trí Tuệ không người tương đương, không kẻ sánh bằng, là đang Chiên Thăng không người đôi thủ, chúng ta sẽ cúng dường Ngài bằng vật gì? 3430. Tương tợ như vậy, đấng Nhân Ngiru chính là vị tương đương với bậc không thể sánh bằng, không có người thứ hai, vì thế hành động hướng thượng xứng đáng với đức Phật là việc lồm khó khăn đối với tôi. 3431. Chúng ta hãy thu thập những bông hoa khác loại và hãy thực hiện mái che bằng bông hoa; mọi sự cúng dường này sẽ là xứng đáng với đức Phát."

3432. Tôi đã cho thực hiện mái che bằng hoa sen xanh, luôn cả hoa sen hồng, hoa vassika, hoa adhimuttaka, hoa campaka và hoa nāgā. 3433. Tôi đã sắp đặt một trăm ngàn chỗ ngồi ở bóng râm của các chiếc lọng che. Chỗ ngồi cuối cùng dành cho tôi tri giá hơn một trăm [đồng tiền]. 3434. Tôi đã sáp đặt một trăm ngàn chô ngôi ở bóng râm của các chiêc lọng che. Sau khi cho chuẩn bị cơm nước, tôi đã thông báo về thời điểm. 3435. Khi thời điểm đã được thông báo, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara cùng với một trăm ngàn vi có năng lực đã đi đến căn nhà của tôi. 3436. Cùng với một trăm ngàn vị có năng lực, đấng Tối Thượng Nhân đã ngồi xuống [chỗ ngồi] có chiếc lọng che đang được duy trì ở phía bên trên, ở mái che làm bằng bông hoa khéo được nở rộ. 3437. "Bạch đấng Hữu Nhãn, xin Ngài hãy thọ nhận một trăm ngàn chiếc lọng che, một trăm ngàn chỗ ngồi đúng phép tác và không phạm sai trai." 3438. Có ý định giúp cho tôi vượt qua, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đại Hiên Trí ấy đã tiếp nhận. 3439. Tôi đã dâng cúng mỗi vị Tỳ-khưu một cái bình bát riêng biệt. Các vị đã xả bỏ bình bát trước đây và đã sử dụng bình bát bằng kim loại. 3440. Đức Phật đã ngồi ở mái che bông hoa bảy ngày đêm. Trong khi giúp cho nhiều chúng sanh được giác ngộ, Ngài đã chuyển vận bánh xe giáo pháp. 3441. Trong khi Ngài đang chuyển vận bánh xe giáo J>háp ở bên dưới mái che bông hoa, đã có sự lãnh hội giáo pháp của tám mươi bôn ngàn [chúng sanh]. 3442. Khi ngày thứ bảy đã đến, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara ngồi ở bóng râm của chiếc lọng che đã nói lên những lời kệ này: 3443. "Người thanh niên nào đã dâng cúng vật thí cao quý không thiếu sót món gì đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 3444. Các con voi, các con ngựa, các cỗ xe, các binh lính và quân đội gồm bốn binh chủng sẽ thường xuyên hộ tống người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng mọi thứ. 3445. Phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, các kiệu khiêng và các cỗ xe kéo sẽ thường xuyên phục vụ người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng mọi thứ. 3446. Sáu mươi ngàn cô xe ngựa được trang hoàng với tát cả các loại trang sức sẽ thường xuyên hộ tống người này; điêu này là quả báo của việc dâng cúng mọi thứ. 3447. Sáu mươi ngàn nhạc cụ và những chiêc trông lớn được tô diêm sẽ thường xuyên trình tấu đến người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng mọi thứ. 3448. Tám mươi sáu ngàn phụ nữ được trang điểm, được trang hoàng bằng các loại vải vóc nhiều màu sắc, có các bông tai bang ngọc trai và ngọc ma-ni.

3449. Có lông mi cong, có nụ cười, có điệu bộ duyên dáng, có eo thon, các nàng sẽ thường xuyên vây quanh người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng mọi thứ. 3450. [Người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc một ngàn lần. 3451. Và [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 3452. Trong khi dạng sống ở thế giới chư thiên, người có được nghiệp phước thiện sở hữu chiếc lọng che bằng châu báu bao trùm toàn bộ thê giới chư thiên. 3453. Khi [người này] ước ao bóng râm, thì có chiếc

lọng che được tạo ra từ vải và bông hoa sẽ che bóng râm một cách thường xuyên, thuận theo tâm ý của người này. 3454. Sau khi mệnh chung tư thế giới chư thiên, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, được gắn liền với nghiệp phước thiện, [người này] sẽ trở thành thân quyên của Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn]. 3455. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkẩka sẽ xuat hiện ơ thế gian. 3456. Biết rõ về toàn bộ việc này, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyā, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, sẽ thiết lập [người này] vào vị thế tối thắng. 3457. [Người này] sẽ trở thành Thinh van của bậc Đạo Sư, có tên là PiḶindivaccha, và sẽ được kính trọng trong số chư thiên, các a-tu-la, và các càii-thát-bà. 3458. Sau khi trở thành người được mến mộ đối với tất cả, đối với các vị Tỳ-khưu, đối với các vị Tỳ-khưu-ni, và tương tợ như thế ấy đối với các người tại gia, vị ấy sẽ sống, không còn lậu hoặc.^ 3459. Việc làm đã được thực hiện [trước đây] một trăm ngàn kiếp, đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là toe độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não của tôi. 3460. Ôi, việc làm đã khéo được tôi thực hiện ở phước điền vô thượng. Sau khi thực hiện việc làm ở tại nơi ấy, tôi đã đạt được vi thế bất động. 3461. Chính người thanh niên đã dâng cúng vật thí cao quý không thiếu sót món gì, đã là người đầu tiên, đã là vị tiên phong; điều này là quả báo của việc dâng cúng ấy. 3462. Sau khi dâng cúng các chiếc lọng che đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3463. Tôi không biết đến sự lạnh, sự nóng, bụi bặm và mồ hôi không vấy bân, không có sự nguy khốn và không có tai họa, tôi luôn luôn được tôn trọng.

306 KINH TIÊU BÔ

3464. Tôi có làn da mềm mại, có tâm ý trong sạch, một trăm ngàn chiếc lọng che là thuộc về tôi trong khi tôi luân hồi ở cõi hữu. 3465. Do tác động của nghiệp ấy, [các chiếc lọng ấy] được gắn mọi thứ trang sức và được duy trì ở đỉnh đầu của tôi, ngoại trừ đời sống này. 3466. Tại sao không có sự duy trì các chiếc lọng cho tôi trong đời sống này? Vì tất cả các nghiệp đã được tôi làm là nhằm đạt đến chiếc lọng giải thoát. 3467. Sau khi dâng cúng các tấm vải đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3468. Trong khi tôi luân hồi ở cõi hữu, tôi có màu da vàng chói, không lấm bụi, có sự phát ánh sáng, có sự huy hoàng, cơ thể của tôi là bóng láng. 3469. Có một trăm ngàn tấm vải màu trắng, màu vàng và màu đỏ được duy trì ở đỉnh đầu của tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng các tấm vải. 3470. Từ thành quả của những việc ấy, ở tất cả các nơi tôi đều có được y phục làm băng tơ lụa, băng sợi len, băng chỉ lanh và băng bông vải. 3471. Sau khi dâng cúng các bình bát đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng mười phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3472. Tôi sử dụng các đĩa làm bằng hồng ngọc, các đĩa bằng vàng, các đĩa bằng ngọc ma-ni, và luôn cả các tô nhỏ bằng bạc vào mọi thời điểm. 3473. Tôi không có sự nguy khốn và không có tai họa, luôn luôn được tôn trọng. Tôi có sự thành tựu vê cơm ăn, nước uông, vải vóc và giường năm. 3474. Các của cải của tôi không bi tiêu hoại, tôi có tâm vững chãi. Tôi luôn luôn có sự mong muốn về giáo pháp, phiền não, không còn lậu hoặc. 3475. ở tất cả các noi, ở thế giới chư thiên hay loài người, những đức tính này là gắn bó không lìa bỏ tôi, cũng giống

như bóng râm của cây cối vậy. 3476. Sau khi dâng cúng nhiều chiếc búa nhỏ được gắn liền với chùm tua có màu sắc, khéo được thực hiện đến đức Phật tối thượng, và tương tợ y như the đen hội chúng, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3477. Tôi luôn luôn dũng cảm, không có sự loạn động, và có sự toàn hảo về các lòng tự tin, có nghị lực, có sự tinh cần, có tâm ý được tập trung. 3478. Tư thành quả của việc ây, ở kháp mọi nơi tôi đêu đạt được sự dứt trừ phiền não? [cùng với] trí tuệ tinh tế, không thể ước lượng, tinh khiết. 3479. Với tâm tịnh tín, tôi đã dâng cúng nhiêu con dao nhỏ không bị sân sùi, không thô kệch, rất bóng láng đến đức Phật, và tương tợ y như thế đến hội chúng. 3480. Tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. [Tôi có được] tâm tốt đẹp, sự tinh cần, sự nhẫn nại và con dao từ ái.

THÁNH NHÂN KÝ sự 307

3481. [Và] lưỡi gươm tuệ vô thượng có tính chất dứt trừ mũi tên tham ái. Từ thành quả của những việc ấy, tôi đạt được trí tuệ sánh với kim cương. 3482. Sau khi dâng cúng các cây kim khâu đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3483. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi luôn luôn có tuệ sắc bén, không có sự hoài nghi, có sự cắt đứt mọi điều nghi hoặc, có sắc đẹp và có của cải. 3484. Tôi đã nhìn thấy ý nghĩa và nguyên nhân thâm sâu vi tế bằng trí tuệ. Trí tuệ của tôi là sự tiêu diệt điều tăm tối, được sánh với kim cương cao quý. 3485. Sau khi dâng cúng các đồ cắt móng đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thê tôi thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3486. Tôi có được nhiều tôi nam, tớ gái, bò, ngựa, người làm công, người canh gác, người hầu tắm, người phục vụ bữa ăn, người đầu bếp ở khắp tất cả các nơi. 3487. Sau khi dâng cúng các cây quạt gió và các cây quạt lá cọ xinh xắn đến đức Thiện Thệ, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3488. Toi không biết đến sự lạnh [và] sự nóng, sự bứt rứt không hiện hữu, tôi không biết đến sự ưu phiền và sự bực bội ở tâm của tôi. 3489. Từ thành quả của việc ấy của tôi, tất cả các ngọn lửa của tôi là lửa tham ái, lửa sân hận và si mê, lửa ngã mạn và lửa tà kiến đã bị dập tắt. 3490. Sau khi dâng cúng các quạt lông chim công, các quạt đuôi bò rừng đến hội chúng, tập thể tối thượng, tôi có phiền não được lặng yên, tôi sống không có tật xấu. 3491. Sau khi dâng cúng các đồ lọc nước đến đức Thiện Thệ và các bậc tối thượng thực hành giáo pháp, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3492. Tôi vượt trội tất cả và đạt được tuổi thọ ở cõi trời, tôi không bao giờ bị áp bức bởi những kẻ trộm cướp hoặc những kẻ thù địch. 3493. Từ thành quả của những việc ây, người ta cũng không làm tôn hại tôi bằng vũ khí hoặc bằng thuốc độc, tình trạng chết yểu không xảy đến cho tôi. 3494. Sau khi dâng cúng các vật đựng dầu đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3495. Tôi có dáng vóc vô cùng tao nhã, có giọng nói tốt, tâm ý khéo hướng thượng, tâm tư không rối loạn, tôi được bảo vệ bằng mọi phương cách bảo vệ. 3496. Sau khi dâng cúng các hộp đựng kim đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

308 KINH TIÊU Bộ

3497. Tôi có sự an lạc của tâm, có sự an lạc của thân, có sự an lạc sanh lên từ các oai nghi; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy. 3498. Sau khi dâng cúng các dây đeo ở vai đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3499. Và từ thành quả của việc ấy, tôi đạt được trí biết tâm của người khác, tôi nhớ lại kiếp sống thứ nhì, tôi có làn da đẹp toàn diện. 3500. Sau khi dâng cúng các dây buộc thân đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng sáu phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3501. Tôi không chao động ở các tầng định, tôi có năng lực đối với các tầng định, tôi có hội chúng không thể bị chia rẽ, có lời nói luôn luôn được thừa nhận. 3502. Tôi có niệm đã được thiết lập, sự run sợ của tôi là không được biết đến, các đức tính này được gắn liền dầu ở thế giới chư thiên hay là nhân loại. 3503. Sau khi dâng cúng các chân kê [bình bát] đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi được thừa hưởng năm loại màu sắc, tối không bi lay động bơi bất cứ điều gì. 3504. Bất cứ các pháp nào tôi đã được nghe đều là những sự thức tỉnh cho niệm và trí. Những gì đã được tôi ghi nhớ là không tiêu hoại, chúng được xét đoán cẩn thận. 3505. Sau khi dâng cúng các chậu đựng cùng các vật dụng đến đức Phật và tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3506. Tôi đạt được các chậu đựng làm bằng vàng, làm bằng bạc, luôn cả làm bằng ngọc pha lê và còn làm bằng hồng ngọc nữa. 3507. Những người vợ và các tôi trai, tớ gái, các tượng binh, kỵ binh, xa binh, bộ binh và luôn cả những người nữ trung thành nữa, đều là thuộc quyền sử dụng [của tôi] vào mọi lúc. 3508. Các môn khoa học, các từ ngữ về chú thuật, luôn cả nhiều kinh điển các loại, cùng tất cả các học nghệ, đều là thuộc quyền sử dụng [của tôi] vào mọi lúc. 3509. Sau khi dâng cúng các tô nhỏ đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. y y 3510. Tôi đạt được các tô nhỏ làm băng vàng, làm băng bạc, luôn cả làm bằng ngọc pha lê và còn làm bằng hồng ngọc nữa. 3511. Tôi đạt được các tô nhỏ làm bằng gỗ assattha, bằng vỏ trái bầu, hoặc bằng các lá sen, và các vỏ sò ốc cho việc uống mật ong. 3512. Tôi có sự thực hành vê phận sự, vê đức hạnh, vê các hành động thuộc về ứng xử; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy. 3513. Sau khi dâng cúng thuốc men đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập

thê cao quý tôi thượng, tôi thọ hưởng mười phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3514. Từ thành quả của việc ấy, tôi có tuổi thọ, có sức mạnh, dũng cảm, có sắc đẹp, có uy quyền, có sự sung sướng, không có sự nguy khốn, không có tai họa, và luôn luôn được tôn trọng, không có sự xa lìa với những người yêu mến của tôi. 3515. Sau khi dâng cúng các đôi dép đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3516. Sáu chục trăm ngàn (sáu triệu) phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, các kiệu khiêng, và các cỗ xe kéo luôn luôn vây quanh tôi. 3517. Trong khi tôi luân hồi ở cõi hữu, có những chiếc giày làm bằng ngọc ma-ni, bằng len, bằng vàng, và bằng bạc hiện ra ở những lần giở bàn chân lên. 3518. Theo quy luật tự nhiên, chúng di chuyển hướng đến việc tẩy sạch các hành động tội lỗi; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của

việc ấy. 3519. Sau khi dâng cúng các đôi giày đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi đã mang vào chiếc giày có thần lực và tôi sống theo như ước muốn. 3520. Sau khi dâng cúng các miếng vải lau khô nước đến đức Phật và tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3521. Tôi có màu da vàng chói, không lấm bụi, có sự phát ánh sáng, có sự huy hoàng, cơ thể của tôi là bóng láng, không vây bân bụi bặm và mồ hôi; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy. 3522. Sau khi dâng cúng các cây gậy chống đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng sáu phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3523. Tôi có nhiều người con trai, sự run sợ của tôi là không được biết đến, tôi không bao giờ bị áp bức, tôi được bảo vệ bằng mọi phương cách bảo vệ, thậm chí sự té ngã tôi cũng không biết, tâm ý của tôi không bị tản mạn. 3524. Sau khi dâng cúng thuốc bôi đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3535. Tôi có [cặp] mắt to màu trắng, màu vàng và màu đỏ, có nhãn quan được tinh tín không bi vẩn đục, được lánh xa mọi tật bệnh. 3526. Tôi đạt được thiên nhãn và tuệ nhãn vô thượng; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy. 3527. Sau khi dâng cúng các chìa khóa đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi đạt được chìa khóa trí tuệ, vật mở ra cánh cửa giáo pháp.

310 KINH TIÊU BÔ

3528. Sau khi dâng cúng các túi đựng chìa khóa đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng hai phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. Trong khi luân hồi ở cõi hữu, tôi ít giận dữ, không buồn phiền. 3529. Sau khi dâng cúng các vải băng bó đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3530. Trong khi luân hồi ở cõi hữu, tôi không chao động ở các tầng định, tôi có năng lực đối với các tầng định, tôi có hội chúng không thể bị chia rẽ, có lời nói luôn luôn được thừa nhận, có sự thành tựu của cải được sanh lên. 3531. Sau khi dâng cúng các ống dẫn khói đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3532. Niệm của tôi là trực chỉ, các sợi gân khéo được liên kết, tôi đạt được thiên nhãn là từ thành quả của việc ấy. 3533. Sau khi dâng cúng các chân đèn đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3534. Tôi có sự sanh ra tốt đẹp, được đầy đủ các phần thân thể, có tuệ hướng đến giác ngộ; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy. 3535. Sau khi dâng cúng các vật đo lường và các hòm nhỏ đến đức Phật và tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng mười phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3536. Tôi luôn luôn cảnh giác, có được sự an lạc, có danh vọng lớn lao, đồng thời có cả tương lai, được xa lìa sự thất bại, có sự tinh tế, được lánh khỏi tất cả các hiểm họa. 3537-38. Và tôi có sự đạt được các đức tính vĩ dại, tôi có hành vi bình lặng, sự kích động đã được xa lìa hẳn, tôi đạt được các vật đo lường và các hòm nhỏ có bon màu cùng với các con voi, các con ngựa và châu báu, những vật này của tôi không bi tiêu hoại; điều này là quả báo của việc dâng cúng các vật đo lường. 3539. Sau khi dâng cúng các ông đựng thuốc bôi đên đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3540. Tôi có đủ tất cả các tướng mạo, có tuổi thọ, trí tuệ và [tâm]

định tĩnh, thân của tôi luôn luôn được thoát khỏi mọi sự mệt nhọc. 3541. Sau khi dâng cúng các cây kéo có cán nhỏ vô cùng bén đến hội chúng, tôi đạt được trí tuệ vô lượng và tinh khiết, vật cắt xén các phiền não. 3542. Sau khi dâng cúng các kẹp gắp đến đức Thiện Thệ và hội chứng, tập thê cao quý tôi thượng, tôi đạt được trí tuệ vô lượng và tinh khiêt, vật găp bỏ các phiền não.

THÁNH NHÂN KÝ sự 311

3543. Sau khi dâng cúng các dụng cụ xông mũi đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thê cao quý tôi thượng, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3544. Tôi có đức tin, giới hạnh, luôn cả sự hổ thẹn tội lỗi và đức tính ghê sợ [tội lỗi], có sự học hỏi, sự dứt bỏ của cải, sự nhẫn nại và trí tuệ là đức tính thứ tám. 3545. Sau khi dâng cúng các ghế đẩu đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3546. Tôi được sanh ra ở gia tộc thượng lưu, tôi có của cải lớn lao, tất cả tôn trọng tôi, danh tiêng của tôi được lan truyên. e r 9 r r 3547. Trong một trăm ngàn kiêp, các chiêc ghê bành hình vuông thường xuyên vây quanh tôi, tôi vui thích trong sự ban phát. 3548. Sau khi dâng cúng các tấm nệm đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng sáu phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3549. Tôi có thân thê đêu đặn, được tôn trọng, là người mem mỏng, có dáng vóc tao nhã, tôi đạt được nhóm tùy tùng có trí tuệ; điều này là quả báo của việc dâng cúng nệm. 3550. Tôi đạt được các nệm bông vải đủ các hình dạng, nhiều tấm thảm dệt có hình vẽ, các tấm tranh vải quý giá và nhiều loại chăn mền. 3551. Tôi đạt được các tấm áo khoác mềm mại, các mảnh da dê mềm mại và các tâm trải lót nhiêu loại; điêu này là quả báo của việc dâng cúng nệm. 3552. Ke từ khi tôi nhớ được bản thân, kể từ khi tôi đạt được sự hiểu biết, tôi không là kẻ vô tích sự, tôi là chiếc nôi của thiền; điều này là quả báo của việc dâng cúng các tấm nệm. 3553. Sau khi dâng cúng các chiếc gối đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng sáu phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3554. Tôi luôn luôn kê đầu ở những chiếc gối len? những chiếc gối gương sen và những chiếc gối gỗ tram màu đỏ. 3555. Sau khi hướng dẫn trí đến đạo lộ cao quý tám chi phần, bốn quả vi Sa-môn, tôi an trú vào các pháp ấy trong mọi thời điểm. 3556. Sau khi hướng dẫn trí đến sự bố thí, sự rèn luyện, sự thu thúc và các pháp vô lượng tâm [từ, bi, hỷ, xả] thuộc sắc giới, tôi an tru vào các pháp ấy trong mọi thời điểm. 3557. Sau khi đặt tâm trí vào phận SỊT, đức hạnh, sự thực hành và các hành động thuộc vê ứng xử, tôi an trú [vào các pháp áy] trong mọi thời diêm.

312 KINH TIÊU Bộ

3558. Sau khi hướng dẫn trí đến đường kinh hành, hoặc sự nỗ lực tinh tấn ở các chi phần giác ngộ? tôi an tru vào các pháp ấy theo như ý thích. 3559. Sau khi hướng dẫn trí đến giới, đinh, tuệ và sự giải thoát vô thượng, tôi an trú vào các pháp ây một cách an lạc. 3560. Sau khi dâng cúng các ghê rơm đên dâng Chiên Thăng và hội chúng, tập thê cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng hai phước báu tương xứng với nghiệp cua tôi. 3561. Tôi hưởng thụ nhiều ghế bành thượng hạng làm bằng vàng, làm bằng ngọc ma-ni, làm bằng ngà voi và lõi gỗ; điều này là quả báo của chiễc ghế rơm. 3562. Sau khi dâng cúng

các ghế kê chân đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng hai phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3563. Tôi đạt được nhiêu phương tiện di chuyên; điêu này là quả báo của chiêc ghê kê chân. Các tôi nam, tớ gái, các người vợ, và những người khác sông nương tựa đều phục vụ tôi một cách nghiêm chỉnh; điều này là quả báo của chiêc ghê kê chân. 3564. Sau khi dâng cúng các chất dầu bôi đến hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3565. Tôi có được sự không bệnh tật, sự thành tựu về dáng vóc, sự tiếp thu giáo pháp một cách nhạy bén, sự đạt được cơm ăn nước uống, và nhóm năm là tuôi thọ, sắc đẹp, an vui, sức mạnh và trí tuệ. 3566. Sau khi dâng cúng bơ lỏng và dầu ăn đến hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3567. Tôi luôn luôn có được sức mạnh, được thành tựu về dáng vóc, có cơ thể tươi vui, không có bệnh, sạch sẽ; điều này là quả báo của bơ lỏng và dầu ăn. 3568. Sau khi dâng cúng vật làm sạch miệng đến đức Phật và hội chúng, tập thê tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3569. Tôi có cổ họng sạch sẽ, có giọng nói ngọt ngào, được tránh khỏi bệnh ho, bệnh suyển, và hương thơm của hoa sen luôn luôn tỏa ra từ miệng của tôi. 3570. Sau khi dâng cúng sữa đông đầy đủ phẩm chất đến đức Phật và hội chúng, tạp thể tối thượng, tôi thọ hưởng tài sản bất tử cao quý, đó là niệm hướng đến thân. 3571. Sau khi dâng cúng mật ong đạt được màu sắc và hương vị đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tôi uống hương vị giải thoát không thể ước lượng, không gì sánh bằng. 3572. Sau khi dâng cúng chất tinh túy ở trạng thái thiên nhiên đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng bốn [Thánh] quả tương xứng với nghiệp của tôi. 3573. Sau khi dâng cúng cơm ăn và nước uống đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng mười phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

THÁNH NHÂN KÝ sự 313

3574. Tôi luôn luôn có tuổi thọ, có sức mạnh, sáng suốt, có dung sắc, có uy quyền, có sự sung sướng, có sự thành tựu về cơm ăn và nước uống, dũng cảm, có trí tuệ, tôi đạt được những đức tính này trong khi luân hồi ở cõi hữu. 3575. Sau khi dâng cúng nhang [thơm] đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng mười phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3576-77. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi đạt được cơ thể có mùi thơm ngào ngạt, có uy quyền, có tuệ nhạy bén, có danh tiếng, có tuệ sắc bén, có tuệ bao la, có tuệ vi tiếu và tuệ thâm sâu, có tuệ rộng lớn và tuệ đổng tốc. Giờ đây, do nhờ tác động của chính việc ấy, tôi đạt đến sự tinh lặng, an lạc, Niết-ban. 3578. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3579. Các phiền não của tôi đã được thiêu(tót, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3580. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Piḷindivaccha đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Piḷindivaccha^ là phần thứ nhất

392. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SELA (Seỉattherãpadânam) 3581. Tôi đã là vị chủ quản đường lộ ở thành phố Hamsavatī. Tôi đã tập hợp thân quyến của tôi lại và đã nói lời nói này: 3582. "Đức Phật, vị Phước Điền Vô Thượng đã hiện khởi ở thế gian. Ngài là vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng của toàn bộ thế gian. 3583. Các vi Sát-đế-ly, luôn cả các thi dân và các Bà-la-môn vô cùng sang trọng có tâm tinh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng. 3584. Các người nài voi, các lính ngự lâm, các người đánh xe, các binh lính có tâm tinh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng. 3585. Các vị con lai [có cha dòng Sát-đê-lỵ và mẹ là nô bộc], các người con trai của đức vua, các thương buôn và các Bà-la-môn có tâm tinh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng. 3586. Các người đầu bếp, các người phục vụ, các người hầu tắm, các nẹười làm tràng hoa có tâm tinh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đong. 3587. Các người thợ nhuộm, các người thợ dệt, các người thuộc da và các người thợ cạo có tâm tinh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng. 3588. Các người làm tên, các người thợ tiện, các người thợ da luôn cả các người thợ mộc có tâm tịnh tín có ý vui mừng, họ đã the hiện tinh than cộng đồng.

3589. Các người thợ rèn, các người thợ vàng; cũng vậy, các người thợ thiếc CÓ tâm tinh tín, có ý vui mừng, họ đã thê hiện tinh thân cộng đông. 3590. Các người làm công, luôn cả các trẻ sai vặt, nhiều kẻ nô lệ làm công, tùy theo năng lực của mình họ đã thê hiện tinh thần cộng đồng. 3591. Các người gánh nước, các người gánh củi, các nông dân và các người gánh cỏ, tùy theo năng lực của mình họ đã the hiện tinh than cộng đong. 3592. Các người trồng hoa, luôn cả các người làm tràng hoa, các người hốt lá, các người gánh trái cây, tùy theo năng lực của mình họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng. 3593. Các cô kỹ nữ, các cô hầu đội nước, các cô bán bánh và các bà bán cá, tùy theo năng lực của mình họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng. 3594. Xin quý vị hãy đi đến. Tất cả chúng ta hãy tụ hội lại và cùng nhau kết hợp lại thành nhóm. Chúng ta sẽ thực hiện hành động hướng thượng đến phước điên vô thượng.,, 3595. Sau khi lăng nghe lời nói của tôi, họ đã tức thời két hợp lại thành nhóm và đã cho thực hiện hội trường phục vụ được xây dựng khéo léo dành cho hội chúng Tỳ-khưu. 3596. Sau khi cho làm hoàn tất hội trường ấy, tôi đã trở nên phấn khởi, có tâm ý hớn hở. Được tất cả những người ấy tháp tùng, tôi đã đi đến gặp bậc Toàn Giác. 3597. Sau khi đi đến gần bậc Toàn Giác, đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Nhân Ngưu, tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư và đã nói lời nói này: 3598. "Bạch đấng Anh Hùng, ba trăm người nam này là cùng nhóm. Bạch bậc Hiên Trí, họ công hiên đên Ngài hội trường phục vụ đã được xây dựng khéo léo/9 . 3599. Bậc Hữu Nhãn đứng đầu hội chúng Tỳ-khưu đã tiếp nhận và trước ba trăm người, Ngài đã nói lên những lời kệ này: 3600. "Ba trăm người cùng với vị trưởng thượng đã hợp tác cùng nhau. Sau khi thực hiện, tất cả các ngươi sẽ thọ hưởng thành quả. 3601. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, các ngươi sẽ chạm được Niết-bàn an tịnh, có trạng thái mát mẻ? vô thượng, không già, không chết." 3602. Đức Phật, bậc Toàn Tri, vị Sa-môn vô thượng đã chú nguyện như thế. Sau khi lắng nghe lời nói của đức Phật, tôi đã bày tỏ sự vui mừng. 3603. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp. Và tôi đã là vị thông lãnh chư thiên cai quản thiên quôc năm trăm lân. 3604. Và

tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. Các vi đại thiên đã đảnh lễ tôi khi tôi đang cai quản thiên quốc. 3605. ở đây, trong vương quốc nhân loại, nhóm người [trước đây] trở

thành bà con họ hàng. Khi kiếp sống cuối cùng đã đến, có người Bà-la-môn tên Vāsettha. 3606. Tôi đã là người con trai của vị ấy, có sự tích lũy tám mươi koti (tám trăm triệu). Tên của tôi là Sela. Tôi đạt đến sự toàn hảo vê sáu chi phần [của vi Bà-la-môn]. 3607-08. Trong khi dẫn đàu những người học trò của mình đi bách bộ đó đây, tôi đã nhìn thấy vị đạo sĩ khổ hạnh tên Keniya, mang búi tóc và giỏ vật dụng, có vật cúng hiến đã được chuẩn bị và tôi đã nói lời nói này: "C6 phải ông đã thỉnh mời cô dâu, hoặc chú rể, hay là đức vua?" 3609. "Tôi có ý định dâng tặng vật hiến cúng đến vi Bà-la-môn đã được công nhận là vi Trời. Tôi không thỉnh mời đức vua, vật hiến cúng của tôi không có. 3610. Và tôi thì không có cô dâu, chú rể của tôi thì không được biết đến. Còn vị đem lại niềm hoan hỷ cho dòng họ Sakyā là bậc Trưởng Thượng ở Thế Gian, luôn cả chư thiên. 3611. Vị ấy là nguồn đem lại sự an lạc cho tất cả chúng sanh, vì sự lợi ích và tấn hóa của toàn bộ thế gian, vị ấy đã được tôi thỉnh mời ngày hôm nay. Đây là vật chuẩn bị cho vị ấy. 3612. Đức Phật đã được [tôi] thỉnh mời vào ngày mai là vị có màu da tợ như trái cây timbarū, là bậc vô lượng, vô song, không thể sánh bằng về dáng vóc. 3613. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy trông tợ thỏi vàng đặt ở cửa miệng lò nung, như là than gỗ khadira cháy rực tương tợ tia chớp. 3614. Đức Phật đã được tôi thỉnh mời ấy giống như ngọn lửa ở đỉnh ngọn núi, tợ như mặt trăng vào ngày rằm, giống như là màu sắc ngọn lửa của cây sậy. 3615. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy như là con sư tử? không bi hãi sợ, đã vượt qua sự sợ hãi, là bậc Hiền Trí có sự chấm dứt việc tái sanh. 3616. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là vị thiện xảo trong các pháp của chư Phật. Ngài không bao giờ bị áp bức bởi những kẻ khác, tương tợ con voi. 3617. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là vị thiện xảo về sự thực hành trong Chánh pháp, là vị Phật hùng tráng không thể sánh bằng, tương tợ con bò mộng. 3618. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là vị có phẩm hạnh vô biên, có danh vọng vô lượng, có tất cả tướng mạo rực rỡ, tương tợ [Chúa trời] Sakkā. 3619. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mòi ấy là vi có năng lực, có đồ chúng, có sự huy hoàng, có sự vẻ vang, khó mà tiếp cận, tương tợ đấng Phạm thiên. 3620. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy có giáo pháp đã

đạt, là đấng Thập Lực, là bậc thông thạo về năng lực và siêu năng lực, tương tợ trái đất. 3621. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy được vây bủa bởi các làn sóng giới hạnh, không bị lay động do sự nhận thức [của giác quan] đối với các đối tượng, tương tợ biển cả. 3622. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là khó mà tiếp cận, khó mà chế ngự, không bị lay chuyển, hướng thượng, cao thượng, tương tợ núi Neru. 3623. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy có trí tuệ vô biên, tương đương với bậc không thể sánh bằng, không thể ước lượng, đã đạt đến tột đỉnh,

tương tợ bầu không gian. (Dứt tụng phẩm thứ mười lăm).

3624. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là vị an ủi, là chốn nâng đỡ cho những kẻ bi khiếp hãi lo sợ, là sự bảo vệ cho những người đến nương nhờ. 3625. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là hầm mỏ châu báu, ỉa chỗ trú của những người có trí giác ngộ, là phước điền của những người tầm cầu sự an lạc. 3626. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là bậc an ủi, tạo ra niềm phấn khởi, là đấng ban phát quả vị Sa-môn, tương tợ đám mây [đem lại cơn mưa]. 3627. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là con mắt của thế gian, có oai lực lớn lao, là sự xua đi tất cả các bóng tối, tương tợ mặt trời [xua tan đêm đen]. 3628. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là bậc Hiền Trí, có sự nhìn thấy bản thể trong các sự giải thoát khỏi đối tượng của các giác quan, tương tợ mặt trăng [lìa bỏ các chỗ đã rọi đến]. 3629. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là bậc Trưởng Thượng, đã tự mình vươn lên ở thế gian, được tô điểm với các tướng mạo, là bậc Vô Lượng. 3630. Vị nào có trí tuệ không thể đo lường, vị nào có giới không thể tương đương, vi nào có sự giải thoát không thể sánh bằng, vị ấy là đức Phật đã được tôi thinh mời. 3631. Vị nào có nghị lực không sánh bằng được, vi nào có sức mạnh không nên suy tưởng, vi nào có sự nỗ lực hàng đầu, vị ấy là đức Phật đã được tôi thỉnh mời. 3632. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy có tất cả các chất độc hại là tham, sân và si đã được xóa sạch, tương tợ thuốc chữa bệnh.

THÁNH NHÂN K* su 317

3633 Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy có sự xua đi căn bệnh phiền não, nhiều sự khổ đau và tất cả các bóng tối, tương tợ vị lương y." 3634. "Này ông, vị mà ông nói là 'đức Phật\ thậm chí tiếng gọi ấy cũng khó mà đạt được.,, Sau khi được nghe rằng: "Bức Phật! Đức Phát!", đã có sự phỉ lạc sanh khởi đến tôi. 3635. Niềm phỉ lạc của tôi không [thể] nắm giữ ở bên trong đã bộc lộ ra ngoài. Trong khi có tâm phỉ lạc, tôi đây đã nói lời nói này: 3636. "Vậy thì đức Thế Tôn, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu ấy là ở đâu? Tôi sẽ đi đến nơi ấy và sẽ đảnh lễ đấng ban phát quả vị Sa-m6n.” 3637. Sau khi nắm lấy cánh tay phải [của tôi], [vị đạo sĩ Keniya] tràn đầy niềm phấn khởi, tay chắp lại, đã nói với tôi vê đang Pháp Vương, bậc có sự xua đi các mũi tên sầu muộn rằng: 3638. uÔng hãy nhìn xem khu rừng lớn này tợ như đám mây khổng lồ đang trỗi dậy? như là lớp thuốc bôi màu lục, trông như là biển cả. 3639. Đức Phật, bậc Điều Phục những ai chưa được điều phục, đấng Hiền Trí ấy ngự ở nơi đây, đang hướng dẫn những người cần được hướng dẫn và giúp cho họ giác ngộ những chi phần giác ng0.” 3640. Tợ như người khát nước tìm kiếm nước, tợ như người bị đói tìm kiếm thức ăn, như là bò mẹ khao khát con bê, tôi đã tìm đen đang Chiến Thắng tương tợ như thế. 3641. Là người biết lối hành xử và cách tiếp cận hay dở thích hợp với tình huống, tôi đã chỉ dạy những người học trò của mình trong khi họ đang đi đến chỗ cua đấng Chiến Thắng rang: 3642. “Này các chàng trai, các đấng Thế Tôn là khó mà tiếp cận, tợ như những con sư tử có sở hành đơn độc, các trò nên đi đến, bước từng bước từng bước một. 3643. Giông như con răn độc khủng khiêp, tợ như con sư tử vua của loài thú, tợ như con voi có ngà đã bị noi cơn, chư Phật là khó mà tiếp cận như the ấy.

3644. Này các chàng trai, hãy kềm lại sự ho khan và khịt mũi. Các trò hãy đi đến gần bên đức Phật, bước từng bước từng bước một. 3645. Chư Phật là các vị thầy của thế gian luôn cả chư thiên, là những bậc quý trọng sự yên tịnh, ít gây tiếng động, khó mà tiếp cận, khó đến gần bên. 3646. Khi ta hỏi câu hỏi hoặc là trao đổi xã giao, khi ấy các trò hãy im lặng, hãy đứng yên như là có bản chát của bậc Hiền Trí. 3647. về Chánh pháp mà vị ấy thuyết giảng nhằm đạt đến Niết-bàn an ổn, các trò hãy chú tâm đến ý nghĩa ấy. Việc lắng nghe Chánh pháp là hạnh phúc.,^ 3648. Sau khi đi đến gần bậc Toàn Giác, tôi đã chào hỏi với bậc Hiền Trí. Sau khi đã trao đổi lời thăm hỏi ấy, tôi đã quan sát các tướng mạo.

3649. Tôi nhìn thấy ba mươi tướng mạo, nhung tôi vẫn còn hoài nghi về hai tướng mạo. Đấng Hiền Trí đã dùng thần thông cho thấy vật kín có lớp vỏ bọc lại. 3650. Đấng Chiến Thắng đã thè lưỡi ra uốn lại, rồi đã chạm vào lỗ tai và lỗ mũi, [sau đó] đã che lấp toàn bộ cái trán. 3651. Sau khi nhìn thấy các tướng mạo được đầy đủ cùng với các tướng phụ của Ngài, tôi đã đi đến kết luận là "dức Phát", và đã xuất gia cùng với các người học trò. 3652. Cùng với ba trăm [người học trò], tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Chưa đến nửa tháng, tất cả chúng tôi đã đạt được Niết-bàn. 3653. Sau khi đã cùng nhau thực hiện công việc ở phước điền vô thượng, sau khi đã cùng nhau luân hồi, họ đã cùng nhau dừng lại. 3654. Sau khi dâng cúng các cây đà chông, tôi đã sông theo tính chát cộng đồng. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp9 tôi đạt được tám nhân tố: 3655. Tôi được tôn vinh ở các phương, và của cải của tôi là vô lượng, tôi là chốn nâng đỡ cho tất cả, sự run sợ của tôi không được biết đến. 3656. Các bệnh tật của tôi không được biết đến, và tôi gìn giữ được tuổi thọ, tôi là người có làn da mềm mại, tôi cư ngụ ở trú xứ đã được mong mỏi. 3657. Sau khi dâng cúng tám cây đà chống, tôi đã sống theo tính chất cộng đông. Tôi có các tuệ phân tích và phàm vị A-la-hán, điêu này là phân phụ trội của điều thứ tám. 3658. Bạch đang Đại Hiên Trí, con có toàn bộ nguôn nhiên liệu đã cạn, có phận sự đã được làm xong, không còn lậu hoặc, là người con trai của Ngài, có tên là Atthagopānasī. 3659. Sau khi dâng cúng năm cây cột trụ, tôi đã sống theo tính chất cộng đồng. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đạt được năm nhân tố: 3660. Tôi không dao động nhờ vào tâm từ ái, tôi có các bộ phận cơ thể không bị thiếu sót, tôi có lời nói được thừa nhận, cũng vậy, tôi không bị công kích. 3661. Tâm của tôi không bi tản mạn, tôi không bị dao động bởi bất cứ điều gì. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi không bị bợn nhơ ở trong giáo pháp. 3662. Bạch đấng Đại Hùng, bạch bậc Hiền Trí, vị Tỳ-khxru Thinh văn của Ngài có sự tôn kính, có sự phục tùng, có phận sự đã được làm xong, không còn các lậu hoặc, xin đảnh lễ Ngài. 3663. Tôi đã thực hiện chiếc ghế bành được làm khéo léo và đã bố trí ở hội trường. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp? tôi đạt được năm nhân tố: 3664. Sau khi được sanh vào gia tộc thượng lưu, tôi có của cải lớn lao. Tôi là người được thành tựu mọi thứ, sự bon xẻn ở tôi không được biết đến.

3665. Khi tôi mong muốn ra đi, chiếc ghế bành hiện diện kế bên. Bằng chiếc ghế bành tối thượng, tôi đi đến nơi đã được tôi mong muốn. 3666. Do việc dâng cúng chiếc ghế bành ấy, tôi đã xua đi tất cả bóng tối. Bạch đấng Hiền Trí, vị Trưởng lão đã đạt được toàn bộ năng lực của thắng trí xin đảnh le Ngài. 3667. Tôi đã hoàn thành tất cả các phận sự, phận sự của mình và phận sự đối với người khác. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi vào thành phố không sợ hãi (Niết-bàn). 3668. Tôi đã dâng cúng vật hữu dụng chính là hội tnrờng đã được hoàn thành. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đạt đến bản thể tối thượng. 3669. Bất cứ các huấn luyện viên nào ở thế gian, khi họ huấn luyện các con voi, các con ngựa, họ thực hiện nhiều cách hành hạ khác nhau, họ huấn luyện bằng sự tàn bạo. 3670. Bạch đấng Đại Hùng, Ngài không huấn luyện các người nam và nữ như thê ây. Ngài huân luyện trong sự huân luyện tôi thượng, không gậy, không dao. 3671. Trong khi tán dương các đức tính của sự bố thí, bậc Hiền Trí là vị thiện xảo về việc thuyết giảng. Ngay trong khi đang trả lời một câu hỏi, bậc Hiền Trí đã giác ngộ cho ba trăm người. 3672. Được đấng Điều Ngự huấn luyện, chúng tôi đã được hoàn toàn giải thoát, không còn lậu hoặc, đã đạt được toàn bộ năng lực của thắng trí, đã được tịch diệt về sự đoạn tận mầm mống tái sanh. 3673. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tất cả các điều lo sợ đã được vượt qua; điều này là quả báo của việc dâng cúng hội trường. 3674. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn5 đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3675. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3676. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sela đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Sela” là phần thứ nhì.

393. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SABBAKITTIKA (Sabbakittikattherāpadānam) 3677. [Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian] tợ như cây kanikāra đang

cháy sáng, tợ như cây đèn đang phát sáng, tợ như vì sao osadhĩ đang chiếu sáng, giống như tia chớp ở bầu trời. 3678. [Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian] không bị hãi sợ, khônẹ có sợ sệt, tợ như con sư tử vua của loài thú, đang tỏa ánh sáng trí tuệ, đang che ngự các nhóm người ngoại đạo. 3679. Toi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang tiếp độ thế gian này, đang cát đứt mọi điêu nghi hoặc, tợ như [con sư tử] vua của loài thú đang gầm thét. 3680. Tôi đã là vị mang búi tóc, khoác tấm da dê, cao thượng, ngay thẳng, có sự huy hoàng. Tôi đã cam lấy y phục bằng vỏ cây và đã trải xuống ở cạnh bàn chân [của đúc Phật]. 3681. Tôi đã cầm lấy chất bôi thơm kālānusāriya và đã thoa lên đức Như Lai. Sau khi thoa lên bậc Toàn Giác, tôi đã ngợi ca về đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng: 3682. “Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã vượt qua dòng nước lũ, Ngài tiếp độ thế gian này, Ngài chiếu sáng bằng ánh sáng trí tuệ, trí tuệ tối thượng [của Ngài] la không bi che lấp. 3683. Ngài chuyên vận bánh xe giáo pháp, Ngài chê ngự các ngoại đạo khác, Ngài là vị cao quý đã chiên thăng trận dâu, Ngài làm trái đất rúng động.

3684. Các làn sóng ở đại dương bị vỡ tan ở bờ biển, tương tợ y như thế, tất cả các tà kiên bị tan vỡ ở trí tuệ của Ngài. 3685. Khi lưới có lỗ nhỏ được đặt vào ở trong hồ nước, các sinh vật đi vào trong lưới thì bi khống chế ngay lập tức. 3686. Bạch Ngài, tương tợ y như thế, các ngoại đạo ở thế gian dựa dẫm vào dị giáo tầm thường, họ xoay vần bên trong trí tuệ cao quý của Ngài. 3687. Ngài là bến bờ của những người đang bị cuốn trôi ở dòng nước lũ, chính Ngài là vị bảo hộ của những người không thân quyến, Ngài là sự bảo vệ cho những người bị khô đau vì hãi sợ, là nơi nương tựa của những người có mục tiêu đã bi xao lãng. 3688. Ngài là vi anh hùng độc nhất, không người tương tợ, là sự tích lũy bi mẫn và từ ái, có ệiới tốt đẹp, không kẻ sánh bằng, được an tịnh, có năng lực, vững chãi, đã chiên thắng cuộc hành trình. 3689. Ngài là bậc Trí Tuệ, có sự si mê đã được xa lìa, không còn dục vọng, không có hoài nghi, đã sống trọn vẹn, có sân hận đã được chối bỏ, không ô nhiễm, đã được thanh lọc, tinh khiết. 3690. Ngài đã vượt lên sự quyến luyến, có sự kiêu hãnh đã được tiêu diệt, có tam minh, đã đi đến tận cùng của tam giới, đã vượt qua ranh giới, có sự kính trọng giáo pháp, có mục đích đã được thực hiện, có đạo lộ hữu ích. 3691. Ngài gi8ng như ngôi sao [hướng dẫn] chiếc thuyền, giống như của cải chôn giấu là nguồn tạo sự an lỉi, giông như con sư tử không bị hãi sợ, tợ như con voi chúa kiêu kỳ.”

THÁNH NHÂN KÝ sự 321

3692. Sau khi ngợi ca bậc Có Danh Vọng Lớn Lao Padumuttara bằng mười câu kệ, sau khi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Su, khi ấy tôi đã đứng im lặng. 3693. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đạo Sư đứng ở hội chúng Tỳ-khưu? đã nói lên những lời kệ này: 3694. uNgười nào đã tán dương giới hạnh và trí tuệ, luôn cả giáo pháp của Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 3695. [Người ấy] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên sáu chục ngàn kiếp. Sau khi vượt trội chư thiên khác, [người ấy] sẽ được thiết lập làm vị Chúa tể. 3696. về sau người ấy sẽ xuất gia, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, người ấy sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức The Tôn Gotama. 3697. Sau khi xuất gia, sau khi lánh xa ác nghiệp bằng thân, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, [người ấy] sẽ Niet-bàn không còn lậu hoặc.” 3698. 'Bạch đấng Đại Hùng, giống như đam mây đang nổi sấm [sét] thì làm cho trái đất này thỏa mãn, tương tợ y như thế, Ngài đã làm con thỏa mãn bằng giáo pháp." 3699. Sau khi ngợi ca giới hạnh, trí tuệ, giáo pháp và đấng Lãnh Đạo Thế Gian, tôi đã đạt đến sự an tịnh tuyệt đối, Niết-bàn9 vị thế Bất hoại. 3700. Ôi9 nếu như đức Thế Tôn, bậc Hữu Nhãn ấy có thể tồn tại lâu dài, thì [nhiều người] có thể nhận thức điều chưa được biết đến và có thể chạm đến vị thế bất tư. 3701. Đây là lần sinh ra sau cùng của tôi, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 3702. [Ke từ khi] toi đã ngợi ca đức Phật trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương. 3703. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa. 3704. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3705. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức

Trưởng lão Sabbakittika2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Sabbakittika55 ià phần thứ ba.

394. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MADHUDÃYAKA (Madhudāyakattherāpadānam) 3706. Khu ẩn cư của tôi đã được xây dựng khéo léo ở bờ sông Sindhu. Tại nơi ấy, tôi chỉ dạy các học trò về truyền thống cùng với tướng mạo.

2 Sabbakỉttika nghĩa là uvị tán dương (kittika) tổng thể (sabbā) về đức Phát."

3707. Các vị ấy có sự ao ước về giáo pháp, đã được huấn luyện, có ước muôn được nghe lời giáo huân tót đẹp. Đã đạt đên sự toàn hảo vê sáu chi phân, các vị ấy sống ở bờ sông Sindhu. 3708. Khi ây, trong lúc đang tâm câu mục đích tôi thượng, các vị sông ở trong khu rưng bao la. 3709. Bậc Toàn Giác tên Sumedha lúc bấy giờ đã hiện khởi ở thế gian. Thương tưởng đến chúng tôi, đấng Hướng Đạo đã đi đến gần. 3710. Khi đấng Đại Hùng, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha đã đi đến gần, tôi đã làm tấm thảm trải bằng cỏ và đã dâng cúng đến bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian. 3711. Tôi đã cầm lấy mật ong từ khu rừng bao la và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. Bậc Toàn Giác đã thọ dụng và đã nói lời nói này: 3712. "Người nào được tịnh tín, đã tự tay mình dâng cúng mật ong ấy đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 3713. Do sự dâng cúng mật ong này và do tấm thảm trải bằng cỏ, [người ấy] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp. 3714. Vào ba mươi ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 3715. Là ngưòd thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người áy] sẽ biêt toàn diện vê tát cả các lậu hoặc và sẽ Niêt-bàn không còn lậu hoāc." 3716. Sau khi đã từ thế giới chư thiên 9 r đi đếnr nơi đây, khi [tôi] nhập vào jF

bụng mẹ, có cơn mưa mật ong đã đô xuống, che lâp trái đát với mật ong. 3717. Và ngay khi tôi đang ra khỏi bụng mẹ một cách vô cùng khó khăn, tại nơi ấy cũng có cơn mưa mật ong đã liên tục đổ mưa đến tôi. 3718. Sau khi lìa khỏi nhà, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình, tôi có sự đạt được về cơm ăn và nước uống; điều này là quả báo của việc dâng cúng mật ong. 3719. Tôi được dồi dào về mọi dục lạc sau khi đã sống ở [thế giới] chư thiên và nhân loại. Chính nhờ sự dâng cúng mật ong ấy, tôi đã đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc. 3720. Khi trời đổ mưa ở cỏ dài bốn ngón tay, khi loài thảo mộc mọc ở trên đất đã được trổ hoa và đã che phủ khắp, ở ngôi nhà trống vắng, ở mái che và ở cội cây, tôi sống luôn luôn được an lạc, không còn lậu hoặc. 3721. Tôi đã vượt lên tất cả các cõi trung bình, to lớn và thấp kém. Hôm nay các lậu hoặc của tôi đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa. 3722. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí [trước đây] ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng mật ong.

3723. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa. 3724. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời

hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3725. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Madhudâyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ẾÍKý sự về Trưởng lão Madhudâyaka^ là phần thứ tư.

395. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAKỦTẢGÃRIYA (Padumakūtāgāriyattherapadānam) 3726. Đức Thế Tôn ten Piyadassĩ, là đấng Tự Chủ, bậc Lãnh Đạo Thế Gian. Đấng Toàn Giác, bậc Hiền Trí có ước muốn độc cư, thiện xảo về định. 3727. Sau khi đi sâu vào khu rừng rậm, bậc Đại Hiền Trí Piyadassĩ, đấng Tôi Thượng Nhân đã trải ra tâm y may từ vải bi quăng bỏ roi ngôi xuồng. 3728. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Khi ấy, trong lúc tìm kiếm loài nai pāsādā, tôi [đã] đi lang thang. 3729. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc, tợ như cây sâla chúa đã được trổ hoa, tợ như mặt trời đã mọc lên. 3730. Sau khi nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao Piyadassĩ, khi ấy tôi đã lội xuống hồ nước thiên nhiên và đã mang lại đóa sen hồng. 3731. Sau khi mang lại đóa sen hồng trăm cánh làm thích ý? tôi đã xây dựng ngôi nhà mái nhọn và đã phủ lên bằng hoa sen hồng. 3732. Bậc Có Lòng Thươnẹ Tưởng, đấng Bi Mần, bậc Đại Hiền Trí Piya- dassĩ, đức Phật, đấng Chiến Thắng đã ngụ bảy ngày đêm ở ngôi nhà mái nhọn. 3733. Sau khi bỏ đi các [bông hoa] héo úa, tôi đã che lên bằng [bông hoa] mới. Liền sau đó, tôi đã chắp tay lên và đứng yên. 3734. Bậc Đại Hiền Trí Piyadassī đã xuất khỏi định. Trong lúc đang quan sát các phương, đấng Lãnh Đạo Thê Gian đã ngôi xuông. 3735. Khi ây9 vị thị giả có đại thân lực tên Sudassana đã hiêu được tâm của đức Phật, bậc E)ạo Sư Piyadassī* 3736. Được tháp tùng bởi tám mươi ngàn vị Tỳ-khưu? vị ấy đã đi đến gần đấng Lãnh Đạo The Gian đang ngồi an lạc ở cuối khu rừng. 3737. Và cho đến chư thiên ngự ở trong khu rừng rậm, sau khi biết được tâm của đức Phật, khi ấy tất cả đã tụ hội lại.

3 Madhudâyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) mật ong (jnadhù)y

3738. Khi các dạ-xoa, các ác thần, cùng với các loài quỷ sứ đã cùng nhau đi đến, và khi hội chúng Tỳ-khưu đã đến nơi, đấng Chiến Thắng đã thốt lên các lời kệ này: 3739. "Người nào đã cúng dường và đã thực hiện chỗ ngụ cho Ta bảy ngày, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 3740. Bằng trí tuệ, Ta sẽ tán dương điều thật khó mà nhìn thấy, vô cùng vi tế, sâu thẳm, đã được thể hiện tốt đẹp. Các người hãy lang nghe Ta nói. 3741. [Người ấy] sẽ cai quản thiên quốc mười bốn kiếp. Có tòa nhà mái nhọn vĩ đại, được che phủ bằng các đóa sen hồng, sẽ được duy trì ở không trung dành cho người ấy; điêu này là quả báo của việc làm với bông hoa. 3742. [Người ấy] sẽ luân hồi xen kẽ [giữa cõi trời và cõi người] hai ngàn bốn trăm kiếp. Tại nơi ây sẽ có cung điện làm băng bông hoa được duy trì ở không trung [dành cho người ấy]. 3743. Giống như nước không làm lem luốc cánh hoa sen, tương tợ y như the, các điều ô nhiễm không làm hoen o trí của người này. 3744. Sau khi đã loại trừ năm pháp che lấp ở trong tâm, người này sẽ làm sanh khởi tâm về việc xuất ly và sẽ xuât gia lìa khỏi gia đình. Sau đó, trong lúc cung điện làm bang bông hoa đang được duy trì, người này sẽ ra đi.

3745. Trong khi con người cân trọng có chánh niệm [này] đang ngụ ở góc cây, tại nơi ấy sẽ có cung điện làm bằng bông hoa được duy trì ở đỉnh đầu [của người này]. 3746. Sau khi dâng cúng y phục, vật thực, thuốc chữa bệnh và chỗ nằm ngồi đến hội chúng Tỳ-khưu, [người này] sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.95 3747. Tôi đã ra đi xuất gia bằng sự di chuyển của Iiệôi nhà mái nhọn. Ngôi nhà mái nhọn được duy trì trong khi [tôi] đang ngụ ở góc cây. 3748. Sự suy tư về y phục và vật thực không có ở tôi. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, tôi nhận được hoàn toàn đầy đủ. 3749. Nhiều koti kiếp sống của tôi, không thể đo lườnệ bằng phương diện tính đếm, đã trôi qua vô ích, các bậc Lãnh Đạo Thế Gian đêu đã giải thoát. 3750. [Trước đây] một ngàn tám trăm kiêp, đang Hướng Đạo Piyadassĩ [đã hiện khởi]. Sau khi phục vụ Ngài, tôi đã đi đên lân nhập thai này. 3751. Tại đây, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác, đấng Hữu Nhãn tên Anoma. Tôi đã đi đến gặp vị ấy và đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 3752. Đức Phật, bậc Đoạn Tận Khổ Đau, đấng Chiến Thắng đã giảng giải cho tôi về đạo lộ. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, tôi đã đạt đến vi thế bất động. 3753. Sau khi đã làm vui lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyā, sau khi biết toàn diện về tát cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 3754. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật [trước đây] một ngàn tám

trăm kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đúc Phật. 3755. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa. 3756. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3757. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Padumakūtāgāriya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í4Ký sự về Trưởng lão Padumakūtāgāriyaw là phần thứ năm.

396. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BAKKULA (Bakkulattherãpadãnam) 3758. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Sobhita. Khu ẩn cư của tôi đã được xây dựng khéo léo? đã được tạo lập bởi nhũng người học trò của tôi. 3759. Tại nơi ấy, có nhiều mái che và các cây sinduvãraka đã được trổ hoa. Tại nơi ấy, có nhiều cây táo rừng và các cây jīvajīvaka đã được trổ hoa. 3760. Tại nơi ây, có nhiêu cây niggundiya, cây táo, cây ãmalaka, cây phãrusaka, các dây bầu trái dài, và các giống sen trắng đã được trổ hoa. 3761. Tại nơi ấy, có các cây âlaka, cây beluva, cây chuối, cây chanh. Tại nơi ấy, có nhiều cây mahānāma, cây ajjuna và cây piyañguka. 3762. Tại nơi ấy, có các cây kosamba, cây salala, cây nĩpa, cây nigrodha và cây kapitthana. Khu ẩn cư của tôi là như thế ấy. Tôi cùng với các người học trò của mình đã cư ngụ tại nơi ấy. 3763. Đức Thế Tôn Anomadassĩ, bậc Tự Chủ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, trong khi tâm câu sự yên tinh đã đi đên gân khu ân cư của tôi. 3764. Khi đấng Đại Hùng Anomadassī có danh vọng lớn lao đã đi đến gần, bỗng nhiên có căn bệnh về gió đã phát khởi đến đấng Bảo Hộ Thế Gian. 3765. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian trong lúc đang đi lang thang ở khu rừng. Tôi đã đi đến gần đấng Toàn Giác, bậc Hữu Nhãn có danh vọng lớn lao. 3766.

Ngay sau khi nhìn thấy cử chỉ [của Ngài], khi ấy tôi đã nhận ra rằng: "Không còn nghi ngờ gì nữa, có cơn bệnh đã nảy sanh đến đức Phật của chúng ta." 3767. Toi đã tức tốc đi về khu ẩn cư, ở chỗ các người học trò của tôi. Có ý đinh bào chế thuốc chữa bệnh, khi ấy tôi đã triệu tập các người học trò lại.

4 Padumakūtāgāriya nghĩa là "vj liên quan đến ngôi nhà mái nhọn (kūtāgāra) bằng bông sen hồng (padumă)y

3768. Tuân theo lời nói của tôi, các người học trò, tất cả đều có lòng kính trọng, đã tụ tập lại một chỗ do sự tôn kính đối với bậc Đạo sư của tôi. 3769. Sau khi cáp tóc trèo lên núi và mang vê tát cả các loại thu6c, tôi đã bào chế loại nước hỗn hợp và tôi đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. 3770. Khi bậc Đại Hùng, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã thọ dụng, cơn [bệnh] gió của đấng Thiện Thệ, bậc Đại Ẩn Sĩ đã mau chóng được đạp tắt. 3771. Sau khi nhìn thấy sự khó chịu đã được êm dịu, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao Anomadassĩ đã ngôi xuống ở chô ngôi của mình và đã nói lên những lời kệ này: 3772. "'Người nào đã dâng cúng thuốc chữa bệnh đến Ta và đã làm êm dịu cơn bệnh của Ta, Ta sẽ tán dương người ây. Các người hãy lăng nghe Ta nói. 3773. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một trăm ngàn kiếp, ở tại nơi ấy, người này sẽ luôn luôn vui thích các nhạc cụ được trình tấu. 3774. Sau khi đi đến thế giới loài người, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. 3775. Vào kiêp thứ năm mươi lăm, [người này] sẽ là vi Sát-đê-lỵ tênAnoma, là người chinh phục bốn phương, là vị chúa tể của vùng đất Jambu. 3776. Là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao, [người này] sẽ làm chấn động luôn cả cõi trời Đạo-lợi và sẽ được thiết lập làm VỊ chúa te. 3777. Trở thành vị thiên nhân hay là người [nhân loại], [người này] sẽ ít bệnh tật. Sau khi xa lìa sự bám víu [của gia đình], [người này] sẽ vượt qua căn bệnh [phiền não] ở thế gian. 3778. Vô lượng kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 3779. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biêt toàn diện vê tát cả các lậu hoặc và sẽ Niêt- bàn không còn lậu hoặc. 3780. Sau khi thiêu đốt các phiền não, [người này] sẽ vượt qua dòng chảy tham ái, và sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, có tên là Bakkula. 3781. Biết rõ toàn bộ việc này, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyā, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khiru, sẽ thiết lập [người này] vào vị thế t6i thắng." 3782. Đức Thế Tôn Anomadassĩ, bậc Tự Chủ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, trong khi xem xét vê sự độc cu, đã đi đên gân khu ân cư của tôi. 3783. Khi bậc Đại Hùng, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã đi đến gân, được tinh tín, tôi đã tự tay mình làm toại ý Ngài băng mọi thứ dược phàm. 3784. Việc làm đã khéo được thực hiện bởi tôi đây là sự thành tựu về hạt

giống ở phước điền màu mỡ, bởi vì từ khi việc của tôi đã được thực hiện tốt đẹp, tôi không bao giờ có thể bị hao hụt. 3785. Điều lợi ích cho tôi đã được tôi đạt thành một

cách tốt đẹp, là việc toi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo. Nhờ vào phần dư sót của nghiệp ấy, tôi đã đạt đến vị thế bất động. 3786. Sau khi biết rõ về tất cả điều này, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyā, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, đã thiết lập tôi vào vi thế tối thắng. 3787. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đay vô lượng kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của thuốc chữa bệnh. 3788. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa. 3789. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3790. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bakkula đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Bakkula" là phần thứ sáu.

397. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO GIRIMẢNANDA (Girimānandattherāpadānam) 3791. Người vợ của tôi đã qua đời. Con trai tôi [đã chết] được đưa đến bãi tha ma. Mẹ, cha và anh trai [của tôi đang] được thiêu chung một giàn hỏa thiêu. 3792. Bị nung nấu bởi nỗi sầu muộn ấy, tôi đã trở nên gầy ốm, vàng vọt. Bị dày vò bởi nỗi sầu muộn ấy, tôi đã có sự rối loạn tâm trí. 3793. Bị khổ sở bởi mũi tên sầu muộn, tôi đã đi vào bên trong khu rừng. Tôi ăn trái cây đã được rụng xuông và cư ngụ ở góc cây. 3794. Đấng Toàn Giác tên Sumedha, bậc Đoạn Tận Khổ Đau, đấng Chiến Thắng, có ý đinh tiếp độ tôi, Ngài đã đi đến gần chỗ của tôi. 3795. Nghe được tiếng bước chân của bậc Đại Ẩn Sĩ Sumedha, tôi đã ngẩng đầu lên, ngước nhìn bậc Đại Hiền Trí. 3796. Đấng Đại Hùng đã ngự đến, niềm phỉ lạc đã sanh khởi ở tôi. Sau khi nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian ấy, khi ấy tâm trí của tôi đã được tập trung lại. 3797. Sau khi đạt được niệm trở lại, tôi đã dang cung nắm lá cây. Đức Thế Tôn, bậc Hữu Nhãn, vì lòng thương tưởng đã ngồi xuống ở tại nơi ấy. 3798. Sau khi ngồi xuống ở tại nơi ấy, đức Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha đã thuyết giảng giáo pháp xua đi mũi tên sầu muộn cho tôi rằng:

328 KINH TIẾU Bộ

3799. "Không được mời mọc, từ nơi ấy họ đã đi đến. Không được cho phép, từ nơi đây họ đã ra đi. Họ đã đi đến như thế nào thì họ đã ra đi như thế ấy; có sự than vãn gì trong trường hợp ấy? 3800. Cũng gi6ng như những người bộ hành vào lúc cơn mưa đang đổ xuống, do việc đo xuống của cơn mưa, họ đi đến chỗ có sự tốt đẹp [để trú mưa]. 3801. Và khi cơn mưa đã tạnh, họ tự động ra đi theo như ý thích. Mẹ và cha của ngươi là tương tợ như thế; có sự than vãn gì trong trường hợp ấy? 3802. Các người lữ hành là những người khách có tính chất dao động, chuyển động, rung động, mẹ và cha của ngươi là tương tợ như thế; có sự than vãn gì trong trường hợp ấy? 3803. Cũng giống như loài rắn quăng bỏ lớp da già cỗi rồi đi đến lớp da [mới], tương tợ như thế, mẹ và cha của ngươi đã bỏ lại xác thân ở nơi dây." 3804. Hiểu được lời nói của đức Phật, tôi đã lìa bỏ mũi tên sầu muộn. Sau khi làm cho sanh khởi niềm hưng phấn, tôi đã đảnh lễ đức Phật tối thượng. 3805. Sau khi đã đảnh lễ bậc Long Tượng, tôi đã cúng dường bó hoa giri có được hương thơm của cõi trời đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha. 3806. Sau khi cúng dường bậc Toàn Giác, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Trong lúc tưởng nhớ đến

các đức hạnh cao cả, tôi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thê Gian rang: 3807. "Bạch đấng Đại Hùng, bậc Toàn Iri? đấng Lãnh Đạo Thế Gian, Ngài đã vượt qua. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài tiếp độ t& cả chúng sanh bằng trí tuệ. 3808. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã cắt đứt sự hoài nghi cũng như sự lưỡng lự. Bạch đấng Hữu Nhãn, Ngài đã sắp xếp đạo lộ cho con bằng trí tuệ của Ngải. 3809. Các bậc A-la-hán đã đạt đến sự thành tựu, có sáu thắng trí, có đại thần lực, là các bậc trí tuệ có sự du hành ở không trung ngay lập tức tháp tùng theo. 3810. Có các vị Thinh văn, là các bậc Hữu học đang thực hành và có các bậc đã trú vào quả vị A-la-hán. Các vị Thinh văn của Ngài nở rộ như đóa sen hong vào lúc mặt trời mọc. 3811. Bạch đang Hữu Nhãn, giông như đại dương là không bi suy suyễn, không thể ước lượng, khó mà vượt qua, tương tợ y như vậy9 được hội đủ về trí tuệ, Ngài là bậc vo lượng.^ 3812. Sau khi đảnh lễ đấng Chiến Thắng Của Thế Gian, bậc Hữu Nhãn có danh vọng lớn lao, trong khi lễ bái các phương tôi đã cúi mình ra đi. 3813. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, trong khi luân chuyển ở cõi này cõi khác, tôi đã hạ sanh vào bụng mẹ, có sự nhận biết, có niệm. 3814. Sau khi lìa khỏi nhà, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Tôi có sự nhiệt tâm, cẩn trọng, chứng thiền, có sự yên tịnh là hành xứ. 3815. Sau khi đã khăng quyêt vê sự nô lực, sau khi đã làm vui lòng bậc Đại

Hiên Trí, tôi thường xuyên đi đó dây, tợ như mặt trăng đã được thoát khỏi đám mây dày đặc. 3816. Tôi gắn bó với sự độc cư, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 3817. [Kể từ khi] tôi đã cúng đuờng đức Phật [trước đây] ba mươi ngàn kiep, toi không con biêt đen kho canh; điêu nay la qua bao cua việc cung dường đức Phật. 3818. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa. 3819. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3820. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Girimânanda đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Girimânanda59 là phần thứ bảy.

398. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SALALAMANDAPIYA (Salalamandapiyattherāpadānam) 3821. Khi [đức Phật] Kakusandha, vi Bà-la-môn hoàn hảo đã Niết-bàn, tôi đã cầm lấy tràng hoa salala và đã cho thực hiện mái che. 3822. Trong khi đi đến cõi trời Đạo-lợi, tôi đạt được cung điện tối thượng, tôi vượt trội chư thiên khác; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 3823. Dâu là ban ngày hay ban đêm, trong khi đang đi kinh hành và đứng lại, tôi được che bởi các bông hoa salala; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 3824. Ngay chính trong kiếp này [kể từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 3825. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc. 3826. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời

hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3827. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Salalamandapiya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Salalamandapiya" là phần thứ tám. 5 Salalamandapiya nghĩa là <4vị liên quan đến mái che (rnandapd) bông hoa salala."

399. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SABBADÃYAKA (Sabbadāyakattherapadānam) 3828. Chỗ cư ngụ của tôi đã khéo được hóa hiện ra ở gần biển cả, có hồ nước đã khéo được tạo lập, được líu lo bởi loài ngỗng đỏ. 3829. [Hồ nước] được che phủ bởi các cây mạn-đà-la, bởi các đóa sen xanh và sen đỏ. Và con sông chảy qua nơi ấy có bên nước cạn xinh xăn làm thích ý. 3830. [Dòng sông] chứa đầy dẫy những cá và rùa, đông đúc với nhiều loại chim khác nhau, náo nhiệt bởi các chim công và chim cò cùng với những loài dơi và loài chim sáo, v.v... 3831. Và ở đây có các loài sống ở sông như là các con chim bồ câu, các loài ngỗng trời, các con ngỗng đỏ, các chim le le, các con chim cu, các loài pampaka và các con jīvamjīvaka. 3832. [Dòng sông] có các chim thiên nga, chim cò làm ầm ĩ, có nhiều chim cú và loài piñgala, được đay đủ bảy loại châu báu, với bãi cát có ngọc ma-ni và ngọc trai. 3833. Tất cả các cây đều làm bằng vàng, được tỏa ra với nhiều hương thơm khác loại. Chúng thắp sáng chỗ tru ngụ ngày và đêm vào mọi thời điểm. 3834. Sáu mươi ngàn loại nhạc cụ được phát ra âm thanh sáng chiều. Mười sáu ngàn người nữ luôn luôn quây quần bên tôi. 3835. Tôi đã rời khỏi nơi cư ngụ [và đi đến gặp] đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ bậc Có Danh Vọng Lớn Lao ấy. 3836. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã thỉnh mời Ngài cùng hội chúng. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian śumedha trí tuệ ấy đã chấp nhận. 3837. Sau khi thực hiện việc thuyết giảng giáo pháp cho tôi, bậc Đại Hiền Trí đã cho giải tán. Tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác và đã đi về chỗ cư ngụ của tôi. 3838. Tôi đã thông báo với nhóm tùy tùng rằng: "Vào buổi sáng, đức Phật sẽ đi đến chỗ ngụ [này]. Tất cả các người hãy tụ hội lại." 3839. [Họ đã đáp rằng:] "Việc chúng tôi sống thân cận với Ngài là điều lợi ích cho chúng tôi, là điều đã được thành đạt tốt đẹp cho chúng tôi. Chúng tôi cũng sẽ thực hiện việc cúng dường đến bậc Đạo Sư? đức Phật tối thượng?9 3840. Sau khi sắp đặt thức ăn và nước uống, tôi đã thông báo về thời gian. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngự đến cùng với một trăm ngàn vị có năng lực. 3841. Tôi đã thực hiện việc tiếp đón với các loại nhạc cụ có đủ năm yếu tố. Bậc Tối Thượng Nhân đã ngồi xuống ở chiếc ghế làm toàn bằng vàng. 3842. Khi ấy, đã có chiếc lọng làm toàn bằng vàng ở phía trên, có những cái quạt quạt gió ở phía bên trong của hội chúng Tỳ-khưu. 3843. Tôi đã làm toại ý hội chúng Tỳ-khưu với cơm ăn nước uống dồi dào. Tôi đã dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu mỗi vi một xấp vải đôi.

3844. Vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng của thế gian mà mọi người gọi là "Sumedha", sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, đã nói lên lời kệ này: 3845. "Người nào đã làm toại ý Ta và tất cả các vị này với cơm ăn nước uống, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 3846. Người này sẽ sướng vui ở thê giới chư thiên một

ngàn tám trăm kiêp? và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. 3847. Người này sanh lên chôn nào, là bản thê thiên nhân hay nhân loại, sẽ có chiếc lọng làm toàn bằng vàng che cho người ấy vào mọi lúc. 3848. Vào ba mươi ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 3849. Là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ây, là chánh thông, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện ve tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết- bàn không còn lậu hoặc. 3850. [Người này] sẽ ngồi xu6ng ở hội chúng Tỳ-khiru và sẽ rống lên tiếng rống của loài sư tử. Nhiều người câm chiếc lọng ở giàn hỏa thiêu, và [người này] được thiêu ở bên dưới chiếc Iqng.” 3851. Trạng thái Sa-môn đã được tôi đạt đến, các phiền não đã được tôi thiêu đốt, ở mái che hoặc ở gốc cây, tôi không biết đến sự nóng bức. 3852. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo việc dâng cúng mọi thứ. 3853. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc. 3854. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3855. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sabbadãyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Sabbadyaka” là phần thứ chín.

400. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AJITA (Afitattherāpadānam) 3856. Sau khi đi sau vào núi Hy-mã-lạp, đang Chiên Thăng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngồi xuống. 3857. Tôi đã không nhìn thấy bậc Toàn Giác [trước đây] và tôi cũng không được nghe lời đồn đãi. Khi ấy, tôi đi lang thang ở trong rừng, đang tìm kiếm thức ăn cho mình. 3858. ở tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác có ba mươi hai hảo tướng. Sau khi nhìn thấy, tôi đã có ý nghĩ rằng: "Người này có tên là gì nhí?"

6 Sabbadãyaka nghĩa là uvị dâng cúng {dāyako) mọi thứ (sabbā)?

3859. Sau khi xem xét các tướng mạo, tôi đã tưởng nhớ lại vốn hiểu biết của mình; bởi vì điều này tôi đã được nghe các bậc trí tuệ cao niên giảng giải cặn kẽ. 3860. [Tôi đã suy nghĩ rằng:] "Theo như lời nói ấy của họ thì người này sẽ là đức Phật. Có lẽ ta nên tôn trọng thì số phận của ta sẽ được sáng siỉa?" 3861. Tôi đã mau chóng đi về lại khu ẩn cư và đã chọn lấy dầu của cây madhu. Tôi đã mang theo một hủ và đã đi đên gặp đang Nhân Ngưu. 3862. Tôi đã cầm lấy cái chạng ba và đã dựng lên ở ngoài trời. Tôi đã thắp sáng cây đèn và đã đảnh lễ tám lần. 3863. Đức Phật, bậc Tối Thượng Nhân đã ngồi bảy ngày đêm. Sau đó, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã xuất thiền vào lúc cuối đêm. 3864. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã [trải qua] bảy ngày đêm. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng cây đèn đến đức Phật. 3865. Khi ấy, do nhờ oai lực của đức Phật, tất cả các khu rừng được tạo bằng hương thơm, được thấm nhuần hương thơm ở ngọn núi, đã di chuyển đến gần đấng Chiến Thắng. 3866. Các loài thảo mộc mọc ở trên đất thuộc loài có hoa, có hương thơm thì đã được trô hoa. Khi ây, do nhờ oai lực của đức Phật, tát cả đã tụ hội lại. 3867. Cho đến các loài rồng và các loài nhân điểu ở núi Hy-mã-lạp, có ý

muốn nghe giáo pháp, cả hai loài ấy đã đi đến gần bên đức Phật. 3868. Vị Sa-môn tên Devala là bậc Thinh văn hàng đầu của đức Phật, cùng với một trăm ngàn vị có năng lực, đã đi đến gần bên đức Phật. 3869. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, đã nói lên những lời kệ này: 3870. "Người nào được tịnh tín, đã tự tay mình dâng cúng cây đèn đến Ta, Ta sẽ tán dương người ây. Các người hãy lăng nghe Ta nói. 3871. [Người ấy] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên sáu mươi ngàn kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. (Dứt tụng phẩm thứ mười sáu).

3872. [Người ấy] sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần, và sẽ cai trị vương quốc rộng lớn ở trái đất bảy trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 3873. Do sự dâng cúng cây đèn này, [người ấy] sẽ có thiên nhãn. Người này sẽ luôn luôn nhìn thấy khoảng cách tám kosa7 ở xung quanh. 3874. Trong khi [người này] mệnh chung từ thế giới chư thiên và đang đi tái sanh, sẽ có cây đèn được duy trì ban ngày luôn cả ban đêm [cho người này].

7 Kosa là khoảng cách bằng 500 lần chiều dài của cây cung.

THÁNH NHÂN KÝ sự 333

3875. Khi con người có được nghiệp phước thiện đang được sanh ra, thành phố [ở nơi sanh ra] là rộng đến đâu thì sẽ được chói sáng đến dấy. 3876. [Người này] đi tái sanh ở chốn nào, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, chính nhờ tám phần quả báo của sự dâng cúng cây đèn này, sẽ không ai vượt trội con người này; điêu này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn. 3877. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuat hiện ở thế gian. 3878. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ây, là chánh thông, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết- bàn không còn lậu hoặc. 3879. Sau khi đã làm vui lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya9 [người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, có tên là Ajita.” 3880. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên sáu mươi ngàn kiếp, ở tại nơi ây, toi cũng co mọt trăm cay đen choi sang vao mọi thời diêm. 3881. Các ánh sáng của tôi tỏa ra cho dù ở thế giới chư thiên hay là nhân loại. Sau khi tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng, tôi đã khởi lên niềm vui dào dạt. 3882. Sau khi mệnh chung từ cõi trời Đâu-suât, tôi đã hạ sanh vào bụng mẹ. Trong khi tôi đang được sanh ra, đã có ánh sáng chan hòa. 3883. Sau khi lìa khỏi nhà, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Tôi đã đi đến gặp vi Bâvari và đã trở thành học trò [của vị ấy].8 3884. Trong khi sống ở núi Hy-mã-lạp, tôi đã nghe về đấnệ Lãnh Đạo Thế Gian. Trong lúc tầm cầu mục đích tối thượng, tôi đã đi đến gặp đang Hướng Đạo. 3885. Đức Phật là bậc đã được rèn luyện, là bậc giúp cho [người khác] rèn luyện, là bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn mầm mống tái sanh. Đức Phật đã thuyết giảng ve Niết-bàn, sự thoát khỏi tất cả khổ đau. 3886. Việc đi đến ấy của tồi đã được thành công bởi vì bậc Đại Hiền Trí đã được vui lòng. Tôi đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật. 3887. [Ke từ khi] toi đã dâng cúng cây đèn trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn. 3888. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả

các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc. 3889. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3890. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ajita đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 46Ký sự về Trưởng lão Ajita" là phần thứ mười. 8 Tên của một vị Đạo sư Bà-la-môn. (ND)

334 KINH TIỂU Bộ

Phần tóm lược Vi PiḶindivaccha, vị Sela9 vị Sabbakitti, vi dâng cúng mật ong, vị có ngôi nhà mái nhọn, vị Bakkula, vi Girimânanda, vị tên Salala, vị dâng cúng mọi thứ và luôn cả vị Ajita; [tổng cộng] các câu kệ đã được tính đếm ở đây gồm có năm trăm câu kệ và hai mươi câu thêm vào đó nữa. Phẩm PiḶindivaccha là phẩm thứ bốn mươi bốn.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm Đóa sen hồng luôn cả vị dâng cúng sự bảo vệ, bông hoa ummâ cùng với vi dâng cúng vật thơm và nước, một đóa sen hồng, vị có sự suy tưởng về âm thanh, bông hoa mandârava, vị đảnh lễ cội Bồ-đề? trái cây avanta và vị PiḶindivaccha; [tổng cộng] các câu kệ đã được tính đếm là một ngàn một trăm và bảy mươi bốn câu kẹ. Nhóm "Mirời" tír phẩm Paduma. Nhóm 4iMot trăm" thứ tư được đầy đủ.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.